

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

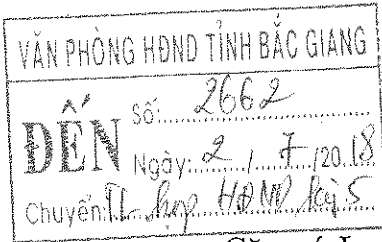
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119 /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2018

### TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)



Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Đầu tư ngày 26/11/2014; Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25/11/2014; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), với các nội dung như sau:

#### 1. Sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết

Thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 13/7/2016 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030. Sau 2 năm triển khai thực hiện, hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến khá tích cực. Tuy nhiên, hệ thống quốc lộ và đường tỉnh còn nhiều khó khăn. Theo kết quả rà soát, đến nay trên địa bàn tỉnh mới có 102,14/329,9km quốc lộ (36,42%) và 125,39/362km đường tỉnh (34,63%) có quy mô mặt đường rộng từ 8m trở lên, thấp hơn nhiều so với mục tiêu Nghị quyết 113-NQ/TU đề ra (đến năm 2020 60% quốc lộ và 65% đường tỉnh có quy mô mặt đường lớn hơn 8m). Nhiều trục giao thông chính của tỉnh quy mô nhỏ hẹp, mật độ phương tiện lớn, đi lại khó khăn, tiềm ẩn nguy cơ ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của tỉnh.

Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn, vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ bị cắt giảm nhiều dẫn đến

nhiều tuyến đường quan trọng cần thiết phải đầu tư nhưng chưa cân đối được nguồn vốn để triển khai thực hiện. Để khắc phục vấn đề này, việc khai thác các nguồn lực từ đất đai, đẩy mạnh thu hút đầu tư triển khai thực hiện các dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao là hết sức cần thiết và phù hợp.

Theo quy định của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư các dự án BT nhóm B là HĐND tỉnh. Để triển khai thực hiện các dự án đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của nhà nước phải xây dựng, trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư các dự án.

## **2. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Thực hiện kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại các Thông báo số 326-TB/TU ngày 04/4/2018, số 338-TB/TU ngày 07/5/2018, số 360-TB/TU ngày 06/6/2018; ý kiến của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại Thông báo số 353-TB/TU ngày 24/5/2018 về việc nghiên cứu thực hiện một số dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), UBND tỉnh đã giao Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh, UBND các huyện Lạng Giang, Yên Dũng, Tân Yên, Hiệp Hòa, thành phố Bắc Giang tổ chức nghiên cứu lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi một số dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Chuyển giao (BT);

Các đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án đã tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án theo quy định. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã trình xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư các dự án và được Thường trực Tỉnh ủy kết luận tại các Thông báo số 363-TB/TU ngày 12/6/2018 và số 360-TB/TU ngày 06/6/2018. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án và xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án, trình UBND tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 6/2018. Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy về dự thảo Nghị quyết và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí tại Thông báo số 375-TB/TU ngày 29/6/2018. Dự thảo Nghị quyết đã được Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh thẩm tra.

Trên cơ sở các ý kiến tham gia, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp thu chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh.

## **3. Nội dung dự thảo Nghị quyết**

- Quyết định chủ trương đầu tư 8 dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) trên địa bàn tỉnh, gồm:

+ Dự án nâng cấp, cải tạo ĐT292 trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;

+ Dự án xây dựng đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

+ Dự án xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường Vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, tỉnh Bắc Giang;

+ Dự án xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang;

+ Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên), tỉnh Bắc Giang;

+ Dự án cải tạo, nâng cấp QL37 đoạn từ Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang;

+ Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo (Km0+00 - Km8+300); tuyến QL17 đoạn từ Cống Kém đi Tiên Phong (Km55+00 - Km60+52), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

+ Dự án xây dựng cầu vượt qua đường Xương Giang - nối đường Nguyễn Thị Minh Khai với đường Trần Quang Khải, thành phố Bắc Giang.

- Nội dung quyết định chủ trương đầu tư các dự án chi tiết tại dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

*(Kèm theo Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh).*

Trên đây là Tờ trình đề nghị thông qua Nghị quyết của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT). UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

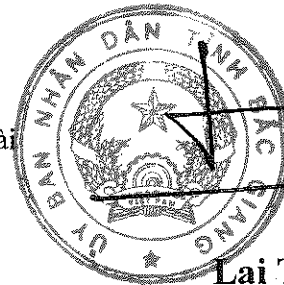
**Nơi nhận:** 

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, GT. Tùng.

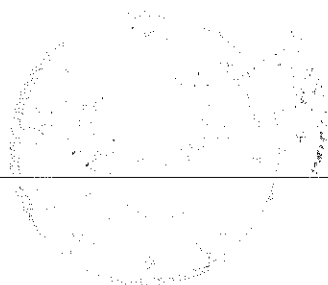
**Bản điện tử:**

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lại Thanh Sơn



Số: **NO-HĐND**

Bắc Giang, ngày tháng 7 năm 2018

Dự thảo

### NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư theo hình thức  
hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ- CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Xét Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển Giao (BT) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

#### 1. Danh sách các dự án:

1.1. Dự án nâng cấp, cải tạo ĐT292 trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;

1.2. Dự án xây dựng đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

1.3. Dự án xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, tỉnh Bắc Giang;

1.4. Dự án xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang;

1.5. Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên), tỉnh Bắc Giang;

1.6. Dự án cải tạo, nâng cấp QL37 đoạn Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

1.7. Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo (Km0+00-Km8+300); tuyến QL17 đoạn từ cống Kem đi Tiên Phong (Km55+00-Km60+052), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

1.8. Dự án xây dựng cầu vượt qua đường Xương Giang - nối đường Nguyễn Thị Minh Khai với đường Trần Quang Khải, thành phố Bắc Giang.

**2. Nội dung chủ trương đầu tư các dự án:** Có các Phụ lục chi tiết kèm theo.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**Bản điện tử:**

- Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên văn phòng HĐND tỉnh.

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Hải**

## PHỤ LỤC 01

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số          /NQ-HĐND ngày          /7/2018 của HĐND tỉnh)

**1. Tên dự án:** Nâng cấp, cải tạo ĐT292 trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyên giao (BT).

**2. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo ĐT292 đoạn qua địa bàn huyện Lạng Giang nhằm nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường hiện tại, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị khu vực; giúp tăng cường tính kết nối giao thông khu vực các huyện Tân Yên, Yên Thế và các xã phía Tây Bắc của huyện Lạng Giang với khu vực thị trấn Kép, tuyến QL1 và cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn,...; khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông, nguy cơ mất an toàn giao thông trên tuyến, tạo điều kiện đi lại thuận lợi và an toàn cho người dân, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, đô thị của khu vực. Qua đó đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của khu vực và của tỉnh.

### **3. Sơ bộ về nội dung và quy mô đầu tư:**

a) Phạm vi đầu tư: Điểm đầu Km0+00 giao với QL1 tại Km99+100 thuộc địa phận xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang; điểm cuối Km8+311 tại đầu phía Nam cầu Bó Hạ thuộc xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang; chiều dài tuyến khoảng 8,3km.

#### b) Quy mô đầu tư:

- Đầu tư tuyến đường theo quy mô chung đường cấp III đồng bằng (TCVN4054-2005), với bề rộng nền đường  $B_n = 12,0m$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 11m$  (bao gồm cả lề gia cố); bề rộng lề đất  $B_l = 2 \times 0,5 = 1,0m$ . Những đoạn tuyến đi qua khu dân cư đầu tư hệ thống rãnh xây thoát nước dọc hai bên. Mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm.

- Công trình cầu trên tuyến: Xây dựng 02 cầu trên tuyến gồm: Cầu Đòng qua kênh Giữa tại Km2+205, chiều dài cầu  $L_c = 30m$ , chiều rộng cầu  $B_c = 12m$ ; Cầu Tây tại Km7+750, chiều dài 8,4m, chiều rộng cầu  $B_c = 12m$ . Kết cấu các cầu BTCT, BTCT dự ứng lực vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93.

**4. Địa điểm thực hiện dự án:** Thuộc địa phận các xã Tân Thịnh, Nghĩa Hòa, An Hà và Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang.

**5. Dự kiến thời gian thực hiện dự án:** Năm 2018 - 2021.

**6. Dự kiến tổng vốn đầu tư/ Tổng mức đầu tư dự án:** 180,4 tỷ đồng

**7. Cơ cấu nguồn vốn:** Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này. Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (tối thiểu 20%): 36,1 tỷ đồng;
- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (tối đa 80%): 144,3 tỷ đồng.

**8. Loại công trình, nhóm dự án:** Công trình giao thông, dự án nhóm B.

## **9. Dự kiến quỹ đất thanh toán dự án BT**

Dự kiến quy đất giao cho nhà đầu tư để thực hiện dự án khác có diện tích khoảng 11,3ha (hiện trạng là đất chưa GPMB) thuộc Khu dân cư thôn Mầu, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang (đã được quy hoạch tỷ lệ 1/500), trong đó sử dụng 4,7ha đất ở (phân lô, bán nền) để thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất thanh toán qua tính toán sơ bộ đủ khả năng cân đối để thực hiện đầu tư công trình BT.



## PHỤ LỤC 02

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2018 của HĐND tỉnh)

**1. Tên dự án:** Xây dựng đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

**2. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT296 với đường vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hòa nhằm tạo trục giao thông kết nối ngang, tăng cường khả năng kết nối với các trục giao thông chính trong khu vực (đường Vành đai IV Hà Nội, QL37, ĐT296, ĐT295), giúp cho việc đi lại trong khu vực, cũng như kết nối với các tỉnh lân cận (Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên) được thuận tiện, dễ dàng hơn, Tuyến đường hình thành sẽ giúp thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển các Cụm công nghiệp hiện có (Hà Thịnh, Hợp Thịnh và Việt Nhật), làng nghề truyền thống Mai Trung; đồng thời mở ra quỹ đất phát triển thêm các cụm công nghiệp, làng nghề, khu dịch vụ và khu dân cư mới dọc tuyến đường. Qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của tỉnh.

### **3. Sơ bộ nội dung và quy mô đầu tư:**

a) Phạm vi đầu tư: Điểm đầu tuyến giao với ĐT296, cách cầu Vát khoảng 1km về phía thị trấn Thắng; điểm cuối kết với đường vành đai IV Hà Nội; chiều dài tuyến khoảng 7,6km.

#### b) Quy mô đầu tư:

- Phân tuyến: Dự kiến đầu tư tuyến đường theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng với: Chiều rộng nền đường  $B_n=9m$ ; chiều rộng mặt đường  $B_m=8m$  (gồm cả lề gia cố); chiều rộng lề đất  $B_l=2 \times 0,5=1,0m$ ; mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm.

- Phân cầu: Dự kiến đầu tư 03 công trình cầu trên tuyến (cầu trung và nhỏ); kết cấu cầu BTCT, BTCT dự ứng lực vĩnh cửu; tải trọng thiết kế cầu HL93.

**4. Địa điểm thực hiện dự án:** Thuộc địa phận các xã Hợp Thịnh, Mai Trung, Xuân Cẩm và Hương Lâm, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

**5. Dự kiến thời gian thực hiện dự án:** Năm 2018 - 2021.

**6. Dự kiến tổng vốn đầu tư/ Tổng mức đầu tư dự án:** 203 tỷ đồng.

### **7. Cơ cấu nguồn vốn:**

Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này. Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

-Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (tối thiểu 20%): 40,6 tỷ đồng;

- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (tối đa 80%): 162,4 tỷ đồng.

**8. Loại công trình, nhóm dự án:** Công trình giao thông, dự án nhóm B.

## **9. Dự kiến quỹ đất thanh toán dự án BT**

Dự kiến quy đất giao cho nhà đầu tư để thực hiện dự án khác gồm hai vị trí nằm sát tuyến đường đầu tư theo dự án BT, thuộc địa bàn các xã Mai Trung và Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hòa (hiện trạng là đất chưa GPMB), với tổng diện tích khoảng 30 ha. Trong đó sử dụng khoảng 12 ha đất ở (phân lô, bán nền) để thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất thanh toán qua tính toán sơ bộ đủ khả năng cân đối để thực hiện đầu tư công trình BT.

## PHỤ LỤC 03

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2018 của HĐND tỉnh)

1. **Tên dự án:** Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường Vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

2. **Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng cầu vượt QL1 kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1 nhằm từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh; tăng cường kết nối 2 bên đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, giảm tải áp lực giao thông tại nút giao QL37, đồng thời nâng cao hiệu quả đầu tư tuyến đường vành đai IV đang được đầu tư. Công trình hoàn thành sẽ giúp các KCN lớn của tỉnh (như KCN Quang Châu, Vân Trung, Đình Trám...) kết nối thuận tiện với các khu công nghệ cao thuộc thành phố Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên, cũng như kết nối với cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên; tạo điều kiện đi lại thuận tiện, thông thoáng, thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp, dịch vụ, đô thị khu vực dự án và dọc tuyến vành đai IV. Qua đó tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh và khu vực.

### 3. Sơ bộ nội dung và quy mô đầu tư:

#### a) Phạm vi đầu tư:

- Đầu tư xây dựng cầu vượt QL1 tại Km129+200 (lý trình QL1); điểm đầu Km0+00 tại Km0+258 tuyến đường vào khu công nghiệp Quang Châu, thuộc xã Quang Châu, huyện Việt Yên; điểm cuối Km0+567,8 vượt về tuyến đường vành đai IV thuộc thị trấn Nénh, huyện Việt Yên.

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng đường gom: Đầu tư mở rộng đoạn đường gom bên phải tuyến QL1 (hướng Lạng Sơn – Hà Nội) với: Điểm đầu Km0+00 tại nút giao với đường Sen Hồ - Trúc Tay; điểm cuối Km4+708 tại điểm vượt nối lên cầu Như Nguyệt; chiều dài khoảng  $L = 4,7\text{km}$ .

#### b) Quy mô đầu tư:

- Cầu vượt QL1: Thiết kế cầu vượt BTCT dự ứng lực vĩnh cửu; chiều dài cầu dự kiến  $L = 245\text{m}$  (tính đến đuôi mố); bề rộng cầu  $B_c = (0,5 + 12 + 0,5) = 13,0\text{m}$ ; tải trọng thiết kế HL93, người  $3 \times 10^{-3}\text{Mpa}$ ; tĩnh không dưới cầu từ mặt đường cao tốc đến đáy dầm  $H_{tk} \geq 5,0\text{m}$ ; tĩnh không từ mặt đường gom đến đáy dầm  $H_{tk} \geq 4,75\text{m}$ ; sơ đồ cầu dự kiến gồm 6 nhịp dầm super T cắt khác; kết cấu móng trụ cầu bằng BTCT trên hệ móng cọc khoan nhồi. Đường dẫn hai đầu cầu thiết kế dạng tường chắn BTCT.

- Đường gom hai bên đầu cầu:

+ Phía đường vành đai IV: Thiết kế đường gom với bề rộng lòng đường 7,5m, chạy dọc hai tường chắn đường dẫn đầu cầu sau đó vượt nối vào đường gom QL1. Mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm.

+ Phía KCN Quang Châu: Tận dụng mặt đường cũ trong khu công nghiệp, đầu tư tăng cường và mở rộng đường gom với  $B_n=9,5m$  (trong đó: mặt đường  $B_m=7,5m$ , hè đường  $B_h=2,0m$ ); đường gom chạy dọc hai bên tường chắn đường dẫn đầu cầu và kết nối với đường gom QL1. Quy mô mặt cắt ngang trước mô  $B_n=13+2 \times 7,5+2 \times 2=32m$ .

+ Trong giai đoạn này không đầu tư đầu nối đường Vành đai IV, đường KCN Quang Châu vào cao tốc.

- Mở rộng đường gom bên phải tuyến QL1 (đoạn từ nút giao với đường Sen Hồ - Trúc Tay đến điểm vượt nối lên cầu Như Nguyệt): Xây dựng theo quy mô: Chiều rộng nền đường  $B_n=11,5m$ , chiều rộng mặt đường  $B_m=10,5m$ , chiều rộng lề đường  $B_l=2 \times 0,5m$ . Mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm.

**4. Địa điểm thực hiện dự án:** Tại xã Quang Châu và thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**5. Dự kiến thời gian thực hiện dự án:** Năm 2018-2021.

**6. Dự kiến tổng vốn đầu tư/ Tổng mức đầu tư dự án:** 312 tỷ đồng.

**7. Cơ cấu nguồn vốn:** Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này. Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (tối thiểu 20%): 62,4 tỷ đồng;

- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (tối đa 80%): 249,6 tỷ đồng.

**8. Loại công trình, nhóm dự án:** Công trình giao thông, dự án nhóm B.

**9. Dự kiến quỹ đất thanh toán dự án BT**

Dự kiến quy đất giao cho nhà đầu tư để thực hiện dự án khác là một phần thuộc khu dân cư số 08, xã Quang Châu, huyện Việt Yên (đã được quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500) có diện tích khoảng 11 ha (hiện trạng là đất chưa GPMB), trong đó sử dụng khoảng 3,4ha đất ở (đất phân lô, bán nền) để thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất thanh toán qua tính toán sơ bộ đủ khả năng cân đối để thực hiện đầu tư công trình BT.

## PHỤ LỤC 04

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2018 của HĐND tỉnh)

**1. Tên dự án:** Xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

### **2. Mục tiêu đầu tư:**

Đầu tư xây dựng đoạn đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung nhằm hoàn chỉnh tuyến vành đai kết nối Đình Trám - Đồng Sơn - QL31 theo quy hoạch được duyệt, giúp tiếp nhận và phân luồng các dòng phương tiện từ QL31, ĐT293, QL17 và QL37 qua thành phố Bắc Giang; nâng cao hiệu quả đầu tư, khai thác của các công trình hiện có, nhất là công trình cầu Đồng Sơn và đường lên cầu đang triển khai thực hiện; tạo điều kiện thuận lợi và an toàn cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa của người dân, các doanh nghiệp trong khu vực qua đó thúc đẩy phát triển các KCN Song Khê - Nội Hoàng, KCN Vân Trung, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của tỉnh, đồng thời tạo tuyến phòng thủ, củng cố quốc phòng an ninh khu vực.

### **3. Sơ bộ về nội dung và quy mô đầu tư:**

- Phạm vi đầu tư: Điểm đầu tuyến giao với QL17, cách vị trí nút giao QL17 với cao tốc Hà Nội – Bắc Giang khoảng 1,7km; điểm cuối tuyến kết nối với QL37 kéo dài tại KCN Vân Trung, cách vị trí nút giao QL37 với cao tốc Hà Nội – Bắc Giang khoảng 0,7km; tổng chiều dài tuyến khoảng 5,8km.

- Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng mới tuyến đường với quy mô đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054-2005) với: Bề rộng nền đường  $B_n = 12m$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 11m$  (bao gồm cả gia cố lề); bề rộng lề gia cố  $B_l = 2 \times 0,5 = 1,0m$ . Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm.

**4. Địa điểm thực hiện dự án:** Huyện Yên Dũng và huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**5. Dự kiến thời gian thực hiện dự án:** Năm 2018 - 2021.

**6. Dự kiến tổng vốn đầu tư/ Tổng mức đầu tư dự án:** 218 tỷ đồng.

### **7. Cơ cấu nguồn vốn:**

Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này. Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (tối thiểu 20%): 43,6 tỷ đồng;
- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (tối đa 80%): 174,4 tỷ đồng.

**8. Loại công trình, nhóm dự án:** Công trình giao thông, dự án nhóm B.

### **9. Dự kiến quỹ đất thanh toán dự án BT:**

Dự kiến quy đất giao cho nhà đầu tư để thực hiện dự án khác có diện tích khoảng 17ha (hiện trạng là đất chưa GPMB) nằm phía bên phải đường dẫn lên

cầu Đồng Sơn thuộc xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng (đã có quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000); trong đó sử dụng khoảng 6ha đất ở (phân lô, bán nền) để thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất thanh toán qua tính toán sơ bộ đủ khả năng cân đối thực hiện đầu tư công trình BT.

## PHỤ LỤC 05

Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2018 của HĐND tỉnh)

**1. Tên dự án:** Cải tạo, nâng cấp ĐT294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên), tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT).

**2. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến ĐT294 nhằm nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường hiện tại; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị theo quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh; tăng cường tính kết nối khu vực, kết nối không gian đô thị giữa khu vực các xã phía Đông Bắc và Tây Bắc của huyện Tân Yên với khu vực thị trấn Nhã Nam; tạo điều kiện đi lại thuận lợi và an toàn cho người dân, thúc đẩy lưu thông hàng hóa phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị của khu vực. Qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của khu vực và của tỉnh.

### **3. Sơ bộ về nội dung và quy mô đầu tư:**

a) Phạm vi đầu tư: Điểm đầu Km0+00 tại ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế; điểm cuối Km15+267 thuộc địa phận xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên (tiếp giáp với huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên); chiều dài tuyến 15,3km, đi qua địa phận xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế và xã Tân Trung, thị trấn Nhã Nam, các xã Nhã Nam, Quang Tiến, Đại Hóa, Phúc Sơn, huyện Tân Yên. Phạm vi đầu tư xây dựng trong dự án khoảng 13,2km (khoảng 2,1km đi qua thị trấn Nhã Nam giữ nguyên theo hiện trạng do mới được nâng cấp, mở rộng).

#### **b) Quy mô đầu tư:**

- Phần tuyến: Đầu tư tuyến đường theo quy mô chung đường cấp III đồng bằng (TCVN4054-2005), với: Bề rộng nền đường  $B_n = 12,0m$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 11m$  (bao gồm cả lề gia cố); bề rộng lề đất  $B_l = 2 \times 0,5 = 1,0m$ . Những đoạn tuyến đi qua khu dân cư đầu tư hệ thống rãnh xây thoát nước dọc hai bên. Mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm.

#### **- Công trình cầu trên tuyến:**

+ Cầu Đen 2, cầu Đen 3, cầu Trắng, cầu Trán: Đầu tư xây dựng mới (thay thế các cầu cũ tải trọng hạn chế không đáp ứng được yêu cầu khai thác); quy mô chiều rộng toàn cầu  $B_c = 12m$ ; kết cấu cầu BTCT, BTCT dự ứng lực vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93;

+ Cầu Đen 1, cầu Lữ Vân: Hiện trạng cầu cũ còn tốt, thiết kế mở rộng đảm bảo chiều rộng toàn cầu sau khi mở rộng  $B_c = 12m$ ; kết cấu cầu BTCT vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93.

**4. Địa điểm thực hiện dự án:** Thuộc địa phận huyện Yên Thế và huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**5. Dự kiến thời gian thực hiện dự án:** Năm 2018-2021.

**6. Dự kiến tổng vốn đầu tư/ Tổng mức đầu tư dự án:** 280,5 tỷ đồng.

**7. Cơ cấu nguồn vốn:** Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này. Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

+ Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (tối thiểu 20%): 56,1 tỷ đồng;

+ Vốn vay thương mại dự kiến huy động (tối đa 80%): 224,4 tỷ đồng.

**8. Loại công trình, nhóm dự án:** Công trình giao thông, dự án nhóm B.

**9. Dự kiến quỹ đất thanh toán dự án BT**

Dự kiến quy đất giao cho nhà đầu tư để thực hiện dự án khác có diện tích khoảng 23ha (hiện trạng là đất chưa GPMB), gồm 02 khu: Khu Đồng Lồi, thị trấn Cao Thượng 11ha và khu Chuôm Nho, thị trấn Nhã Nam 12ha (đã có Quy hoạch xây dựng 1/5000); trong đó sử dụng khoảng 9 ha đất ở (phân lô, bán nền) để thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất thanh toán qua tính toán sơ bộ đủ khả năng cân đối để thực hiện đầu tư công trình BT.



## PHỤ LỤC 06

Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2018 của HĐND tỉnh)

**1. Tên dự án:** Cải tạo, nâng cấp QL37 đoạn Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

**2. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến QL37 đoạn Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400 nhằm nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường hiện tại, đảm bảo quy mô đồng bộ với các đoạn tuyến lân cận đã được đầu tư; từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông chính trong khu vực huyện Hiệp Hòa; tăng cường khả năng kết nối giao thông giữa Hiệp Hòa, Việt Yên với các địa bàn lân cận như thành phố Bắc Giang, tỉnh Thái Nguyên,...; đáp ứng nhu cầu đi lại thuận tiện và an toàn cho người dân, giảm thiểu nguy cơ ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông trên tuyến đường. Qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và của tỉnh.

### **3. Sơ bộ về nội dung và quy mô đầu tư:**

a) *Phạm vi đầu tư:* Dự kiến đầu tư 02 đoạn, gồm: Đoạn Km83+300 - Km88+100 thuộc địa phận các xã Đoàn Bái và Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, dài 4,8km; đoạn Km90+000 - Km91+400 thuộc địa phận xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, dài 1,4km; tổng chiều dài hai đoạn khoảng 6,2km.

#### *b) Quy mô đầu tư:*

- Đoạn Km83+300 - Km88+100: Đầu tư theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN4054-2005): Chiều rộng nền đường  $B_n=12m$ ; chiều rộng mặt đường  $B_m=11m$  (cả lề gia cố); chiều rộng lề đất  $B_l=2 \times 0,5 = 1,0m$ .

- Đoạn Km90+000 - Km91+400: Đầu tư theo quy mô mặt cắt ngang quy hoạch chung thị trấn Thắng, mặt cắt ngang 4 làn xe với chiều rộng nền đường  $B_n=17m$ ; chiều rộng mặt đường (cả rãnh biên)  $B_m=14m$ ; chiều rộng hè đường hai bên, mỗi bên 1,5m (đến hết phạm vi rãnh dọc).

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm.

- Công trình trên tuyến: Mở rộng cầu Chớp đảm bảo chiều rộng mặt cắt ngang cầu  $B_c=12m$ .

**4. Địa điểm thực hiện dự án:** Huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

**5. Dự kiến thời gian thực hiện dự án:** Năm 2018 - 2021.

**6. Dự kiến tổng vốn đầu tư/ Tổng mức đầu tư dự án:** 89,4 tỷ đồng.

**7. Cơ cấu nguồn vốn:** Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này. Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

+ Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (tối thiểu 20%): 17,9 tỷ đồng;

+ Vốn vay thương mại dự kiến huy động (tối đa 80%): 71,5 tỷ đồng;

**8. Loại công trình, nhóm dự án:** Công trình giao thông, dự án nhóm B.

**9. Dự kiến quỹ đất thanh toán dự án BT**

Quy đất dự kiến giao cho nhà đầu tư để thực hiện dự án khác có diện tích khoảng 10ha (hiện trạng là đất chưa GPMB), vị trí khu đất nằm cạnh QL37 phía đối diện với Công ty may Hà Phong; trong đó sử dụng khoảng 3,3ha đất ở (phân lô, bán nền) để thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất thanh toán qua tính toán sơ bộ đủ khả năng cân đối thực hiện đầu tư công trình BT.

## PHỤ LỤC 07

Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2018 của HĐND tỉnh)

**1. Tên dự án:** Cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo (Km0+00-Km8+300); tuyến QL17 đoạn từ công Kem đi Tiên Phong (Km55+00-Km60+52), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

**2. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo và đoạn tuyến QL17 từ Công Kem, xã Nham Sơn đi xã Tiên Phong nhằm nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường hiện tại; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh; giúp tăng cường tính kết nối khu vực, cải thiện điều kiện đi lại, lưu thông hàng hóa, giảm thiểu nguy cơ ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông trong khu vực. Qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh của khu vực và của tỉnh.

### **3. Sơ bộ về nội dung và quy mô đầu tư:**

#### a) Phạm vi đầu tư:

- Tuyến số 1: Cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo (Km0+00 - Km8+300) với điểm đầu tại bên phà Đồng Việt; điểm cuối nút giao với đường Hoàng Hoa Thám, thị trấn Neo; chiều dài khoảng 8,3km.

- Tuyến số 2: Cải tạo, nâng cấp tuyến QL17 (Km55+00 - Km60+52) có điểm đầu Km55+00 tại ngã ba giao giữa ĐT398 với QL17; điểm cuối Km60+52 tại ngã ba giao với đường đi UBND xã Đồng Sơn thành phố Bắc Giang; chiều dài khoảng 5km.

#### b) Quy mô đầu tư:

##### \* Tuyến số 01:

- Đoạn từ bên phà Đồng Việt đến cuối xã Cảnh Thụy (Km0+00-Km7+900) đầu tư theo quy mô chung đường cấp IV đồng bằng (TCVN4054-2005), với: Bề rộng nền đường  $B_n = 9,0m$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 2 \times 3,5 = 8,0m$  (bao gồm cả lề gia cố); bề rộng lề đất  $B_l = 2 \times 0,5 = 1,0m$ . Những đoạn qua khu dân cư bố trí rãnh thoát nước dọc bên đường.

- Đoạn từ cuối xã Cảnh Thụy (ngã tư đường rẽ đi xã Tư Mại) đến nút giao với đường Hoàng Hoa Thám (Km7+900 - Km8+300) đầu tư theo quy mô mặt cắt quy hoạch thị trấn Neo, với quy mô mặt cắt ngang như sau: Bề rộng nền đường  $B_n = 32,0m$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 2 \times 9,0m = 18m$ ; bề rộng dải phân cách giữa  $B_{pc} = 2,0m$ ; bề rộng hè đường  $B_h = 2 \times 6,0 = 12m$ .

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm.

\* Tuyến số 02: Đầu tư tuyến đường theo quy mô chung đường cấp III đồng bằng (TCVN4054-2005), với: Bề rộng nền đường  $B_n = 12,0m$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 2 \times 3,5 = 7,0m$ ; bề rộng lề gia cố  $B_{lgc} = 2 \times 2,0 = 4,0m$ ; Bề rộng lề đất

BI=2x0,5=1,0m. Đoạn qua khu dân cư hiện trạng bố trí rãnh thoát nước dọc bên đường. Mặt đường bê tông nhựa trên móng cấp phối đá dăm.

**4. Địa điểm thực hiện dự án:** Huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

**5. Dự kiến thời gian thực hiện dự án:** Năm 2018 - 2021.

**6. Dự kiến tổng vốn đầu tư/ Tổng mức đầu tư dự án:** 247 tỷ đồng.

**7. Cơ cấu nguồn vốn:** Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này. Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

+ Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (tối thiểu 20%): 49,4 tỷ đồng;

+ Vốn vay thương mại dự kiến huy động (tối đa 80%): 197,6 tỷ đồng;

**8. Loại công trình, nhóm dự án:** Công trình giao thông, dự án nhóm B.

**9. Dự kiến quỹ đất thanh toán dự án BT**

Quy đất dự kiến giao cho nhà đầu tư để thực hiện dự án khác có diện tích khoảng 30ha (hiện trạng là đất chưa GPMB) thuộc Khu dân cư thôn Tiến Thành, xã Hương Gián (đang lập quy hoạch chi tiết 1/500), trong đó sử dụng khoảng 9ha đất ở (phân lô, bán nền) để thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất thanh toán qua tính toán sơ bộ đủ khả năng cân đối để thực hiện đầu tư công trình BT.

## PHỤ LỤC 8

Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2018 của HĐND tỉnh)

**1. Tên dự án:** Xây dựng cầu vượt qua đường Xương Giang - nối đường Nguyễn Thị Minh Khai với đường Trần Quang Khải, thành phố Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT).

**2. Mục tiêu đầu tư:** Xây dựng cầu vượt đường Xương Giang, nối đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Trần Quang Khải nhằm từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị theo quy hoạch phát triển của thành phố Bắc Giang; khắc phục tình trạng ãn cách thành phố bởi tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng, tuyến đường sắt chuyên dụng của Nhà máy đạ và đường Xương Giang; tăng cường kết nối các khu đô thị, khu dân cư của thành phố, gồm: khu đô thị phía Nam thành phố, khu dân cư số 1, số 2, khu dân cư Công Ngọc bến xe, khu dân cư Hồ Bắc, phường Đa Mai, đồng thời mở ra cơ hội phát triển cho khu Tây Bắc thành phố; giúp phân luồng giảm tải lưu lượng xe từ các huyện Yên Thế, Tân Yên lưu thông về thành phố Bắc Giang và kết nối với tuyến cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn. Qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Bắc Giang và các vùng lân cận.

### **3. Sơ bộ về nội dung và quy mô đầu tư:**

a) Phạm vi đầu tư: Điểm đầu tại đoạn khu phố 2 đường Nguyễn Thị Minh Khai; điểm cuối tại đường Trần Quang Khải đoạn qua Trung tâm dịch vụ việc làm.

#### b) Quy mô đầu tư:

- Phần cầu: Xây dựng cầu BTCT dự ứng lực, chiều dài khoảng 321m (chưa bao gồm đường dẫn); sơ đồ cầu gồm 9 nhịp dầm; mặt cắt ngang cầu và đường dẫn đầu cầu rộng 11m; tĩnh không vượt đường Xương Giang, đường Lê Ngọc Trung đảm bảo mức tối thiểu  $h = 4,75m$ ; vượt 02 tuyến đường sắt đảm bảo tĩnh không tối thiểu  $h = 6,0m$ .

- Đường dẫn hai bên đầu cầu có tổng chiều dài khoảng 130m (phía đường Nguyễn Thị Minh Khai dài 60m, phía đường Trần Quang Khải dài 70m); sử dụng tường chắn BTCT vách thẳng đứng.

- Đường gom hai bên cầu mỗi bên rộng 8m gồm: Làn xe cơ giới 1x3,25m; làn xe thô sơ 1x1,5m; dải an toàn 1x0,25m; hè đường 1x3,0m.

- Quy mô mặt cắt ngang đường đầu cầu rộng 27m.

**4. Địa điểm thực hiện dự án:** Thuộc địa phận phường Thọ Xương và phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang.

**5. Dự kiến thời gian thực hiện dự án:** Năm 2018 - 2021.

**6. Dự kiến tổng vốn đầu tư/ Tổng mức đầu tư dự án:** 201 tỷ đồng.

**7. Cơ cấu nguồn vốn:** Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này. Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (tối thiểu 20%): 40,2 tỷ đồng;
- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (tối đa 80%): 160,8 tỷ đồng.

**8. Loại công trình, nhóm dự án:** Công trình giao thông, dự án nhóm B.

**9. Dự kiến quỹ đất thanh toán dự án BT**

Quy đất dự kiến giao cho nhà đầu tư để thực hiện dự án khác có diện tích 24ha (hiện trạng là đất chưa giải phóng mặt bằng) tại xã Đình Kế, thành phố Bắc Giang nằm trong quy hoạch phân khu Đông Bắc thành phố Bắc Giang (đã được quy hoạch tỷ lệ 1/2000); trong đó sử dụng khoảng 9 ha đất ở (phân lô, bán nền) để thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất thanh toán qua tính toán sơ bộ đủ khả năng cân đối để thực hiện đầu tư công trình BT.

Số: 55 /BC-HĐND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 6 năm 2018

## BÁO CÁO

### Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT)

Thực hiện sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh, ngày 27/6/2018, Ban Kinh tế - Ngân sách đã tổ chức thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT). Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

#### 1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

- Thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 13/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030; sau 2 năm triển khai thực hiện, hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến khá tích cực, tuy nhiên hệ thống quốc lộ và đường tỉnh còn nhiều khó khăn. Theo kết quả rà soát, đến nay trên địa bàn tỉnh mới có 102,14/329,9km quốc lộ (36,42%) và 125,39/362km đường tỉnh (34,63%) có quy mô mặt đường rộng từ 8m trở lên, thấp hơn nhiều so với mục tiêu Nghị quyết 113-NQ/TU đề ra (đến năm 2020 có 60% quốc lộ và 65% đường tỉnh có quy mô mặt đường lớn hơn 8m). Nhiều trục giao thông chính của tỉnh quy mô nhỏ hẹp, mật độ phương tiện lớn, đi lại khó khăn, tiềm ẩn nguy cơ ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của tỉnh.

- Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách tỉnh còn nhiều khó khăn, vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ bị cắt giảm nhiều dẫn đến nhiều tuyến đường quan trọng cần thiết phải đầu tư nhưng chưa cân đối được nguồn vốn để triển khai thực hiện. Để khắc phục vấn đề này, việc khai thác các nguồn lực từ đất đai, đẩy mạnh thu hút đầu tư triển khai thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) là cần thiết và phù hợp.

- Theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 của Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ, thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư các dự án nhóm B áp dụng loại hợp đồng BT là của HĐND tỉnh. Như vậy, việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) là cần thiết, đúng thẩm quyền.

#### 2. Về trình tự, thủ tục

Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng đúng trình tự, thủ tục, thể thức được trình bày đúng quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của

Bộ nội vụ về việc Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính; dự thảo Nghị quyết đã được UBND tỉnh thông qua.

### 3. Về nội dung

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản nhất trí về nội dung dự thảo Nghị quyết. Các hạng mục đầu tư của dự án thực hiện theo loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018, cơ bản phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015. Tuy nhiên đề nghị UBND sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

- Sửa tiêu đề dự thảo Nghị quyết thành: “Nghị quyết về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT)

- Bổ sung nội dung đánh giá tác động môi trường vào Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các dự án.

- Quy định thời gian thực hiện của dự án phù hợp với quy mô đầu tư và quy định của pháp luật.

- Xem xét điều chỉnh phân kỳ đầu tư của một số tuyến đường trong quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 cho phù hợp với thời điểm phê duyệt chủ trương của dự án; rà soát, bổ sung kịp thời các quy hoạch liên quan đến các khu đất dự kiến sử dụng để thanh toán cho công trình BT.

Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc quyết định chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo hình thức đối tác công tư, loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT), đề nghị các đại biểu HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH<sub>yendt</sub>.

**Bản điện tử:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu dự kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VP HĐND tỉnh.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN



**Nguyễn Kim Phương**



UBND TỈNH BẮC GIANG  
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 122 1/SXD-PTĐT&HTKT

Bắc Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2018

V/v tham gia ý kiến báo cáo nghiên cứu  
tiền khả thi các dự án đầu tư theo hình thức  
hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Ngày 18/6/2018, Sở Xây dựng nhận được Công văn số 1046/SKHĐT-ĐT, TĐGSĐT ngày 15/6/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đề xuất báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT). Sau khi nghiên cứu, Sở Xây dựng tham gia một số ý kiến như sau:

**1. Dự án cầu vượt đường Minh Khai đến đường Trần Quang Khải:**

*a) Dự án BT:*

- Đề nghị bổ sung thông tin về phân loại nhóm dự án theo quy định.
- Hồ sơ thiết kế đưa ra 3 phương án cầu và phân tích ưu, nhược điểm của từng phương án nhưng chưa có kết luận về phương án chọn (trang 24 thuyết minh).
- Thiếu phụ lục tính toán xác định giá trị tổng mức đầu tư của dự án, giá trị dự án BT để làm căn cứ xác định phương án thanh toán dự án BT.

*b) Dự án khác:*

- Đề nghị bổ sung thông tin liên quan đến quy hoạch xây dựng của khu đất dự kiến sử dụng để thanh toán và làm rõ hơn nội dung diện tích khu đất bao gồm cả khu đất của Trung tâm huấn luyện công an tỉnh Bắc Giang.
- Khi triển khai các bước tiếp theo, đề nghị UBND thành phố nghiên cứu thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo kết luận số 360-TB/TU ngày 06/6/2018.
- Xem xét lại về nội dung xây dựng một khu nhà ở thương mại, tạo ra quỹ đất nhà ở thương mại tại phân mục tiêu dự án khác (trang 30).
- Thiếu phụ lục tính toán xác định giá trị tổng mức đầu tư của dự án, giá trị quỹ đất để làm căn cứ xác định phương án thanh toán dự án BT.

**2. Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đi xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên):**

*a) Dự án BT:*

- Đề nghị bổ sung thông tin về phân loại nhóm dự án theo quy định.
- Xem lại giá trị về dự kiến cơ cấu nguồn vốn (mục 11 phần A) của nhà đầu tư (46,692 tỷ đồng), vốn vay (186,769 tỷ đồng) không khớp với giá trị tổng mức đầu tư dự kiến (268,481 tỷ đồng).
- Phương án thanh toán (mục 13 phần A): Giá trị công trình BT được xác định là tổng mức đầu tư bao gồm lãi vay là chưa phù hợp.

CHỖ KÝ SỐ  
CQN TỈNH BẮC GIANG



Người ký: Sở Xây dựng  
Cơ quan: Tỉnh Bắc Giang  
Thời gian ký: 25.06.2018  
17:00:00 +07:00

- Thông tin về địa điểm thực hiện dự án (mục 3.1) thuộc xã Tân Thịnh, xã Nghĩa Hòa, xã An Hà và xã Nghĩa Hưng (các xã thuộc huyện Lạng Giang) là chưa phù hợp.

- Thông tin về diện tích sử dụng đất còn chưa thống nhất giữa mục 9 phần A Chương 1 (24,85ha) và mục 3.3 (28,85ha).

- Giải pháp thiết kế:

+ Đề nghị bổ sung đánh giá hiện trạng, lý do, sự cần thiết của việc đề xuất xây mới cầu (4 vị trí).

+ Bình đồ thiết kế chưa thể hiện rõ hiện trạng, phạm vi chiếm dụng đất của dự án (đề nghị xem lại khoản mục chi phí khảo sát bước lập báo cáo NCKT).

+ Trắc dọc thiết kế nâng cao so với mặt đường hiện trạng khoảng 0,5m đối với những đoạn đi qua dân cư hiện trạng là chưa phù hợp, có thể dẫn đến việc tăng cao độ san nền toàn khu vực tuyến đi qua, ảnh hưởng đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dân cư hiện trạng.

+ Do xác định sơ bộ tổng mức đầu tư theo khối lượng từ thiết kế nên đề nghị bổ sung thiết kế kết cấu áo đường của dự án.

- Tổng mức đầu tư dự án: Đề nghị làm rõ hơn cách tính chi phí xây dựng phần cầu xây mới, cầu mở rộng (giá trị xây dựng 6 cầu khoảng 33,9 tỷ đồng); bổ sung khoản mục chi phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.

- Đề nghị bổ sung thông tin về nguồn vốn sử dụng cho việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo NCKT, thiết kế BVTC-dự toán của dự án.

*b) Dự án khác:*

- Thông tin về diện tích dự án khác chưa thống nhất giữa mục 13 phần A Chương 1 (29,88ha) và mục 6.4 (22,85ha).

- Xem xét lại về nội dung xây dựng một khu nhà ở thương mại, tạo ra quỹ đất nhà ở thương mại tại phần mục tiêu dự án khác (mục 6.3).

- Đề nghị bổ sung thông tin liên quan đến quy hoạch xây dựng của các khu đất dự kiến sử dụng để thanh toán.

- Tổng mức đầu tư: Đề nghị làm rõ hơn cách xác định khoản mục chi phí đề xuất dự án, khảo sát bước dự án (94,4 triệu đồng/1ha), khảo sát bước bản vẽ thi công, chi phí tư vấn khác; bổ sung chi phí lập, thẩm định quy hoạch chi tiết, chi phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

**3. Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo; tuyến Quốc lộ 17 đoạn từ cống Kem đi Tiên Phong:**

*a) Dự án BT:*

- Đề nghị bổ sung thông tin về phân loại nhóm dự án theo quy định.

- Quy mô dự kiến xây dựng đoạn từ cống Kem đi Tiên Phong (trang 4 thuyết minh) chưa thống nhất giữa bề rộng nền đường 12m và bề rộng của mặt đường 7,0m, bề rộng lề gia cố 5,0m, bề rộng lề đất 1,0m (tổng cộng 13m).

- Xem lại về giải pháp thiết kế nền đường qua khu vực đất yếu (trang 38) tại một số đoạn cải tuyến chưa phù hợp với thiết kế bình đồ không thiết kế cải tuyến, bám sát tuyến cũ (trang 33).

- Hệ thống thoát nước dọc (trang 39): Đề nghị chỉnh sửa kích thước bó vỉa vát về loại 26x23x100cm; khoảng cách giữa các hố thu là 30m/hố.

- Đề nghị bổ sung thông tin về nguồn vốn sử dụng cho việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo NCKT, thiết kế BVTC-dự toán của dự án.

- Tổng mức đầu tư: Xem xét, bổ sung khoản mục chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Quyết định số 1191/QĐ-BXD ngày 17/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

*b) Dự án khác:*

- Đề nghị bổ sung thông tin liên quan đến quy hoạch xây dựng của khu đất dự kiến sử dụng để thanh toán.

- Bản vẽ tổng mặt bằng dự án: Đề nghị thể hiện nét ranh giới thực hiện dự án.

- Tổng mức đầu tư: Đề nghị xem lại về giá đất trồng lúa nước trong khoản mục chi phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (tại xã Hương Gián xác định giá đất trồng lúa nước là 60.000đ/m<sup>2</sup> chưa phù hợp với bảng giá đất tại Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang).

**4. Dự án đường nối đường tỉnh 296 với đường vành đai IV Hà Nội:**

*a) Dự án BT:*

- Đề nghị bổ sung thông tin về phân loại nhóm dự án theo quy định.

- Xem xét chỉ đưa những thông tin liên quan đến dự án tại phần thuyết minh về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang năm 2017 (trang 8).

- Hiện nay, đồ án Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đến năm 2035, tỷ lệ 1/10.000 đang lập và chưa được phê duyệt; do vậy, kết luận hướng tuyến của dự án tuân thủ đồ án Quy hoạch nêu trên (trang 50) là không phù hợp.

- Vị trí đầu tuyến có hiện trạng là khu dân cư, nhà đã xây dựng dọc 2 bên đường vì vậy đề nghị xem xét, nghiên cứu phương án thiết kế điểm đầu nối sát với Cụm Công nghiệp Hợp Thịnh hoặc đầu nối trực tiếp với đường trục chính của cụm nối với đường tỉnh 296.

- Vị trí đi qua làng nghề Mai Trung, qua khu dân cư hiện trạng do vậy cần nghiên cứu tính khả thi của phương án hướng tuyến chọn cho phù hợp.

- Tổng mức đầu tư: Xem xét, bổ sung khoản mục chi phí hoạt động của đơn vị quản lý dự án thuộc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Quyết định số 1191/QĐ-BXD ngày 17/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Đề nghị bổ sung thông tin về nguồn vốn sử dụng cho việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo NCKT, thiết kế BVTC-dự toán của dự án.

*b) Dự án khác:*

- Đề nghị bổ sung thông tin liên quan đến quy hoạch xây dựng của các khu đất dự kiến sử dụng để thanh toán.

- Vị trí dự án đối ứng đề xuất nằm trên địa bàn các xã nên đề nghị UBND huyện Hiệp Hòa có sự khảo sát, đánh giá sơ bộ về khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật xung quanh (cấp điện, cấp nước sạch, thông tin liên lạc, thoát nước thải...) để đảm bảo khi triển khai dự án mang lại hiệu quả đề ra.

**5. Dự án Xây dựng Cầu Vượt QL1 kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1:**

*a) Dự án BT:*

- Đề nghị bổ sung thông tin về phân loại nhóm dự án theo quy định.  
- Hiện trạng khu vực chân cầu vượt (phía thị trấn Nénh) là khu vực khu dân cư đang xây dựng và khu vực quy hoạch là khu dân cư, do vậy khi triển khai các bước tiếp theo cần nghiên cứu, tính toán kỹ để có giải pháp thiết kế cầu vượt qua khu đô thị đảm bảo mỹ quan.

*b) Dự án khác:*

- Đề nghị bổ sung bản vẽ xác định ranh giới dự kiến đầu tư 11,1/18,6ha diện tích tại khu số 8 trên đường 295B.

- Về đơn giá đất xác định giá trị quỹ đất: Đề nghị có sự đánh giá, phân tích để xác định đơn giá đất phù hợp, đảm bảo tính khả thi của dự án (hiện nay dự án khu số 9 trên đường 295B đang triển khai thực hiện với quy mô khoảng 19,8ha; mặt khác, giá đất tại khu vực thôn Ninh Khánh tại Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND huyện Việt Yên có thể mang tính cục bộ).

**6. Dự án Xây dựng Đường nối Quốc lộ 17 với Quốc lộ 37:**

*a) Dự án BT:*

- Đề nghị làm rõ sự phù hợp của dự án với Quy hoạch chung thành phố Bắc Giang (trang 24): Theo quy hoạch chung thành phố Bắc Giang đã được phê duyệt, tuyến có nền đường rộng 42m, trong đó: Mặt đường  $2 \times 10,5 = 21\text{m}$ , dải phân cách giữa rộng 6m, vỉa hè 2 bên rộng  $2 \times 7,5 = 15\text{m}$ .

- Bổ sung ranh giới khu công nghiệp Vân Trung, khu dân cư đang được đầu tư xây dựng gần khu vực dự án dự kiến đi qua để xem xét, đánh giá sự phù hợp của phương án thiết kế hướng tuyến.

- Tuyến nghiên cứu dài 5,75km nên đề nghị xem lại số liệu về tổng chiều dài đoạn đường cần xử lý đất yếu là 13,4km (trang 43).

- Tổng mức đầu tư: Bổ sung diễn giải cách xác định chi phí xây dựng; đề nghị xem lại về giá đất trồng lúa nước trong khoản mục chi phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; bổ sung chi phí lập, phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Đề nghị bổ sung thông tin về nguồn vốn sử dụng cho việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo NCKT, thiết kế BVTC-dự toán của dự án.

*b) Dự án khác:*

- Đề nghị bổ sung thông tin liên quan đến quy hoạch xây dựng của khu đất dự kiến sử dụng để thanh toán.

- Tổng mức đầu tư: Đề nghị xem lại về giá đất trồng lúa nước trong khoản mục chi phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

**7. Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 292 trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang:**

**a) Dự án BT:**

- Đề nghị bổ sung thông tin về phân loại nhóm dự án theo quy định.
- Mặt cắt ngang đường tại khu vực thị trấn Kép dài khoảng 2,5km đang tính toán là Bm=12m, rộng hơn so với quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kép được duyệt Bm=9m đã được đề cập tại trang 20 của thuyết minh; vì vậy, trong trường hợp được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương, đề nghị UBND huyện thực hiện thủ tục liên quan để đảm bảo sự phù hợp với quy hoạch được duyệt theo quy định.
- Tổng mức đầu tư: Đề nghị xem lại về giá đất trồng lúa nước trong khoản mục chi phí bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

**b) Dự án khác:**

- Xem xét lại về nội dung xây dựng một khu nhà ở thương mại, tạo ra quỹ đất nhà ở thương mại tại phần mục tiêu dự án khác (trang 52).
- Tổng mức đầu tư: Đề nghị làm rõ hệ số 1,2 trong khoản mục chi bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

**8. Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 37 đoạn từ Km83+300-Km88+100 và đoạn Km90+00-Km91+400, huyện Hiệp Hòa:**

**a) Dự án BT:**

- Đề nghị bổ sung thông tin về phân loại nhóm dự án theo quy định.
- Tổng mức đầu tư: Chi phí xây dựng xác định từ khối lượng thiết kế nhưng không có hồ sơ thiết kế kèm theo; đề nghị bổ sung diễn giải cách xác định chi phí QLDA, tư vấn, chi khác trong TMĐT.
- Đề nghị bổ sung thông tin về nguồn vốn sử dụng cho việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo NCKT, thiết kế BVTC-dự toán của dự án.

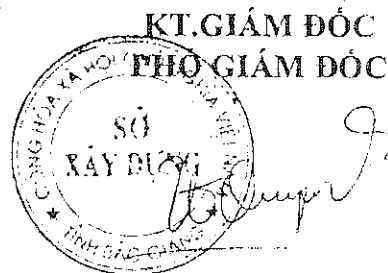
**b) Dự án khác:**

- Đề nghị bổ sung thông tin liên quan đến quy hoạch xây dựng của khu đất dự kiến sử dụng để thanh toán.
- Bổ sung căn cứ xác định đơn giá đất để tính toán giá trị quỹ đất.

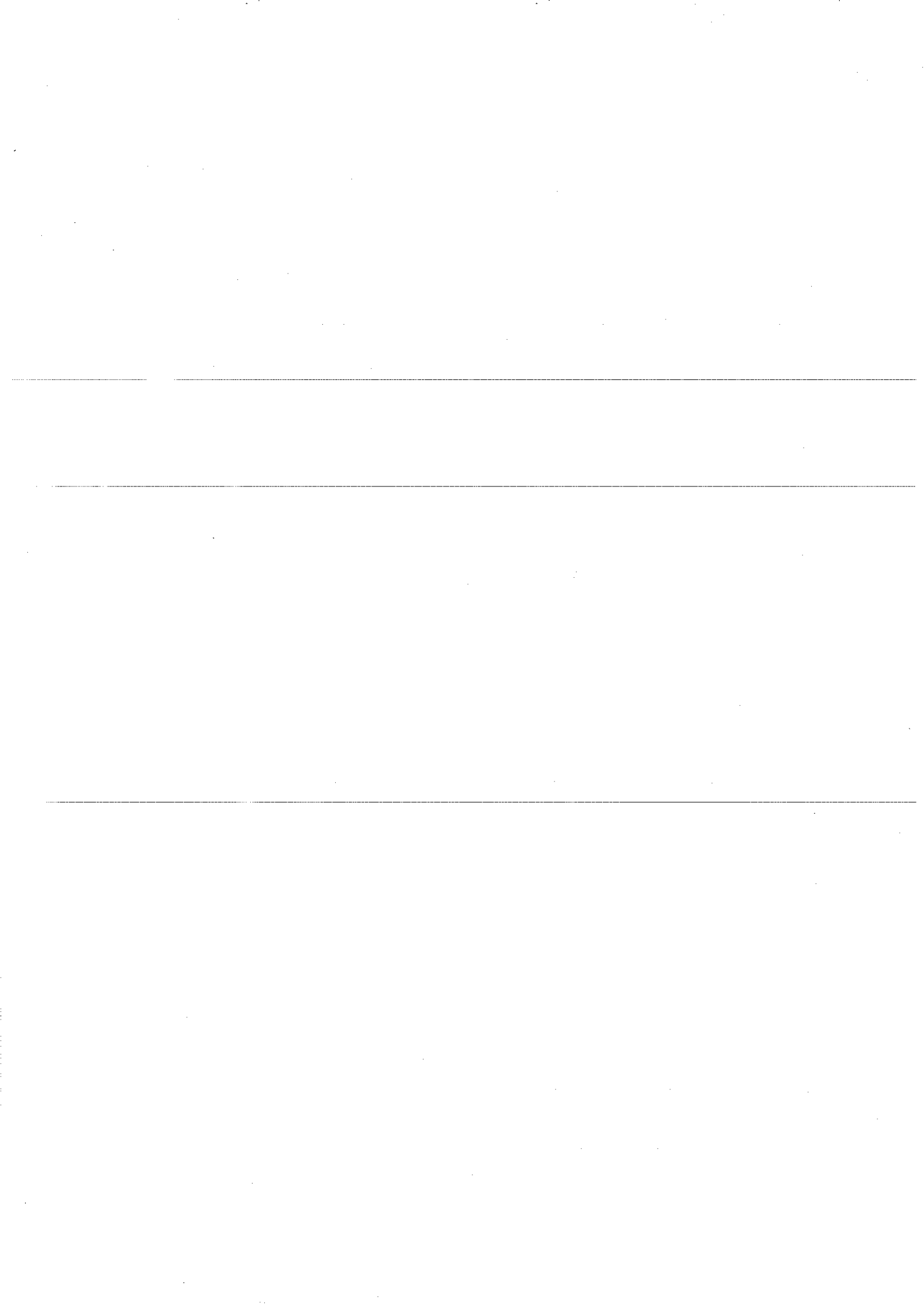
Vậy, Sở Xây dựng tham gia một số ý kiến trên, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - Lưu: VT, PTĐT&HTKT.
- Bản điện tử:**
- Lãnh đạo Sở.



Vi Thanh Quyền



UBND TỈNH BẮC GIANG  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1060~~STC-QLGCS

Bắc Giang, ngày 26 tháng 06 năm 2018

V/v tham gia ý kiến đề xuất báo cáo nghiên cứu tiền khả thi 08 dự án đầu tư theo hình thức BT

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Tài chính nhận được Công văn số 1046/SKHĐT - ĐT, THGSĐT ngày 15/6/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đề xuất báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyên giao (BT), sau khi xem xét hồ sơ của 08 Dự án gửi kèm Công văn trên, Sở Tài chính tham gia ý kiến về phương án tài chính của các dự án như sau:

Hồ sơ đề xuất báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của từng dự án đã phân tích sơ bộ, tổng quát phương án tài chính của dự án gồm các nội dung: Tổng vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và phương án huy động vốn, phương án thu hồi vốn ... và tính toán lợi nhuận của nhà đầu tư, dự kiến điều kiện thực hiện Dự án khác dùng để thanh toán dự án BT rõ ràng, đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP. Dựa trên các giá trị tạm tính về chi phí, doanh thu khi thực hiện dự án, phương án tài chính của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã chỉ ra được hiệu quả kinh tế - xã hội, hiệu quả tài chính của dự án đầu tư. Tuy nhiên, Sở Tài chính tham gia một số nội dung sau:

- Về căn cứ pháp lý lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đường nội DDT với đường vành đai IV Hà Nội: Ngày 04/5/2018, Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 63/2018/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/6/2018, thay thế cho Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ. Do vậy, đề nghị đơn vị lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án cập nhật các văn bản quy phạm mới ban hành và hết hiệu lực trong quá trình lập các báo cáo.

- Một số báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án như: Dự án xây dựng cầu vượt nút giao đường Nguyễn Thị Minh Khai với đường Trần Quang Khải thành phố Bắc Giang; Dự án xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua khu công nghiệp Vân Trung; Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi – xã Tân Trung – TT Nhã Nam – xã Nhã Nam – xã Quang Tiến – xã Đại Hóa – xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên) chưa đánh giá tính khả thi của dự án dựa trên một số chỉ tiêu tài chính như NPV, IRR theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT. Do vậy, đề nghị các đơn vị lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi xem xét, tính toán các chỉ tiêu NPV, IRR của dự án để có thêm căn cứ đánh giá về tính khả thi của dự án.

- Phương thức thanh toán cho nhà đầu tư trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của 08 dự án đều là sử dụng giá trị quyền sử dụng đất của quỹ đất khác để thanh toán cho nhà đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay Nghị định của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư theo hình thức xây dựng - chuyên giao chưa được ban hành và theo nội dung chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 3515/BTC-QLCS ngày 28/3/2018: *"tạm dừng việc xem xét, quyết định sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư kể từ ngày 01/01/2018 cho đến khi Nghị*

định của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư theo hình thức xây dựng - chuyển giao có hiệu lực thi hành". Do vậy, khi Nghị định của Chính phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư theo hình thức xây dựng - chuyển giao được ban hành, phương thức thanh toán cho nhà đầu tư sẽ được xác định và phê duyệt trong báo cáo nghiên cứu khả thi, làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh *h*

Nơi nhận:


- Lưu: VT, QLGC.S.

Bản điện tử:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở.

*P. Q. W.*  
✓

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Hoàng Phương*



Số: 2506 / SGTVT - QLCL

Bắc Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2018

V/v Tham gia ý kiến đề xuất báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyên giao (BT).

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Giao thông vận tải nhận được Công văn số 1046/SKHĐT-ĐT, TDGSĐT ngày 15/6/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia Tham gia ý kiến đề xuất báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyên giao (BT).

Sau khi nghiên cứu, xem xét báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của 08 dự án, Sở GTVT tham gia một số ý kiến như sau:

**1. Nhận xét, đánh giá chung:**

- Công tác lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCTKT) đã UBND các huyện và Ban QLDA các công trình GT tỉnh lựa chọn giao cho các đơn vị tư vấn có đủ năng lực tiến hành khảo sát sơ bộ hiện trạng tuyến và lập BCTKT.

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được đơn vị tư vấn tiếp thu, chỉnh sửa theo nội dung hợp thẩm định ngày 31/5/2018.

- Quy mô dự án phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015), phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng khu vực và phù hợp với nội dung các thông báo Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy.

- Hướng tuyến: Có 06 dự án là cải tạo nâng cấp nên hướng tuyến cơ bản bám theo tim đường cũ; có 02 dự án ( đường nối QL17 với QL37 và đường nối ĐT 296 với đường vành đai IV) là đầu tư mới. Riêng hướng tuyến dự án đường nối ĐT 296 với đường vành đai IV đã được chủ đầu tư nghiên cứu, chỉnh sửa lại theo ý kiến tại hội nghị thẩm định ngày 31/5/2018.

- Mặt cắt ngang: Có 06 dự án đầu tư theo quy mô đường cấp III, có chiều rộng nền  $B_n=12,0m$ ; chiều rộng mặt  $B_m= 11,0m$  (bao gồm gia cố lề); chiều rộng lề  $B_l=0,5 \times 2= 1,0m$ ; một số đoạn qua khu vực có quy hoạch chi tiết xây dựng sẽ thực hiện đầu tư đến mép ngoài rãnh dọc.

- Kết cấu mặt đường: BTNC trên lớp CPĐĐ bảo đảm  $E_y/c=140$ ;

- Hệ thống thoát nước: xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước; đoạn qua khu đông dân cư xây rãnh dọc bằng gạch không nung có chiều rộng  $B_r=0,5m$ .

- Công trình cầu: Xây dựng mới, xây dựng lại các cầu yếu và mở rộng cầu hẹp đảm bảo chiều rộng theo nền đường; tải trọng thiết kế HL93.

- Hệ thống an toàn giao thông: xây dựng hệ thống an toàn giao thông theo QCVN 41-2016/BGTVT.

- Tổng vốn đầu tư: Các dự án cơ bản tính tổng vốn đầu tư trên cơ sở suất đầu tư do Bộ Xây dựng công bố và khối lượng thiết kế sơ bộ. Việc khái toán chi phí xây dựng và chi phí GPMB đã được các chủ đầu tư rà soát lại để phù hợp với thực tế.

## 2. Quy mô sơ bộ dự án:

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	CHIỀU DÀI (km)	QUY MÔ	TỔNG VỐN ĐT (tỷ đồng)	GHI CHÚ
1	ĐT 398 đoạn Đồng Việt – Neo và QL17 đoạn Cống Kem đi Tiên Phong (K55-K60+052)	8,30 +5,052 = 13,352	cấp IV, III ĐB	247,252	
2	ĐT 292 đoạn Kép – Nghĩa Hưng	8,31	cấp III ĐB	181,040	Xây dựng lại 02 cầu
3	ĐT 294 đoạn Tân Sỏi – Phúc Sơn	13,432	cấp III ĐB	280,484	Đoạn TT Nhã Nam không ĐT; Có 06 cầu.
4	QL37 đoạn từ Km83+400 – Km88+100 và đoạn Km89+950-Km91+350.	6,2	cấp III ĐB và đường đô thị	87,036	1,4Km đường đô thị mở rộng 14m; mở rộng thêm 3 m cầu Chóp
5	đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội	6,72	cấp IV ĐB	201,817	Tuyến mới
6	Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối với đường vành đai IV với khu CN Quang Châu và mở rộng đường gom QL1	4.708km	cấp III ĐB	311.845	Cầu rộng 13m, dài 245m;
7	Xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung	5.75km	cấp III ĐB	213,252	Tuyến mới
8	Xây dựng cầu vượt nút giao đường Xương Giang nối NTMK với đường Trần Quang Khải	0.454	Cầu rộng 11m	200,988	Theo phương án 1
	<b>Cộng</b>	<b>52,20</b>		<b>1.723,714</b>	

### **3. Một số nội dung cần nghiên cứu trong hồ sơ báo cáo NCTKT:**

#### **3.1- Dự án Xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung:**

- Không xác định hình thức đầu tư là Xây dựng mới hay cải tạo nâng cấp do phần thuyết minh không nêu rõ điều kiện hiện trạng; không xác định rõ điểm đầu tuyến và cuối tuyến.

- Số liệu kinh tế - xã hội sử dụng số liệu cũ (năm 2014).

- Có sự nhầm lẫn diện tích dự án khác tại mục 9.2.1 (diện tích giao đất 16.77ha, không phải 49.6ha).

- Xem xét không đầu tư hệ thống điện chiếu sáng trên toàn tuyến để tiết kiệm chi phí đầu tư.

- Tổng mức đầu tư: Chi phí xây dựng tạm tính là 20,37 tỷ/km là khá cao so với các dự án khác đang triển khai ( tuyến chính vành đai IV 19 tỷ/km; tuyến 2 vành đai IV 15 tỷ/km) nên cần xem xét lại.

#### **3.2- Dự án cải tạo nâng cấp ĐT 292 đoạn Kép – Nghĩa Hưng**

- Xem xét chi phí BTGPMB đất ở rất lớn, ảnh hưởng đến chi phí và tiến độ thực hiện dự án.

- Xem xét lại thời gian thực hiện dự án, nên đề 2018-2020.

#### **3.3- Dự án cải tạo nâng cấp ĐT 294 đoạn Tân Sỏi – Phúc Sơn**

- Xem xét lại thời gian thực hiện dự án, nên đề 2018-2020.

3.4- Dự án cải tạo nâng cấp QL37 đoạn từ Km83+400 – Km88+100 và đoạn Km89+950-Km91+350.

- Sử dụng số liệu cũ về hiện trạng các tuyến đường trên địa bàn; diện tích BTGPMB sai (15ha?).

- Quy mô mặt cắt ngang đoạn Km89+950-Km91+350 nên thống nhất đến mép ngoài rãnh dọc để hạn chế BTGPMB đất ở. Đoạn Km89+950-Km91+350 nếu định là trục chính đô thị thì  $E_{yc}=155\text{Mpa}$ ; sửa lại quy mô 2 làn xe thành 4 làn xe.

- Quy mô đầu tư dự án thiếu hạng mục rãnh dọc, an toàn giao thông.

3.5- Dự án đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội: Thống nhất quy mô phân kỳ đường là cấp IV đồng bằng, công trình cầu là cấp III đồng bằng. Tuy nhiên trong thuyết minh và sơ họa hướng tuyến có nhiều điểm không thống nhất: Chiều dài tuyến là bao nhiêu? hướng tuyến, cấp đường, quy định  $E_{yc}=100\text{Ppa}$  không đáp ứng được yêu cầu.

3.6- Dự án Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối với đường vành đai IV với khu CN Quang Châu và mở rộng đường gom QL1: Bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn chính áp dụng cho dự án. Việc mở rộng đường gom sang phải tuyến cần nghiên cứu lại tại bước nghiên cứu khả thi để hạn chế GPMB; xem xét lại suất đầu tư đường gom?

3.7- Dự án Cải tạo nâng cấp ĐT 398 đoạn Đồng Việt – Neo và QL17 đoạn Cống Kem đi Tiên Phong (K55-K60+052): Thống nhất quy mô chung của dự án; tại bước nghiên cứu khả thi cần nghiên cứu kỹ các giải pháp kỹ thuật để hạn chế tối đa GTMB đất ở, nhà kiên cố vì ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện dự án.

3.8- Dự án Xây dựng cầu vượt nút giao đường Xương Giang nối NTMK với đường Trần Quang Khải

- Sử dụng số liệu cũ về hiện trạng giao thông đường tỉnh, hiện nay không còn ĐT 284.

- Trong 03 phương án đầu tư, các ngành tham gia ý kiến lựa chọn theo phương án 1 đảm bảo cảnh quan đô thị.

Sở Giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang tham gia nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi các dự án xây dựng công trình giao thông theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) với các nội dung trên./.

*Nơi nhận:* 

- như kính gửi;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

*Bản điện tử:*

- Lãnh đạo Sở;
- Phòng QLCLCTGT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn

Số: 1469/TNMT-KHTC

Bắc Giang, ngày 22 tháng 6 năm 2018

V/v tham gia ý kiến đề xuất báo cáo nghiên cứu  
khả thi các dự án đầu tư theo hình thức hợp  
đồng xây dựng- chuyển giao (BT)

Kính gửi: Sở kế hoạch và Đầu tư.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 1046/SKH-TĐGSĐT ngày 15/6/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị tham gia ý kiến vào báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng- chuyển giao.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 1821/SKHĐT-TĐGSĐT ngày 17/11/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý tưởng đề xuất Dự án: Xây dựng Cầu vượt qua Đường Xương Giang – nối đường Nguyễn Thị Minh Khai với đường Trần Quang Khải thành phố Bắc Giang theo hình thức Hợp đồng BT.

Sau khi xem xét các nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi của các dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến như sau:

1. Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi- xã Tân Trung- thị trấn Nhã Nam- xã Nhã Nam- xã Quang Tiến- xã Đại Hóa- xã Phúc Sơn), huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Về chủ trương Sở Tài nguyên và Môi trường nhất trí với việc thực hiện các Dự án này theo hình thức BT. Song đề nghị nhà đầu tư cần làm rõ hơn về sự cần thiết lựa chọn đầu tư ĐT Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi- xã Tân Trung- thị trấn Nhã Nam- xã Nhã Nam- xã Quang Tiến- xã Đại Hóa- xã Phúc Sơn), huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang và lợi thế của việc đầu tư theo hình thức BT, đặc biệt là chỉ rõ tác động của Dự án đối với các yếu tố thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương và của các xã và thị trấn, cần đánh giá kỹ hơn về hiện trạng công trình, mức độ sử dụng, mức độ xuống cấp... Bên cạnh đó, Nhà đầu tư cần cung cấp các tài liệu chứng minh về khả năng công nghệ, kinh nghiệm và năng lực của đơn vị trong thực hiện đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng giao thông khác có quy mô tương tự để chỉ ra sự phù hợp và vượt trội của nhà đầu tư trong việc đầu tư theo hình thức BT các tuyến đường này.

Về sự phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất: Đề nghị UBND huyện Tân Yên cập nhật dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi- xã Tân Trung- thị trấn Nhã Nam- xã Nhã Nam- xã Quang Tiến- xã Đại Hóa- xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên đã được cập nhật vào Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020 của huyện Tân Yên trình thẩm định và phê duyệt theo quy định; đồng thời nếu Dự án được chấp thuận đầu tư, để đảm bảo công tác thu hồi đất, GPMB Dự án trong năm 2019 theo nội dung đề xuất đề nghị Nhà đầu tư cần phối hợp với UBND huyện Tân Yên đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 và danh mục các Dự án thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

*Về phương án bồi thường giải phóng mặt bằng:*

- Theo số liệu tổng hợp sơ bộ với diện tích khoảng 24,85 ha trong đó đất trồng lúa khoảng 11,42 ha, thuộc trường hợp xin phép Thủ tướng Chính phủ cho chuyển mục đích sử dụng; Tổng diện tích đất dự kiến thực hiện dự án 24,85 đất trồng lúa khoảng 11,42 ha, đất ở huộc hành lang giao thông khoảng 13,43 ha thì sơ bộ kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng như khái toán khoảng 30,412 tỷ đồng là chưa đảm bảo theo chính sách vì bồi thường đất nông nghiệp khoảng 25 tỷ, đất ở và tài sản chưa xác định cụ thể có thuộc hành lang hoàn toàn hay không nhưng có diện tích 13,43 ha (lớn) và kinh phí bảo vệ đất trồng lúa (tính bằng 50% giá đất lúa tính trên diện tích chuyển mục đích). Đối với dự án khác kinh phí GPMB cơ bản đảm bảo theo chính sách hiện hành.

- Về thời gian thực hiện các Dự án: Đề nghị nhà đầu tư cần nêu rõ tiến độ đầu tư đối với Dự án để thanh toán BT (nếu được chấp thuận đầu tư). Tuy nhiên nhìn chung kiến nghị thời gian thực hiện Dự án thanh toán này nhà đầu tư cần đảm bảo tương ứng với thời gian thực hiện dự án BT (bao gồm cả GPMB).

2. Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 292 trên địa bàn huyện Lạng Giang.

- Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất: Dự án đường tỉnh 292 đã có trong phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh Bắc Giang, đồng thời đã được cập nhập vào phương án điều chỉnh quy hoạch của huyện; nếu Dự án được chấp thuận đầu tư, để đảm bảo công tác thu hồi đất, GPMB Dự án trong năm 2019 theo nội dung đề xuất đề nghị Nhà đầu tư cần phối hợp với UBND huyện Lạng Giang đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 và danh mục các Dự án thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Về khái toán phương án bồi thường, GPMB: Dự án dự kiến nhu cầu sử dụng đất là 14,11 ha: trong đó đất ở (thuộc hành lang giao thông) 1,38 ha, đất lúa 2,24 ha và đất giao thông là 12,5 ha, do vậy khái toán chi phí GPMB là 86,89 tỷ là quá lớn so với diện tích được bồi thường, GPMB; đối với đề xuất dự án khác: với tổng diện tích thực hiện dự án khác là 20,3 ha đất trồng lúa, dự kiến tổng mức bồi thường GPMB là 57,0 tỷ đồng nếu bao gồm cả dự phòng và tiền chi phí bảo vệ đất trồng lúa là cơ bản phù hợp với chính sách;

- Về phương án tài chính của dự án: Cần xem xét xác định rõ nguồn lấy số liệu giá đất để tính doanh thu dự án đảm bảo phù hợp với giá phổ biến trên thị trường (có thể xem xét giảm diện tích giao đất dự án đối ứng hơn so với diện tích Nhà đầu tư đề xuất vì giá trị quỹ đất thanh toán dự án BT và giá trị công trình BT chênh lệch là 34,6 tỷ).

- Việc xác định giao đất và thanh toán làm 2 đợt cuối năm thứ 1 giao 50%, cuối năm thứ 2 giao 50% còn lại là khó khả thi và không phù hợp thực tế do phụ thuộc rất lớn vào tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng.

3. Dự án đường nối đường tỉnh 296 với đường vành đai IV.

- Về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất: Dự án đường nối đường tỉnh 296 với đường vành đai IV và dự án để thanh toán BT chưa có trong quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, tuy nhiên UBND huyện Hiệp Hòa đã đưa vào phương án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, trình UBND tỉnh phê duyệt. Nếu Dự án được chấp thuận đầu tư, để đảm bảo công tác thu hồi đất, GPMB

Dự án trong năm 2019 theo nội dung đề xuất đề nghị Nhà đầu tư cần phối hợp với UBND huyện Hiệp Hòa đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 và danh mục các Dự án thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Về khái toán phương án bồi thường, GPMB: dự án BT có diện tích sử dụng đất khoảng 12,19 ha trong đó đất trồng lúa khoảng 9,9 ha; đất NTTS khoảng 1,0 ha, đất ở khoảng 0,4 ha thì tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khoảng 42 tỷ cơ bản đảm bảo theo chính sách hiện hành; Dự án đối ứng sử dụng diện tích khoảng 30 ha trong đó đất trồng lúa khoảng 29,6 ha thì tổng kinh phí bồi thường, GPMB khoảng 80 tỷ bao gồm cả dự phòng và chi phí tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa cơ bản đảm bảo theo chính sách hiện hành.

- Về phương án tài chính của dự án: Cần xem xét xác định rõ nguồn lấy số liệu giá đất để tính doanh thu dự án đảm bảo phù hợp với giá phổ biến trên thị trường (có thể xem xét giảm diện tích giao đất dự án đối ứng hơn so với diện tích Nhà đầu tư đề xuất vì giá trị quỹ đất thanh toán dự án BT và giá trị công trình BT chênh lệch là trên 20 tỷ).

- Việc xác định giao đất và thanh toán làm 2 đợt cuối năm thứ 1 giao 50%, cuối năm thứ 2 giao 50% còn lại là khó khả thi và không phù hợp thực tế do phụ thuộc rất lớn vào tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng. Đồng thời đề nghị chủ đầu tư đề xuất cụ thể kế hoạch thực hiện dự án đối ứng;

4. Dự án xây dựng đường nối quốc lộ 17 với quốc lộ 37 qua khu công nghiệp Vân Trung.

- Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất: Dự án xây dựng đường nối quốc lộ 17 với quốc lộ 37 qua khu công nghiệp Vân Trung đi qua địa phận huyện Việt Yên và huyện Yên Dũng, vì vậy đề nghị UBND hai huyện bổ sung dự án vào phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, trình UBND tỉnh phê duyệt. Nếu Dự án được chấp thuận đầu tư, để đảm bảo công tác thu hồi đất, GPMB Dự án trong năm 2019 theo nội dung đề xuất đề nghị Nhà đầu tư cần phối hợp với UBND huyện Việt Yên, huyện Yên Dũng đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 và danh mục các Dự án thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

- Về khái toán kinh phí bồi thường GPMB:

+ Dự án BT dự kiến sử dụng quỹ đất khoảng 12,45 ha trong đó đất trồng lúa khoảng 12,15 ha, tổng kinh phí dự kiến để bồi thường, GPMB bao gồm cả dự phòng và chi phí tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khoảng 40,5 tỷ cơ bản đảm bảo theo chính sách hiện hành;

+ Dự án đối ứng: Cần xác định rõ vị trí dự án đối ứng từ đó xác định được vị trí, diện tích dự án đối ứng (49,6 ha hay 16,77 ha) từ đó khái toán được tổng mức bồi thường, GPMB; đồng thời đưa ra được cơ sở để xác định giá đất để tính toán phương án tài chính;

- Đề nghị Nhà đầu tư sơ bộ kế hoạch thực hiện cả hai dự án trên, đồng thời xem xét việc đề xuất giao đất dự án đối ứng làm 2 đợt.

5. Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 398 đoạn từ Đồng Việ đi thị trấn Neo; tuyến quốc lộ 17 đoạn từ công Kem đi Tiên phong.

- Về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất: Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 398 đoạn từ Đồng Việ đi thị trấn Neo; tuyến quốc lộ 17 đoạn từ công Kem đi Tiên phong phù hợp với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tỉnh

Bắc Giang đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết 40/NQ- CP ngày 9/5/2018. Đề nghị UBND huyện Yên Dũng cập nhật vào phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện trình UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời nếu dự án được chấp thuận đề nghị UBND huyện đưa vào Kế hoạch sử dụng đất, danh mục các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Về khái toán phương án bồi thường GPMB: đã cơ bản đảm bảo theo quy định hiện hành.

- Đối với dự án đối ứng: Đề nghị xem xét lại giá đất để tính doanh thu, theo báo cáo thuyết minh dự kiến tham khảo giá đất trúng đấu giá khu số 2 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang thì giá đất đề xuất để tính doanh thu chưa bằng giá khởi điểm để đấu giá. Do vậy đề nghị xác định giá đất tính doanh thu đảm bảo phù hợp với giá phổ biến trên thị trường (có thể xem xét giảm diện tích giao đất dự án đối ứng hơn so với diện tích Nhà đầu tư đề xuất vì giá trị quỹ đất thanh toán dự án BT và giá trị công trình BT chênh lệch là trên 22 tỷ)

6. Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong Khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1.

- Về sự phù hợp của dự án với quy hoạch sử dụng đất: Đề nghị UBND huyện Việt Yên cập nhật dự án BT và dự án đối ứng BT vào phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện trình UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời nếu dự án được chấp thuận đề nghị UBND huyện đưa vào Kế hoạch sử dụng đất, danh mục các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Về khái toán kinh phí bồi thường, GPMB: đã cơ bản đảm bảo theo quy định của chính sách hiện hành.

- Về giá đất để xác định doanh thu: đề nghị đơn vị tham khảo giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo phù hợp với thị trường (đơn vị tham khảo giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất).

7. Dự án cầu vượt đường Minh Khai đến đường Trần Quang Khải.

- Về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất: Dự án BT và dự án khác để thanh toán BT chưa có trong quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. Đề nghị UBND thành phố Bắc Giang cập nhật vào phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất trình UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời nếu dự án được chấp thuận đề nghị UBND đưa vào Kế hoạch sử dụng đất, danh mục các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Về khái toán phương án bồi thường GPMB: Tuy mới chỉ là phương án sơ bộ song do chi phí GPMB cũng là một bộ phận cấu thành quan trọng trong việc xác định Tổng mức đầu tư, tổng chi phí để tính hiệu quả đầu tư dự án, do vậy đề nghị nhà đầu tư cần sơ bộ loại đất thu hồi từ đó khái toán được chi phí GPMB;

- Về phương án tài chính: vì không có các biểu tính toán kèm theo nên không rõ cơ sở, căn cứ để xác định giá đất tính doanh thu của dự án đối ứng.

8. Dự án Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 37 huyện Hiệp Hòa.


- Về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất: Dự án BT và dự án khác để thanh toán BT chưa có trong quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. Đề nghị



UBND huyện Hiệp Hòa cập nhật vào phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất trình UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời nêu dự án được chấp thuận đề nghị UBND huyện đưa vào Kế hoạch sử dụng đất, danh mục các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Về phương án tài chính của dự án: Cần xem xét xác định rõ nguồn lấy số liệu giá đất để tính doanh thu dự án đảm bảo phù hợp với giá phổ biến trên thị trường.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

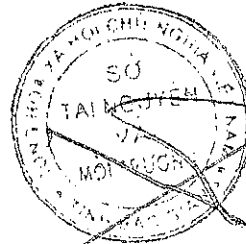
*Nơi nhận:* 

- Như trên;
- Lưu VT, KHTC.

*\* Bản điện tử:*

- GDS; các PGD Sở;
- KHTC, QLDD.

**GIÁM ĐỐC**



**Lưu Xuân Vượng**

TC : 1060/STC - QL GCC ngày 25/6/18

XD : 1221/SXD - PTĐT và HTKT ngày 22/6/18

Số: 34/BC - SKHĐT

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2018

## BÁO CÁO

**Thẩm định Báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo (Km0+00-Km8+300); tuyến QL17 đoạn từ cống Kem đi Tiên Phong (Km55+00- Km60+52), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyên giao (BT)**

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 49/2014/HQ13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;
- Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/03/2016 của Bộ Tài Chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2016/TT-BTC; Thông tư 30/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 75/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2016/TT-BTC;
- Căn cứ Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định 318/QĐ-UBND ngày 18/07/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (giai đoạn 2016 - 2020);

- Căn cứ Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 20/9/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Neo huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000;

- Căn cứ Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy số 326-TB/TU ngày 04/4/2018 tại phiên họp giao ban ngày 02/4/2018; số 363-TB/TU ngày 12/6/2018 tại phiên họp giao ban ngày 11/6/2018; Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 375-TB/TU ngày 29/6/2018;

Trên cơ sở ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị UBND huyện Yên Dũng hoàn chỉnh lại hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

Căn cứ Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 15/6/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án với nội dung như sau:

### **I. Khái quát về nội dung dự án**

1.1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo (Km0+00-Km8+300); tuyến QL17 đoạn từ cống Kem đi Tiên Phong (Km55+00-Km60+52), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT).

1.2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án: UBND tỉnh Bắc Giang.

1.3. Đơn vị được giao lập Báo cáo NCKT: UBND huyện Yên Dũng

1.4. Địa điểm, quy mô, diện tích sử dụng đất:

1.4.1. Địa điểm: Thuộc địa bàn các xã Đồng Việt, Cảnh Thụy, Đức Giang, Thị trấn Neo, Nham Sơn, Yên Lư, Tiền Phong huyện Yên Dũng.

1.4.2. Nội dung, quy mô đầu tư:

a) Nội dung đầu tư:

Dự án gồm hai đoạn tuyến:

- Tuyến số 1: Cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo (Km0+00 - Km8+300) với điểm đầu tại bến phà Đồng Việt; điểm cuối nút giao với đường Hoàng Hoa Thám, thị trấn Neo; chiều dài khoảng 8,3km.

- Tuyến số 2: Cải tạo, nâng cấp tuyến QL17 (Km55+00 - Km60+52) có điểm đầu ngã ba giao giữa ĐT398 với QL17 tại Km55+00; điểm cuối tại ngã ba giao với đường đi UBND xã Đồng Sơn thành phố Bắc Giang, tại Km60+052; chiều dài khoảng 5km.

b) Quy mô đầu tư:

- Tuyến số 01:

+ Đoạn từ bến phà Đồng Việt đến cuối xã Cảnh Thụy (Km0+00- Km7+900) đầu tư theo quy mô chung đường cấp IV đồng bằng (TCVN4054-2005), quy mô đầu tư như sau: Bề rộng nền đường  $B_n = 9,0m$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 2 \times 3,5 = 7,0m$ ; bề rộng lề gia cố  $B_{lgc} = 2 \times 0,5 = 1,0m$ ; bề rộng lề đất  $B_l = 2 \times 0,5 = 1,0m$ . Đoạn qua khu dân cư hiện trạng bố trí rãnh thoát nước mặt

+ Đoạn từ cuối xã Cảnh Thụy (ngã tư đường rẽ đi xã Tư Mại) đến nút giao với đường Hoàng Hoa Thám (Km7+900 - Km8+300) thiết kế theo quy hoạch chung thị trấn Neo, đường trục chính đô thị với quy mô mặt cắt ngang như sau: bề rộng nền đường  $B_n = 32,0m$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 2 \times 9,0m = 18m$ ; dải phân cách giữa rộng 2,0m; bề rộng hè đường hai bên  $B_h = 2 \times 6,0 = 12m$ ;

- Tuyến số 02: Đầu tư tuyến đường theo quy mô chung đường cấp III đồng bằng (TCVN4054-2005), quy mô đầu tư như sau: Bề rộng nền đường  $B_n = 12,0m$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 2 \times 3,5 = 7,0m$ ; bề rộng lề gia cố (kết cấu như kết cấu mặt đường  $B_{lgc} = 2 \times 2,5 = 5,0m$ ; Bề rộng lề đất  $B_l = 2 \times 0,5 = 1,0m$ . Đoạn qua khu dân cư hiện trạng bố trí rãnh thoát nước mặt tùy theo đoạn để bố trí hai bên hoặc một bên.

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục: nền, mặt đường, các công trình thoát nước dọc, thoát nước ngang, các hạng mục ATGT.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng đất, nguồn tài nguyên:

Tổng diện tích đất dự kiến để xây dựng công trình BT khoảng 23ha, trong đó diện tích đất thu hồi để xây dựng công trình BT khoảng 9,7ha (gồm đất nông nghiệp, đất vườn, đất thổ cư và các loại đất khác) và khoảng 13,3ha đất đường cũ.

1.5. Loại hợp đồng của dự án: Xây dựng – Chuyển giao (BT).

1.6. Sơ bộ phương án tài chính :

a) Dự kiến tổng mức đầu tư: 246.650.000.000 đồng

*(Hai trăm bốn mươi sáu tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 152.505.000.000 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng: 42.980.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 2.323.000.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 9.370.000.000 đồng;
- Chi phí khác (gồm cả lãi vay): 17.049.000.000 đồng;
- Dự phòng: 22.423.000.000 đồng.

b) Giá trị dự án BT: **224.227.000.000** đồng.

c) Nguồn vốn thực hiện dự án:

Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này.

Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (20%): 49.330.000.000 đồng;
- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (80%): 197.320.000.000 đồng.

d) Phương án huy động vốn:

\* Huy động vốn chủ sở hữu:

- Tổng số: 49.330.000.000 đồng;

- Phương án huy động: Nhà đầu tư sử dụng phần vốn chủ sở hữu của mình để bố trí thực hiện dự án. Nhà đầu tư phải gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu theo cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của nguồn vốn chủ sở hữu bố trí cho dự án.

- Tiến độ giải ngân: Dự kiến sẽ bố trí phần vốn chủ sở hữu tham gia thực hiện dự án để triển khai trước và giải ngân hết trong năm đầu thực hiện dự án (2019).

\* Huy động nguồn vốn vay thương mại:

- Tổng số: 197.320.000.000 đồng.

- Thời gian vay: Phần vốn vay thương mại dự kiến sẽ được huy động theo tiến độ thực hiện hợp đồng dự án 03 năm. Thời gian vay từng cho từng khoản cụ thể sẽ được xác định theo số liệu hàng tháng, quý và xem xét thời điểm cắt lãi vay khi thanh toán khối lượng dự án.

- Nhu cầu vốn vay theo từng năm là: 25%; 35% và 20%.

- Lãi suất vay: Lãi suất vay dự kiến đề xuất theo mức tối đa được quy định Điều 1, Thông tư số 75/2017/TT-BTC và khoản 1, Điều 1, Thông tư số 30/2018/TT-BTC. Mức lãi vay áp dụng để tính toán chi phí lãi vay trong phương án tài chính là 6,42%.

- Đồng tiền vay: Việt Nam đồng.

- Điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động: Nhà đầu tư phải có cam kết hoặc văn bản thỏa thuận giữa tổ chức cho vay với Nhà đầu tư.

- Tiến độ giải ngân: Khoản vay thương mại dự kiến giải ngân tương ứng với tiến độ thực hiện dự án, tỷ lệ giải ngân theo từng năm là: 25%; 35% và 20%.

- Phương án trả nợ vốn vay huy động: Các khoản vay thương mại sẽ được Nhà đầu tư hoàn trả theo kế hoạch thanh toán dự án BT và kế hoạch kinh doanh của dự án khác. Khi khối lượng dự án BT được Nhà nước thanh toán bằng giá trị quỹ đất thì các khoản vay trước đó (tương ứng với giá trị dự án thanh toán) sẽ bị cắt lãi, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm bố trí kinh phí để trả nợ vay.

đ) Phần nhà nước tham gia trong dự án: Là giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao.

e) Phương án thanh toán dự án và thu hồi vốn đầu tư:

\* Phương án thu hồi vốn đầu tư:

Nhà nước dự kiến dùng quỹ đất có diện tích khoảng 30ha (hiện trạng là đất chưa GPMB) thuộc Khu dân cư thôn Tiến Thành, xã Hương Gián (huyện đang xây dựng quy hoạch tỷ lệ 1/500), trong đó sử dụng khoảng 9ha đất phân lô, bán nền để thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất tính toán sơ bộ đủ để cân đối thực hiện dự án BT.

\* Phương án thanh toán dự án:

Việc thanh toán dự án sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) tại thời điểm nhà nước ban hành quyết định giao đất cho nhà đầu tư. Nhà nước sử dụng khoảng 9ha đất phân lô bán nền thuộc Khu dân cư thôn Tiến Thành, xã Hương Gián để thanh toán dự án BT:

- Giá trị quỹ đất thanh toán dự án BT tính sơ bộ: 247.334.000.000 đồng;
- Giá trị công trình BT: 224.227.000.000 đồng;
- Khoản chênh lệch nộp lại ngân sách nhà nước: 23.107.000.000 đồng.

Kế hoạch thanh toán dự án BT dự kiến thanh toán làm 03 đợt vào cuối các năm của dự án: Năm thứ nhất 25%, năm thứ hai 40% và năm thứ ba 35% giá trị.

1.7. Thời gian thực hiện dự án: 2018-2021.

1.8. Ưu đãi và đảm bảo đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.9. Các nội dung khác: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

## **II. Tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan**

Sở Xây dựng: Công văn số 1221/SXD-PTĐT&HTKT ngày 22/6/2018. Sở GTVT (Công văn số 2506/SGTVT-QLCL ngày 25/6/2018). Sở Tài chính (Công văn số 1060/STC-QLGCS ngày 25/6/2018). Sở Tài Nguyên và Môi trường (Công văn số 1469/TNMT-KHTC ngày 22/6/2018). Trên cơ sở thực hiện các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và

Đầu tư đã yêu cầu UBND huyện Yên Dũng hoàn thiện cơ bản các nội dung theo ý kiến thẩm định của các đơn vị.

### **III. Tổng hợp kết quả thẩm định**

#### **3.1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ**

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo (Km0+00-Km8+300); tuyến QL17 đoạn từ cống Kem đi Tiên Phong (Km55+00- Km60+52), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) do UBND huyện Yên Dũng trình thẩm định, phê duyệt đầy đủ theo yêu cầu quy định tại khoản 2, Điều 18, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

#### **3.2. Thẩm định về nội dung của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi**

##### *3.2.1. Sự cần thiết đầu tư dự án*

Đường tỉnh 398 xuất phát từ bến phà Đồng Việt là giáp ranh giữa tỉnh Bắc Giang và Hải Dương, qua thị trấn Neo (trung tâm huyện Yên Dũng), tuyến cắt qua QL1 đến ĐT295B, tiếp tục đi theo ĐT295B lên đầu cầu Bắc Giang rồi chuyển hướng về thị trấn Cao Thượng (trung tâm huyện Tân Yên) và kết thúc tại thị trấn Cầu Gò; toàn tuyến dài 50,3 km; tuyến đường đi qua địa phận các huyện Yên Dũng, Việt Yên, Bắc Giang, Tân Yên và Yên Thế. Tuyến đường là điểm nối và giao cắt với các quốc lộ, đường tỉnh: Cao tốc Hà Nội – Bắc Giang, ĐT295B, ĐT299, ĐT295, ĐT298, ĐT294, ĐT292. Nhìn vào sơ đồ của tuyến ĐT398 có thể nhận thấy rõ tầm quan trọng của tuyến đường. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối một loạt các huyện, thị trấn kết nối nhiều tuyến đường trong đó có những tuyến hết sức quan trọng như tuyến Cao tốc Hà Nội – Bắc Giang, ĐT295B (QL1 cũ)...Do tính chất quan trọng của tuyến đường hiện nay một phần tuyến ĐT398 được chuyển thành QL17 trong đó có đoạn Km12-Km17 (nay là Km55-Km60 QL17) và đặc biệt QL17 vừa được tỉnh đầu tư xây dựng kết nối với QL18 của tỉnh Bắc Ninh càng nâng cao vai trò của tuyến ĐT398 nói chung và tuyến QL17 nói riêng.

Cùng với việc kết nối QL17 với QL18 thì hiện nay tuyến QL17 (đoạn Km55-Km60) tuyến ĐT398 (đoạn Km0-Km8+300) đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của huyện Yên Dũng nói riêng và toàn tỉnh Bắc Giang nói chung. Tuyến kết nối với tỉnh Thái Nguyên về hướng Tây-Bắc, kết nối với tỉnh Bắc Ninh về phía Nam, kết nối với tỉnh Hải Dương về phía Đông tạo thành tam giác phát triển kinh tế quan trọng của tỉnh

Các hạng mục đầu tư tư của dự án hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018; phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015; phù hợp với quy hoạch chung thị trấn Neo huyện Yên Dũng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 20/9/2012 về việc



phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Neo huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000.

Trước nhu cầu rất lớn về nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư công còn hạn hẹp và có xu hướng thuyên giảm thì việc mở rộng phương thức đầu tư mới nhằm huy động nguồn lực của toàn xã hội đầu tư vào kết cấu hạ tầng của đất nước là hướng đi mới và cần thiết. Một trong những hướng đi mới trong việc huy động nguồn lực này là sự thiết lập mối quan hệ đối tác công - tư dưới nhiều hình thức hợp đồng khác nhau, trong đó sử dụng nguồn lực đất đai như một đòn bẩy đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Trong điều kiện nguồn lực thanh toán của địa phương chủ yếu từ quỹ đất đô thị thì việc Nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) là giải pháp hiệu quả, có tính khả thi cao so với các hình thức hợp đồng PPP khác. Việc đầu tư dự án theo hình thức hợp đồng BT dưới hình thức giao đất (chưa có hạ tầng) cho nhà đầu tư để thanh toán dự án BT còn góp phần thúc đẩy đô thị hóa tại khu vực giao đất thông qua việc thực hiện dự án khác.

### *3.2.2. Thẩm định các yếu tố cơ bản của dự án*

#### a) Mục tiêu của dự án:

Đầu tư cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo và đoạn tuyến QL17 từ Cống Kem, xã Nham Sơn đi xã Tiên Phong nhằm nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường hiện tại; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị theo các quy hoạch được duyệt; giúp tăng cường tính kết nối khu vực, cải thiện điều kiện đi lại, lưu thông hàng hóa, giảm thiểu nguy cơ ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông trong khu vực. Qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng an ninh của khu vực và của tỉnh.

#### b) Quy mô, công suất của dự án:

UBND huyện Yên Dũng đề xuất quy mô các hạng mục của dự án phù hợp với Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; phù hợp với quy hoạch chung thị trấn Neo huyện Yên Dũng được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 20/9/2012. Ngoài ra, quy mô của dự án còn phù hợp với nhu cầu vận tải và yêu cầu phát triển đô thị của tỉnh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, phù hợp với khả năng nguồn lực từ quỹ đất đô thị và nhu cầu thị trường bất động sản trong thời gian tới. Việc lựa chọn quy mô và giải pháp xây dựng công trình phù hợp với điều kiện cung ứng nguyên vật liệu của địa phương và vùng lân cận, phù hợp với công nghệ thi công phổ biến trên thị trường.

#### c) Địa điểm thực hiện dự án:

Nhìn chung địa điểm xây dựng các hạng mục công trình có đặc điểm tự nhiên cơ bản thuận lợi cho hoạt động xây dựng, điều kiện địa chất tương đối ổn định không gây bất lợi lớn cho việc xây dựng công trình.

d) Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

Để phục vụ xây dựng dự án phải tiến hành GPMB khoảng 9,7ha (gồm đất nông nghiệp, đất vườn, đất thổ cư và các loại đất khác). Đây là khối lượng giải phóng mặt bằng tuy không lớn nhưng liên quan đến nhiều hộ dân nên đòi hỏi các cấp chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Việc thu hồi mặt bằng để phục vụ xây dựng công trình được thực hiện trên cơ sở lập phương án và tổ chức hỗ trợ, bồi thường theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đất đai và hoàn toàn có tính khả thi.

### 3.2.3. *Thẩm định hiệu quả dự án*

a) Những đóng góp của dự án đối với phát triển kinh tế - xã hội:

Dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo (Km0+00-Km8+300); tuyến QL17 đoạn từ cống Kem đi Tiên Phong (Km55+00-Km60+52), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) khi được đầu tư sẽ mang lại những hiệu quả tích cực đối với kinh tế, xã hội của địa phương, được thể hiện ở các mặt:

- Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch; góp phần tăng cường năng lực, chất lượng mạng lưới giao thông chung của tỉnh;

- Tạo đòn bẩy thúc đẩy quy hoạch phát triển các khu đô thị; khu cụm công nghiệp, dịch vụ hai bên tuyến đường; thu hút nguồn lực địa phương (lao động, thiết bị máy móc, vật liệu xây dựng,...) góp phần phát triển kinh tế; cải thiện chất lượng đời sống người dân trong khu vực;

- Góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc huy động tổng hòa các nguồn lực đầu tư trong xã hội để đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương;

- Cải thiện đời sống xã hội tại khu vực, khi dự án hoàn thành sẽ thu hút đông đảo người dân đến với huyện, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh doanh dịch vụ quanh khu vực dự án. Về phía người dân sau khi bị thu hồi đất sẽ có cơ hội để chuyển đổi nghề nghiệp mang lại thu nhập cao hơn, thu nhập ổn định hơn so với làm nông nghiệp.

b) Tác động của dự án đối với môi trường, xã hội

Việc thực hiện dự án sẽ có những tác động nhất định tới môi trường trong khu vực, trong đó ảnh hưởng lớn tới môi trường không khí và tiếng ồn. Nguồn phát thải ô nhiễm phần lớn từ hoạt động thi công xây lắp, hoạt động của thiết bị máy móc, phát thải khí, khói bụi. Những tác động này mang tính chất tạm thời và sẽ chấm dứt khi dự án được hoàn thành. Tuy nhiên UBND huyện Yên Dũng khi lập dự án cần phải đưa ra các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế để hạn chế những tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Về mặt xã hội: Quá trình triển khai dự án sẽ gây xáo trộn tới một bộ phận dân cư hiện đang sinh sống gần khu vực dự án, đặc biệt là những hộ thuộc diện giải tỏa, di dời để xây dựng công trình. Bên cạnh đó, việc tập trung một số lượng lớn

thiết bị, máy móc, công nhân trong khoảng thời gian thi công công trình sẽ gây sức ép lớn lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước tại địa phương. Để giảm thiểu tác động này, ngoài việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công bằng quyền và lợi ích của người dân thì quá trình thực hiện dự án các cấp chính quyền địa phương cần tăng cường vận động, tuyên truyền để nhân dân cảm thông, chia sẻ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện dự án, đồng thời cần có biện pháp bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, sử dụng phương tiện đúng tải trọng phục vụ của công trình để hạn chế hư hỏng kết cấu hạ tầng khu vực dự án.

c) Những tác động tới kiến trúc cảnh quan:

Dự án xây dựng sẽ tiến hành phá dỡ một số các công trình kiến trúc của nhân dân có tác động tới kiến trúc cảnh quan khu vực. Tuy nhiên qua khảo sát cho thấy phần lớn các công trình kiến trúc trong khu vực dân cư phải phá dỡ đều ở dạng đơn giản, ít kiên cố, ít mang nét kiến trúc đặc trưng vùng miền do đó việc giải tỏa mặt bằng cho dự án có tính khả thi.

#### 3.2.4. Thẩm định tính khả thi của dự án

a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật:

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật: UBND huyện Yên Dũng đề xuất quy mô, giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục của dự án về cơ bản đáp ứng được yêu cầu sử dụng, phù hợp với các quy hoạch xây dựng có liên quan, đáp ứng được yêu cầu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án có giải pháp kết cấu công trình đảm bảo được tính khả thi về công nghệ thi công đang phổ biến trên thị trường, có khả năng sử dụng nguồn nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương và các khu vực lân cận. Phương án kỹ thuật của dự án UBND huyện đề xuất là những giải pháp phổ biến cho các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đã và đang được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh, do vậy những vấn đề rủi ro về mặt kỹ thuật của dự án cũng sẽ được dự phòng trước và có biện pháp chủ động xử lý khi xảy ra sự cố.

- Thiết kế sơ bộ của dự án: Trong quá trình chuẩn bị dự án, UBND huyện Yên Dũng thường xuyên tranh thủ ý kiến của các cơ quan quản lý về xây dựng để đề xuất thiết kế sơ bộ cho dự án sát với yêu cầu thực tiễn. Những nội dung tồn tại của thiết kế sơ bộ dự án theo ý kiến của cơ quan thẩm định cơ bản đã được UBND huyện Yên Dũng tiếp thu và chỉnh sửa.

b) Tính khả thi về mặt tài chính:

Phương án tài chính của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án cơ bản đáp ứng được nội dung yêu cầu theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 và Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính. Tổng mức đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở suất đầu tư năm 2017 do Bộ Xây dựng công bố, tham khảo suất đầu tư của một số dự án có quy mô tương tự đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh cơ bản phù hợp với quy mô, nội dung đầu tư của dự án; các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư được tính toán đầy đủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Nguồn vốn đầu tư và cơ

cầu nguồn vốn phù hợp với quy định tại Điều 10, Nghị định 63/2018/NĐ-CP. Phương án huy động vốn, kế hoạch vay, trả nợ vay, điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động .... phù hợp với tiến độ và điều kiện thực tế của dự án.

Về phương án thu hồi vốn đầu tư: Phương án tài chính của dự án đã đề xuất được quỹ đất có giá trị tương đương để thực hiện thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất được tính toán, xác định sơ bộ trên cơ sở pháp luật về đất đai và các quy định của UBND tỉnh, sau khi cân đối với giá trị công trình BT vẫn còn dư một khoản dự kiến nộp vào ngân sách Nhà nước.

c) Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư:

Hồ sơ đề xuất dự án đề xuất các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư phù hợp với quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### *3.2.5. Thẩm định sự phù hợp của loại hợp đồng dự án*

a) Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng được lựa chọn:

UBND huyện Yên Dũng đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) đối với công trình là đường giao thông trong bối cảnh nguồn lực chủ yếu từ quỹ đất đô thị là hoàn toàn phù hợp với điều kiện đầu tư trên địa bàn tỉnh, đồng thời đây cũng là hình thức hợp đồng có lợi thế hơn so với các hình thức đầu tư khác.

Về thời gian thực hiện dự án: UBND huyện Yên Dũng đề xuất thực hiện dự án 2018-2021 là phù hợp với quy mô của dự án nhóm B.

b) Tính hợp lý trong việc giải quyết rủi ro, vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện dự án:

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã đề cập và sơ bộ nhận diện được một số các yếu tố rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện dự án mà bên cần quan tâm giải quyết để dự án được hoàn thành theo đúng tiến độ, đạt mục tiêu, chất lượng và hiệu quả đầu tư. Đây mới là những đề xuất rủi ro sơ bộ được nhận diện trong bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, vấn đề này sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đề xuất cụ thể khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, đàm phán và ký kết hợp đồng dự án.

### *3.2.6. Kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án*

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án của UBND huyện Yên Dũng đề xuất thời gian thực hiện dự án 2018-2021 với kế hoạch triển khai các công việc chủ yếu của dự án phù hợp với các quy định của Nhà nước, phù hợp với khối lượng công việc của dự án và khả năng nguồn lực đề xuất cho dự án. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã phác thảo sơ bộ được cơ chế giám sát và quản lý dự án phù hợp với các quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP.

## **IV. Kết luận**

Qua nội dung phân tích ở trên, căn cứ vào Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được UBND huyện Yên Dũng hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định, Sở Kế hoạch và

Đầu tư đánh giá hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo (Km0+00-Km8+300); tuyến QL17 đoạn từ công Kem đi Tiên Phong (Km55+00- Km60+52), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) là phù hợp với quy định của pháp luật, đủ điều kiện để xem xét, phê duyệt và công bố dự án.

#### V. Kiến nghị

Để có cơ sở công bố dự án và thực hiện các bước tiếp theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT398 đoạn từ Đồng Việt đi thị trấn Neo (Km0+00-Km8+300); tuyến QL17 đoạn từ công Kem đi Tiên Phong (Km55+00- Km60+52), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) do UBND huyện Yên Dũng đề xuất.

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

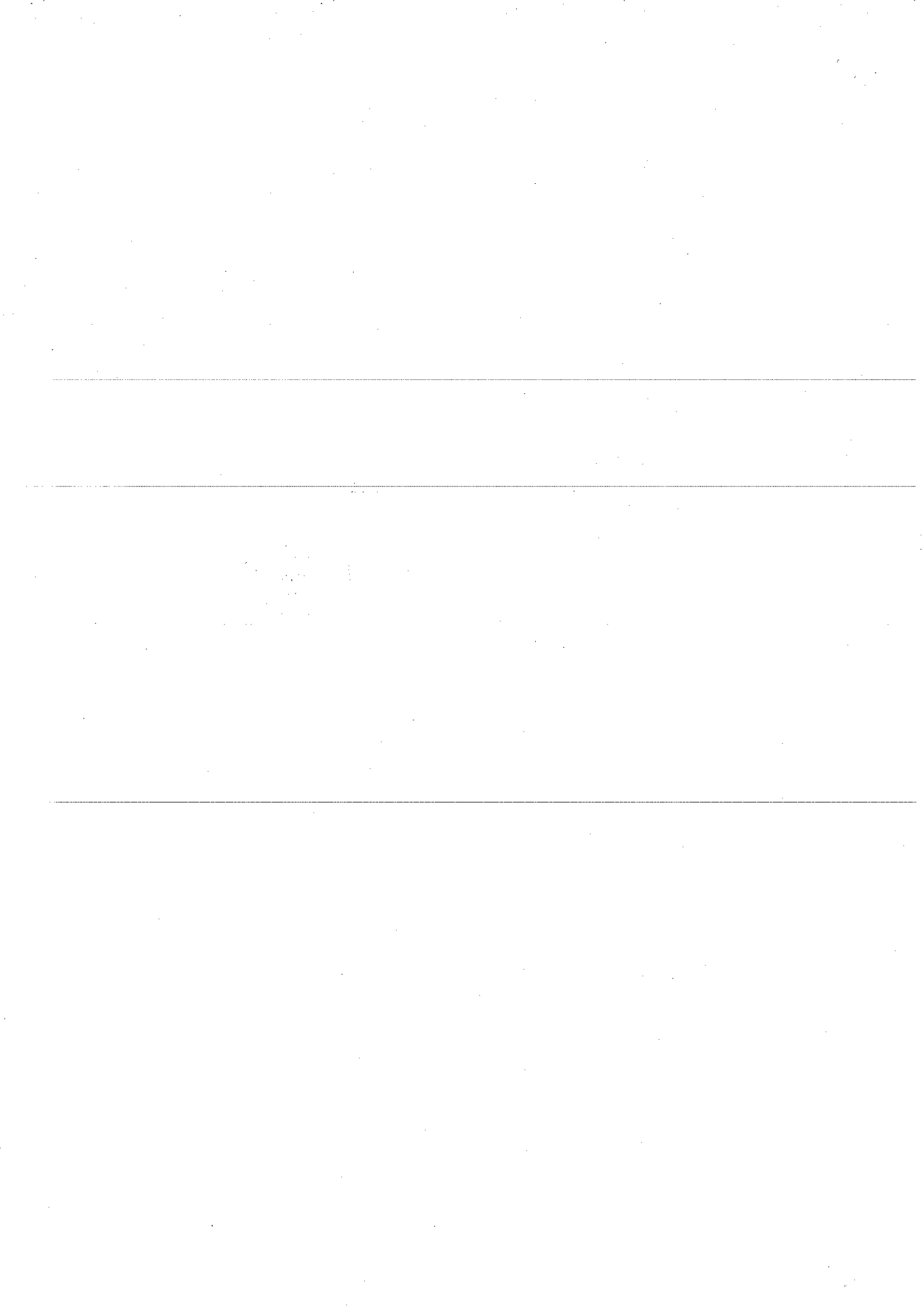
#### *Nơi nhận:*

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó CT UBND tỉnh Lại Thanh Sơn (b/c);
- VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Yên Dũng;
- Lưu VT, ĐTTĐ&GSĐT;

#### *\* Bản điện tử:*

- Lãnh đạo sở;
- Phòng THQH, HTKTĐN; KTN.





Số: 250/BC - SKHĐT

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2018

## BÁO CÁO

**Thẩm định Báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi dự án: Xây dựng cầu vượt qua đường Xương Giang - nội đường Nguyễn Thị Minh Khai với đường Trần Quang Khải, thành phố Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT)**

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 49/2014/HQ13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;
- Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/03/2016 của Bộ Tài Chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2016/TT-BTC; Thông tư 30/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 75/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2016/TT-BTC;
- Căn cứ Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định 318/QĐ-UBND ngày 18/07/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định 652/QĐ-UBND ngày 06/12/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh quy hoạch chung thành phố thành phố Bắc Giang đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (giai đoạn 2016 - 2020);

- Căn cứ Công văn 98/UBND-GT ngày 7/6/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc chuẩn bị dự án xây dựng cầu vượt đường Xương Giang nối đường Nguyễn Thị Minh Khai với đường Trần Quang Khải theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

- Căn cứ các kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư dự án tại Thông báo số 360/TB-TU ngày 06/6/2018; kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư dự án theo Thông báo số 375-TB/TU ngày 29/6/2018;

Trên cơ sở ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu UBND thành phố Bắc Giang hoàn chỉnh lại hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

Căn cứ theo Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi UBND thành phố Bắc Giang gửi kèm theo Tờ trình số 1448/TTr- UBND ngày 15/6/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi với nội dung như sau:

## **I. Khái quát về nội dung dự án**

1.1. Tên dự án: Xây dựng cầu vượt qua đường Xương Giang - nối đường Nguyễn Thị Minh Khai với đường Trần Quang Khải, thành phố Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT).

1.2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án: UBND tỉnh Bắc Giang.

1.3. Đơn được giao vị lập Báo cáo NCKT: UBND thành phố Bắc Giang.

1.4. Địa điểm, quy mô, diện tích sử dụng đất:



1.4.1. Địa điểm: Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.4.2. Nội dung, quy mô đầu tư:

\* Nội dung đầu tư: Xây dựng cầu vượt đường Xương Giang nối đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Trần Quang Khải với điểm đầu tại đoạn khu phố 2 đường Nguyễn Thị Minh Khai; điểm cuối: Đường Trần Quang Khải đoạn qua Trung tâm Dịch vụ việc làm.

\* Quy mô đầu tư:

- Phần cầu: Xây dựng cầu dầm BTCT dự ứng lực bản rộng liên tục với chiều dài  $L_c \approx 321m$  (chưa bao gồm đường dẫn); sơ đồ cầu gồm 9 nhịp dầm với chiều dài mỗi nhịp 35m; mặt cắt ngang cầu và đường dẫn đầu cầu rộng 11m (trong đó: Làn xe cơ giới  $2 \times 3,5 = 7,0m$ , làn xe thô sơ  $2 \times 1,5 = 3,0m$ , gờ lan can  $2 \times 0,5 = 1,0m$ ). Tĩnh không vượt đường Xương Giang, đường Lê Ngọc Trung đảm bảo mức tối thiểu  $h = 4,75m$ ; vượt 02 tuyến đường sắt với tĩnh không tối thiểu  $h = 6,0m$ .

- Đường dẫn hai bên đầu cầu có tổng chiều dài khoảng 130m (phía đường Nguyễn Thị Minh Khai dài 60m, phía đường Trần Quang Khải dài 70m); sử dụng tường chắn BTCT vách thẳng đứng.

- Đường gom hai bên cầu mỗi bên rộng 8m gồm: Làn xe cơ giới  $1 \times 3,25m$ ; Làn xe thô sơ  $1 \times 1,5m$ ; dải an toàn  $1 \times 0,25m$ ; Hè đường  $1 \times 3,0m$ .

- Quy mô mặt cắt ngang đường đầu cầu rộng 27m.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng đất, nguồn tài nguyên:

Công trình BT được đầu tư trên khu vực hiện trạng là đất thuộc đường cũ, đất nông nghiệp thuộc địa phận phường Thọ Xương và Xương Giang, thành phố Bắc Giang. Tổng diện tích sử dụng đất Dự án là 1,2 ha, trong đó đất đường cũ là 0,9 ha, đất nông nghiệp là 0,3ha.

1.5. Loại hợp đồng của dự án: Xây dựng – Chuyển giao (BT).

1.6. Sơ bộ phương án tài chính:

a) Tổng vốn đầu tư **200.989.000.000 đồng.**

(Hai trăm tỷ, chín trăm tám mươi chín triệu đồng),

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	145.785.000.000 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng:	2.188.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.454.000.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	8.656.000.000 đồng;
- Chi phí khác:	16.765.000.000 đồng;
- Dự phòng:	25.141.000.000 đồng.
b) Giá trị dự án BT:	<b>175.848.000.000 đồng.</b>

c) Nguồn vốn thực hiện dự án:

Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này.

Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (20%): 40.198.000.000 đồng;
- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (80%): 160.791.000.000 đồng.

d) Phương án huy động vốn:

\* Huy động vốn chủ sở hữu:

- Tổng số: 40.198.000.000 đồng;

- Phương án huy động: Nhà đầu tư sử dụng phần vốn chủ sở hữu của mình để bố trí thực hiện dự án. Nhà đầu tư phải gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu theo cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của nguồn vốn chủ sở hữu bố trí cho dự án.

- Tiến độ giải ngân: Dự kiến sẽ bố trí phần vốn chủ sở hữu tham gia thực hiện dự án để triển khai trước và giải ngân hết trong năm đầu thực hiện dự án.

\* Huy động nguồn vốn vay thương mại:

- Tổng số: 160.791.000.000 đồng.

- Thời gian vay: Phần vốn vay thương mại dự kiến sẽ được huy động theo tiến độ thực hiện hợp đồng dự án 02 năm. Thời gian vay từng cho từng khoản cụ thể sẽ được xác định theo số liệu hàng tháng, quý và xem xét thời điểm cắt lãi vay khi thanh toán khối lượng dự án.

- Nhu cầu vốn vay theo từng năm là: 30% và 50%.

- Lãi suất vay: Lãi suất vay dự kiến đề xuất theo mức tối đa được quy định Điều 1, Thông tư số 75/2017/TT-BTC và khoản 1, Điều 1, Thông tư số 30/2018/TT-BTC. Mức lãi vay áp dụng để tính toán chi phí lãi vay trong phương án tài chính là 6,42%.

- Đồng tiền vay: Việt Nam đồng.

- Điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động: Nhà đầu tư phải có cam kết hoặc văn bản thỏa thuận giữa tổ chức cho vay với Nhà đầu tư.

- Tiến độ giải ngân: Khoản vay thương mại dự kiến giải ngân tương ứng với tiến độ thực hiện hợp đồng dự án, tỷ lệ giải ngân theo từng năm là: 30% và 50%.

- Phương án trả nợ vốn vay huy động: Các khoản vay thương mại sẽ được Nhà đầu tư hoàn trả theo kế hoạch thanh toán dự án BT và kế hoạch kinh doanh của dự án khác. Khi khối lượng dự án BT được Nhà nước thanh toán bằng giá trị quỹ đất thì các khoản vay trước đó (tương ứng với giá trị dự án thanh toán) sẽ cắt lãi, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm bố trí kinh phí để trả nợ vay.

đ) Phần nhà nước tham gia trong dự án: Là giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao.

e) Phương án thanh toán dự án và thu hồi vốn đầu tư:

\* Phương án thu hồi vốn đầu tư:

Nhà nước sử dụng quỹ đất khoảng 24 ha (hiện trạng là đất chưa GPMB tại xã Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang nằm trong quy hoạch phân khu Đông Bắc thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (đã được quy hoạch tỷ lệ 1/2000) giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác; trong đó sử dụng diện tích đất phân lô bán nền khoảng 8,9ha giao cho nhà đầu tư để thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất tính toán sơ bộ đủ để cân đối thực hiện dự án BT.

\* Phương án thanh toán dự án:

Việc thanh toán dự án sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) tại thời điểm nhà nước ban hành quyết định giao đất cho nhà đầu tư. Nhà nước sử dụng khoảng 8,9ha đất phân lô bán nền thuộc phân khu Đông Bắc thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để thanh toán dự án BT:

- Giá trị quỹ đất thanh toán dự án BT tính sơ bộ: 202.356.000.000 đồng;
- Giá trị dự án BT: 175.848.000.000 đồng;
- Khoản chênh lệch nộp lại ngân sách nhà nước: 26.508.000.000 đồng.

Kế hoạch thanh toán dự án BT dự kiến thanh toán làm 02 đợt vào cuối các năm thứ nhất và thứ hai của dự án, mỗi năm 50% giá trị.

1.7. Thời gian thực hiện dự án: 2018-2021.

1.8. Ưu đãi và đảm bảo đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.9. Các nội dung khác: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

## **II. Tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan**

- Sở Xây dựng (Công văn số 1221/SXD-PTĐT&HTKT ngày 22/6/2018).
- Sở GTVT (Công văn số 2056/SGTVT-QLCL ngày 25/6/2018).
- Sở Tài chính (Công văn số 1060/STC-QLGCS ngày 25/6/2018).
- Sở Tài Nguyên và Môi trường (Công văn số 1469/TNMT-KHTC ngày 22/6/2018).

Trên cơ sở thực hiện các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu Nhà đầu tư hoàn thiện cơ bản các nội dung theo ý kiến thẩm định của các đơn vị. Một số nội dung liên quan đến quy hoạch chi tiết của dự án khác, giải pháp kỹ thuật cụ thể,... đề nghị sẽ nghiên cứu chi tiết trong bước Lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

### **III. Tổng hợp kết quả thẩm định**

#### **3.1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ**

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án: Xây dựng cầu vượt qua đường Xương Giang - nối đường Nguyễn Thị Minh Khai với đường Trần Quang Khải, thành phố Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) do UBND thành phố Bắc Giang trình thẩm định, phê duyệt đầy đủ theo yêu cầu quy định tại Khoản 3, Điều 18, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

#### **3.2. Thẩm định về nội dung của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi**

##### *3.2.1. Sự cần thiết đầu tư dự án*

Nằm trên tuyến giao thông huyết mạch Nguyễn Thị Minh Khai - Trần Quang Khải, cùng với các khu đô thị đã hình thành và tập trung đông dân số như Khu dân cư số 1, số 2 của thành phố, khu dân cư Hồ Bắc, khu dân cư Công Ngọc Bến Xe, là các khu đô thị mới đang được gấp rút đầu tư xây dựng và hình thành như Khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang, Khu đô thị mới Bách Việt Lake Garden. Sau khi cầu vượt xây dựng hoàn thiện sẽ hình thành tuyến giao thông xuyên suốt và khép kín chạy từ Quốc lộ 1 qua đường Nguyễn Thị Minh Khai, hướng đến đường Trần Quang Khải, vượt qua cầu Trần Quang Khải sang bên phía xã Song Mai chạy qua quốc lộ 17 hướng về đường tỉnh lộ 295B, hướng đến cầu Đồng Sơn, qua khu đô thị phía Nam và về Quốc Lộ 1. Tuyến đường đi qua nhiều khu vực đô thị quan trọng của thành phố, kết nối các khu vực hiện trạng đang bị chia cắt, giới hạn không gian bởi Quốc lộ 1, tuyến đường sắt Hà Nội-Lạng Sơn, sông Thương.

Nội dung đầu tư của dự án hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại khoản 1, Điều 4, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 4/5/2018; phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015.

Trước nhu cầu rất lớn về nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư công còn hạn hẹp và có xu hướng thuyên giảm thì việc mở rộng phương thức đầu tư mới nhằm huy động nguồn lực của toàn xã hội đầu tư vào kết cấu hạ tầng của đất nước là hướng đi mới và cần thiết. Một trong những hướng đi mới trong việc huy động nguồn lực này là sự thiết lập mối quan hệ đối tác công - tư dưới nhiều hình thức hợp đồng khác nhau, trong đó sử dụng nguồn lực đất đai như một đòn bẩy đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương.

Trong điều kiện nguồn lực thanh toán của địa phương chủ yếu từ quỹ đất đô thị thì việc UBND thành phố Bắc Giang đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) là giải pháp hiệu quả, có tính khả thi cao so với các hình thức hợp đồng PPP khác. Việc đầu tư dự án theo hình thức hợp đồng BT dưới hình thức giao đất (chưa có hạ tầng) cho nhà đầu tư để thanh toán dự án BT còn góp phần thúc đẩy đô thị hóa tại khu vực giao đất thông qua việc thực hiện dự án khác.

### 3.2.2. Thẩm định các yếu tố cơ bản của dự án

#### a) Mục tiêu của dự án:

Xây dựng cầu vượt đường Xương Giang, nối đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Trần Quang Khải nhằm từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị theo quy hoạch phát triển của thành phố Bắc Giang; khắc phục tình trạng ãn cách thành phố bởi tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng, tuyến đường sắt chuyên dụng của Nhà máy đạ và đường Xương Giang; tăng cường kết nối các khu đô thị, khu dân cư của thành phố, gồm: khu đô thị phía Nam thành phố, khu dân cư số 1, số 2, khu dân cư Cổng Ngọc bên xe, khu dân cư Hồ Bắc, phường Đa Mai, đồng thời mở ra cơ hội phát triển cho khu Tây Bắc thành phố; giúp phân luồng giảm tải lưu lượng xe từ các huyện Yên Thế, Tân Yên lưu thông về thành phố Bắc Giang và kết nối với tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn. Qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Bắc Giang và các vùng lân cận.

#### b) Quy mô, công suất của dự án:

Quy mô của dự án còn phù hợp với nhu cầu vận tải của khu vực phía Đông Bắc thành phố Bắc Giang và yêu cầu phát triển đô thị của tỉnh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, phù hợp với khả năng nguồn lực từ quỹ đất đô thị và nhu cầu thị trường bất động sản trong thời gian tới. Việc lựa chọn quy mô và giải pháp xây dựng công trình phù hợp với điều kiện cung ứng nguyên vật liệu của địa phương và vùng lân cận, phù hợp với công nghệ thi công phổ biến trên thị trường.

#### c) Địa điểm thực hiện dự án:

Nhìn chung địa điểm xây dựng các hạng mục công trình có đặc điểm tự nhiên cơ bản thuận lợi cho hoạt động xây dựng. Khu vực địa hình tương đối bằng phẳng, một phần là đất đường giao thông, một phần là đất nông nghiệp.

#### d) Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

Để phục vụ xây dựng dự án phải tiến hành GPMB khoảng 1,2 ha, trong đó đất đường cũ là 0,9 ha, đất nông nghiệp là 0,3ha. Tuy đây không phải là dự án có khối lượng giải phóng mặt bằng không lớn nhưng chính quyền địa phương vẫn phải thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Việc thu hồi mặt bằng để phục vụ xây dựng công trình được thực hiện trên cơ sở lập phương án và tổ chức hỗ trợ, bồi thường theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đất đai.

### 3.2.3. Thẩm định hiệu quả dự án

#### a) Những đóng góp của dự án đối với phát triển kinh tế - xã hội:

Dự án Xây dựng cầu vượt qua đường Xương Giang - nối đường Nguyễn Thị Minh Khai với đường Trần Quang Khải, thành phố Bắc Giang khi được đầu tư sẽ mang lại những hiệu quả tích cực đối với kinh tế, xã hội của địa phương, được thể hiện ở các mặt:

- Từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị theo quy hoạch và định hướng phát triển của thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn 2016-2020.

- Ổn định dân sinh, kinh tế vùng dự án, nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đời sống dân cư trên địa bàn TP Bắc Giang.

- Xây dựng các khu dân cư mới đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, sớm đưa dự án vào khai thác đáp ứng nhu cầu của các tầng lớp nhân dân.

- Giảm xung đột giao thông với đường sắt và các nguy cơ mất an toàn.

- Kết nối các khu dân cư đông đúc nhất của thành phố hiện tại và trong tương lai, gồm khu đô thị phía Nam, khu dân cư số 1, số 2 qua trục đường Nguyễn Thị Minh Khai - Trần Quang Khải với khu dân cư Công góc bến xe, khu dân cư Hồ Bắc, phường Đa Mai và khu Tây Bắc thành phố Bắc Giang.

b) Tác động của dự án đối với môi trường, xã hội

Việc thực hiện dự án sẽ có những tác động nhất định tới môi trường trong khu vực, trong đó ảnh hưởng lớn tới môi trường không khí và tiếng ồn. Nguồn phát thải ô nhiễm phần lớn từ hoạt động thi công xây lắp, hoạt động của thiết bị máy móc, phát thải khí, khói bụi. Những tác động này mang tính chất tạm thời và sẽ chấm dứt khi dự án được hoàn thành. Tuy nhiên Nhà đầu tư khi thực hiện dự án cần phải đưa ra các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế để hạn chế những tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Về mặt xã hội: Quá trình tiến khai dự án sẽ gây xáo trộn tới một bộ phận dân cư hiện đang sinh sống gần khu vực dự án, đặc biệt là những hộ thuộc diện giải tỏa, di dời để xây dựng công trình. Bên cạnh đó, việc tập trung một số lượng lớn thiết bị, máy móc, công nhân trong khoảng thời gian thi công công trình sẽ gây sức ép lớn lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước tại địa phương. Để giảm thiểu tác động này, ngoài việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công bằng quyền và lợi ích của người dân thì quá trình thực hiện dự án Nhà đầu tư cùng các cấp chính quyền địa phương cần tăng cường vận động, tuyên truyền để nhân dân cảm thông, chia sẻ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện dự án, đồng thời cần có biện pháp bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, sử dụng phương tiện đúng tải trọng phục vụ của công trình để hạn chế hư hỏng kết cấu hạ tầng khu vực dự án.

c) Những tác động tới kiến trúc cảnh quan:

Dự án xây dựng sẽ tiến hành phá dỡ một số các công trình kiến trúc của nhân dân có tác động tới kiến trúc cảnh quan khu vực. Tuy nhiên qua khảo sát cho thấy phần lớn các công trình kiến trúc trong khu vực dân cư phải phá dỡ đều ở dạng đơn giản, ít kiên cố do đó việc giải tỏa mặt bằng cho dự án có tính khả thi.

#### 3.2.4. Thẩm định tính khả thi của dự án

a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật:

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật: UBND thành phố Bắc Giang đề xuất quy mô, giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục của dự án về cơ bản đáp ứng được yêu cầu sử dụng, phù hợp với các quy hoạch xây dựng có liên quan, đáp ứng được yêu cầu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án có giải pháp kết cấu công trình đảm bảo được tính khả thi về công nghệ thi công đang phổ biến trên thị trường, có khả năng sử dụng nguồn nguyên vật liệu sẵn có

tại địa phương và các khu vực lân cận. Phương án kỹ thuật của dự án do UBND thành phố Bắc Giang đề xuất là những giải pháp phổ biến cho các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đã và đang được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh, do vậy những vấn đề rủi ro về mặt kỹ thuật của dự án cũng sẽ được dự phòng trước và có biện pháp chủ động xử lý khi xảy ra sự cố.

- Thiết kế sơ bộ của dự án: Những nội dung tồn tại của thiết kế sơ bộ dự án theo ý kiến của cơ quan thẩm định cơ bản đã được UBND thành phố Bắc Giang tiếp thu và chỉnh sửa trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

#### b) Tính khả thi về mặt tài chính:

Phương án tài chính của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án cơ bản đáp ứng được nội dung yêu cầu theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 và Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính. Tổng mức đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở suất đầu tư năm 2017 do Bộ Xây dựng công bố, tham khảo suất đầu tư của một số dự án có quy mô tương tự đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh cơ bản phù hợp với quy mô, nội dung đầu tư của dự án; các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư được tính toán đầy đủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Nguồn vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn phù hợp với quy định tại Điều 10, Nghị định 63/2018/NĐ-CP. Phương án huy động vốn, kế hoạch vay, trả nợ vay, điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động .... phù hợp với tiến độ và điều kiện thực tế của dự án.

Về phương án thu hồi vốn đầu tư: Phương án tài chính của dự án đã đề xuất được quỹ đất có giá trị tương đương để thực hiện thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất được tính toán, xác định sơ bộ trên cơ sở pháp luật về đất đai và các quy định của UBND tỉnh, sau khi cân đối với giá trị công trình BT vẫn còn dư một khoản dự kiến nộp vào ngân sách Nhà nước.

#### c) Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư:

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đề xuất các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư phù hợp với quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### 3.2.5. Thẩm định sự phù hợp của loại hợp đồng dự án

##### a) Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng được lựa chọn:

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi do UBND thành phố Bắc Giang lập đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) đối với công trình là đường giao thông là hoàn toàn phù hợp với điều kiện đầu tư trên địa bàn tỉnh, đồng thời đây cũng là hình thức hợp đồng có lợi thế hơn so với các hình thức đầu tư khác.

Về thời gian thực hiện dự án: Thời gian thực hiện dự án từ 2018-2021 là phù hợp với quy mô của dự án nhóm B, phù hợp với yêu cầu của tỉnh đưa công trình vào khai thác sử dụng.

b) Tính hợp lý trong việc giải quyết rủi ro, vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện dự án:

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã đề cập và sơ bộ nhận diện được một số các yếu tố rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện dự án mà bên cần quan tâm giải quyết để dự án được hoàn thành theo đúng tiến độ, đạt mục tiêu, chất lượng và hiệu quả đầu tư. Đây mới là những đề xuất rủi ro sơ bộ được nhận diện trong bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, vấn đề này sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đề xuất cụ thể khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, đàm phán và ký kết hợp đồng dự án.

### 3.2.6. Kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của UBND thành phố Bắc Giang lập đề xuất thời gian thực hiện dự án 2018-2021 với kế hoạch triển khai các công việc chủ yếu của dự án phù hợp với các quy định của Nhà nước, phù hợp với khối lượng công việc của dự án và khả năng nguồn lực đề xuất cho dự án. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã phác thảo sơ bộ được cơ chế giám sát và quản lý dự án phù hợp với các quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP.

## IV. Kết luận

Qua nội dung phân tích ở trên, căn cứ vào Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được UBND thành phố Bắc Giang hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: Xây dựng cầu vượt qua đường Xương Giang - nối đường NguyễnThị Minh Khai với đường Trần Quang Khải, thành phố Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) là phù hợp với quy định của pháp luật, đủ điều kiện để xem xét, phê duyệt và công bố dự án.

## V. Kiến nghị

Để có cơ sở công bố dự án và thực hiện các bước tiếp theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cầu vượt qua đường Xương Giang - nối đường NguyễnThị Minh Khai với đường Trần Quang Khải, thành phố Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT).

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó CT UBND tỉnh Lại Thanh Sơn (b/c);
- VP UBND tỉnh;
- UBND thành phố Bắc Giang;
- Lưu VT, ĐTTĐ&GSDT;
- \* **Bản điện tử:**
  - Lãnh đạo sở;
  - Phòng THQH, HTKTĐN; KTN.

**GIÁM ĐỐC**



**Trịnh Hữu Thắng**



Số: 251/BC - SKHĐT

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2018

## BÁO CÁO

**Thẩm định Báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi Dự án: Cải tạo, nâng cấp QL37 đoạn Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyên giao (BT).**

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 49/2014/HQ13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;
- Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/03/2016 của Bộ Tài Chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2016/TT-BTC; Thông tư 30/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 75/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2016/TT-BTC;
- Căn cứ Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định 318/QĐ-UBND ngày 18/07/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v sửa

đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (giai đoạn 2016 - 2020);

- Căn cứ Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy số 326-TB/TU ngày 04/4/2018 tại phiên họp giao ban ngày 02/4/2018; số 363-TB/TU ngày 12/6/2018 tại phiên họp giao ban ngày 11/6/2018; Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 375-TB/TU ngày 29/6/2018;

Trên cơ sở ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị UBND huyện Hiệp Hòa hoàn chỉnh lại hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

Căn cứ Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 15/6/2018 của UBND huyện Hiệp Hòa, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án với nội dung như sau:

### **I. Khái quát về nội dung dự án**

1.1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp QL37 đoạn Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

1.2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án: UBND tỉnh Bắc Giang.

1.3. Đơn vị được giao lập Báo cáo NCTKT: UBND huyện Hiệp Hòa.

1.4. Địa điểm, quy mô, diện tích sử dụng đất:

1.4.1. Địa điểm: Các xã Đoàn Bái, Lương Phong, Đức Thắng, Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.4.2. Nội dung, quy mô đầu tư:

Cải tạo, nâng cấp QL 37 đoạn từ Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400 với tổng chiều dài 6,2Km, gồm hai đoạn:

- Đoạn 1: Từ Km83+300 - Km88+100, dài 4,8km thuộc địa phận các xã: Đoàn Bái và Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được đầu tư với quy

mô đường cấp III đồng bằng, vận tốc thiết kế 80 Km/h. quy mô mặt cắt ngang 2 làn xe, Bn =12m, Bm=11m.

- Đoạn 2: Từ Km90+000 - Km91+400, dài 1,4km thuộc địa phận xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang được đầu tư với quy mô theo quy hoạch chung thị trấn Thắng, mặt cắt ngang 4 làn xe, Bn=17m, Bm=14m.

Mặt đường được thiết kế theo tiêu chuẩn cấp cao A1 (22TCN 211-06) mặt đường BTN trên móng cấp phối đá dăm, cường độ mặt đường Eyc  $\geq$ 140 Mpa.

- Công trình trên tuyến: Mở rộng cầu Chóp đảm bảo chiều rộng mặt cắt ngang cầu Bc=12m.

#### 1.4.4. Nhu cầu sử dụng đất, nguồn tài nguyên:

Công trình BT được đầu tư trên nền đường hiện trạng QL37 đoạn Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400. Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi để xây dựng công trình BT khoảng 2,1ha, trong đó chủ yếu đất nông nghiệp và một phần đất thổ cư.

#### 1.5. Loại hợp đồng của dự án: Xây dựng – Chuyển giao (BT).

#### 1.6. Phương án tài chính sơ bộ:

a) Tổng vốn đầu tư **89.354.000.000 đồng.**

*(Tám mươi chín tỷ, ba trăm năm mươi tư triệu đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	56.230.000.000 đồng
- Chi phí GPMB	:	10.880.000.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	1.245.000.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	3.894.000.000 đồng
- Chi phí khác (cả lãi vay)	:	6.249.000.000 đồng
- Chi phí dự phòng	:	10.856.000.000 đồng

b) Giá trị công trình BT: **78.498.000.000 đồng.**

c) Nguồn vốn thực hiện dự án:

Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này.

Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (20%):	17.870.800.000 đồng;
- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (80%):	71.483.200.000 đồng.

d) Phương án huy động vốn:

\* Huy động vốn chủ sở hữu:

- Tổng số: 17.870.800.000 đồng;

- Phương án huy động: Nhà đầu tư sử dụng phần vốn chủ sở hữu của mình để bố trí thực hiện dự án. Nhà đầu tư phải gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu theo cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của nguồn vốn chủ sở hữu bố trí cho dự án.

- Tiến độ giải ngân: Dự kiến sẽ bố trí phần vốn chủ sở hữu tham gia thực hiện dự án để triển khai trước và giải ngân hết trong năm đầu thực hiện dự án.

\* Huy động nguồn vốn vay thương mại:

- Tổng số: 71.483.200.000 đồng.

- Thời gian vay: Phần vốn vay thương mại dự kiến sẽ được huy động theo tiến độ thực hiện hợp đồng dự án 02 năm. Thời gian vay từng cho từng khoản cụ thể sẽ được xác định theo số liệu hàng tháng, quý và xem xét thời điểm cắt lãi vay khi thanh toán khối lượng dự án.

- Nhu cầu vốn vay theo từng năm mỗi năm 50%.

- Lãi suất vay: Lãi suất vay dự kiến đề xuất theo mức tối đa được quy định Điều 1, Thông tư số 75/2017/TT-BTC và khoản 1, Điều 1, Thông tư số 30/2018/TT-BTC. Mức lãi vay áp dụng để tính toán chi phí lãi vay trong phương án tài chính là 6,42%.

- Đồng tiền vay: Việt Nam đồng.

- Điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động: Nhà đầu tư phải có cam kết hoặc văn bản thỏa thuận giữa tổ chức cho vay với Nhà đầu tư.

- Tiến độ giải ngân: Khoản vay thương mại dự kiến giải ngân tương ứng với tiến độ thực hiện dự án, tỷ lệ giải ngân theo từng năm mỗi năm 50%.

- Phương án trả nợ vốn vay huy động: Các khoản vay thương mại sẽ được Nhà đầu tư hoàn trả theo kế hoạch thanh toán dự án BT và kế hoạch kinh doanh của dự án khác. Khi khối lượng dự án BT được Nhà nước thanh toán bằng giá trị quỹ đất thì các khoản vay trước đó (tương ứng với giá trị dự án thanh toán) sẽ cắt lãi, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm bố trí kinh phí để trả nợ vay.

đ) Phần nhà nước tham gia trong dự án: Là giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao.

e) Phương án thanh toán dự án và thu hồi vốn đầu tư:

\* Phương án thu hồi vốn đầu tư:

Nhà nước dùng quỹ đất thuộc 2 xã Đoan Bái và xã Lương Phong để giao cho nhà đầu tư thực hiện đầu tư dự án khác (dự án đầu tư hạ tầng khu đô thị mới) để thu hồi vốn đầu tư dự án BT. Dự kiến giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác trên khu đất với diện tích khoảng 10ha (hiện trạng là đất chưa GPMB), vị trí khu đất nằm cạnh QL37 phía đối diện với Công ty may Hà Phong, trong đó sử dụng quỹ đất phân lô, bán nền diện tích khoảng 3,25 ha để thanh toán dự án BT, nhà đầu tư sẽ kinh doanh trên quỹ đất thanh toán trên để thu hồi vốn đầu tư.

\* Phương án thanh toán dự án:

Việc thanh toán dự án sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) tại thời điểm nhà nước ban hành quyết định giao đất cho nhà đầu tư. Nhà nước sử dụng khoảng 3,25ha đất phân lô bán nền để thanh toán dự án BT:

- Giá trị quỹ đất thanh toán dự án BT tính sơ bộ: 89.854.000.000 đồng;
- Giá trị công trình BT: 78.498.000.000 đồng;
- Khoản chênh lệch nộp lại ngân sách nhà nước: 11.356.000.000 đồng.

Kế hoạch thanh toán dự án BT dự kiến thanh toán làm 02 đợt vào cuối các năm thứ nhất và thứ hai của dự án, mỗi năm 50% giá trị.

1.7. Thời gian thực hiện dự án: 2018-2021.

1.8. Ưu đãi và đảm bảo đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.9. Các nội dung khác: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

## **II. Tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan**

Sở Xây dựng: Công văn số 74/SXD-PTĐT&HTKT ngày 13/01/2017; Sở GTVT Công văn số 2506/SGTVT-QLCL ngày 25/6/2018; Sở Tài chính Công văn số 1060/STC-QLGCS ngày 25/6/2018; Sở Tài Nguyên và Môi trường Công văn số 1469/TNMT-KHTC ngày 22/6/2018;

Trên cơ sở thực hiện các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu UBND huyện Yên Dũng hoàn thiện cơ bản các nội dung theo ý kiến thẩm định của các đơn vị.

## **III. Tổng hợp kết quả thẩm định**

### **3.1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ**

Hồ sơ đề xuất dự án: Cải tạo, nâng cấp QL37 đoạn Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng-Chuyển giao (BT) do UBND huyện Hiệp Hòa trình thẩm định, phê duyệt đầy đủ theo yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 18, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

### **3.2. Thẩm định về nội dung của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi**

#### *3.2.1. Sự cần thiết đầu tư dự án*

Nằm trong Quy hoạch mạng lưới đường Quốc lộ theo quyết định số 1327/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; quy hoạch mạng lưới đường giao thông của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, QL37 là tuyến đường liên tỉnh nối 7 tỉnh, thành phố Thái Bình, Hải Phòng, Hải Dương, Bắc Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái và Sơn La với nhau, dài 470 km. Điểm đầu bắt đầu từ Cảng Diêm Điền (Thái Thụy - Thái Bình). Điểm cuối tuyến tại Ngã ba Cò Nòi thuộc xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, giữ vai trò quan trọng trong kết nối giao thông giữa các tỉnh phía Bắc. Đoạn tuyến chạy qua địa phận Bắc Giang đi qua các huyện Lục Nam, Lạng Giang, Việt Yên và Hiệp Hòa, là tuyến giao thông huyết mạch của tỉnh và cả vùng đồng bằng Bắc bộ, có vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội, Quốc phòng an ninh. Hiện nay đoạn qua huyện Hiệp Hòa đã được xây dựng từ lâu, lần

sửa chữa mặt đường gần nhất là khoảng năm 2010, từ đó đến nay chưa được sửa chữa thêm lần nào. Mặt đường đã xuống cấp nghiêm trọng, gây cản trở giao thông đi lại của nhân dân trong vùng. Mặt khác, dọc theo trục đường QL37 là rất nhiều nhà máy, xí nghiệp, cụm công nghiệp và các khu dân cư đô thị, lưu lượng giao thông rất lớn, đặc biệt là giờ cao điểm lúc công nhân đi làm, giờ tan làm. Tai nạn trên đường thường xuyên xảy ra gây bức xúc cho tình hình an ninh trong toàn huyện. Chính vì vậy rất cần được đầu tư, mở rộng nâng cấp đoạn tuyến này là hết sức cấp thiết tạo mối liên kết giữa huyện Hiệp Hòa với các huyện lân cận, cũng như các tỉnh lân cận. Trong khi đó Trên toàn tuyến, một số tỉnh đã đầu tư nâng cấp, mở rộng QL37 thành đường cấp 3 đồng bằng như: “Dự án đầu tư xây dựng QL37 đoạn qua Thái Bình”, “Dự án đầu tư xây dựng QL37 đoạn qua Hải Phòng”...; Các dự án trên đã được khởi công và xây dựng. QL37 đoạn đi qua huyện Việt Yên đã được Tổng cục đường bộ Việt Nam dùng vốn ngân sách bảo trì đường bộ để sửa chữa mặt đường, mở rộng mặt đường với bề rộng lề xe chạy là 11.0m (theo quyết định 1306/QĐ-TCĐBVN ngày 10/4/2018 của Tổng cục đường bộ Việt Nam).

Các hạng mục đầu tư của dự án hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018; phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015; phù hợp với Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035.

Trước nhu cầu rất lớn về nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư công còn hạn hẹp và có xu hướng thuyên giảm thì việc mở rộng phương thức đầu tư mới nhằm huy động nguồn lực của toàn xã hội đầu tư vào kết cấu hạ tầng của đất nước là hướng đi mới và cần thiết. Một trong những hướng đi mới trong việc huy động nguồn lực này là sự thiết lập mối quan hệ đối tác công - tư dưới nhiều hình thức hợp đồng khác nhau, trong đó sử dụng nguồn lực đất đai như một đòn bẩy đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương.

Trong điều kiện nguồn lực thanh toán của địa phương chủ yếu từ quỹ đất đô thị thì việc UBND huyện Hiệp Hòa đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) là giải pháp hiệu quả, có tính khả thi cao so với các hình thức hợp đồng PPP khác. Việc đầu tư dự án theo hình thức hợp đồng BT dưới hình thức giao đất (chưa có hạ tầng) cho nhà đầu tư để thanh toán dự án BT còn góp phần thúc đẩy đô thị hóa tại khu vực giao đất thông qua việc thực hiện dự án khác.

### *3.2.2. Thẩm định các yếu tố cơ bản của dự án*

#### *a) Mục tiêu của dự án:*

Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến QL37 đoạn Km83+300 - Km88+100 và Km90+00 - Km91+400 nhằm mục tiêu nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường hiện tại, đảm bảo quy mô đồng bộ với các đoạn tuyến lân cận đã được đầu

tư; từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông chính trong khu vực huyện Hiệp Hòa; tăng cường khả năng kết nối giao thông giữa Hiệp Hòa, Việt Yên với các địa bàn lân cận như thành phố Bắc Giang, tỉnh Thái Nguyên,...; đáp ứng nhu cầu đi lại thuận tiện và an toàn cho người dân, giảm thiểu nguy cơ ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông trên tuyến đường. Qua đó góp phần thúc đẩy phát triển phát triển kinh tế - xã hội của khu vực và của tỉnh.

b) Quy mô, công suất của dự án:

UBND huyện Hiệp Hòa đề xuất quy mô các hạng mục của dự án phù hợp với Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn 2050; phù hợp với Quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035. Ngoài ra, quy mô của dự án còn phù hợp với nhu cầu vận tải và yêu cầu phát triển đô thị của tỉnh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, phù hợp với khả năng nguồn lực từ quỹ đất đô thị và nhu cầu thị trường bất động sản trong thời gian tới. Việc lựa chọn quy mô và giải pháp xây dựng công trình phù hợp với điều kiện cung ứng nguyên vật liệu của địa phương và vùng lân cận, phù hợp với công nghệ thi công phổ biến trên thị trường.

c) Địa điểm thực hiện dự án:

Nhìn chung địa điểm xây dựng các hạng mục công trình có đặc điểm tự nhiên cơ bản thuận lợi cho hoạt động xây dựng, điều kiện địa chất tương đối ổn định không gây bất lợi lớn cho việc xây dựng công trình.

d) Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

Để phục vụ xây dựng dự án phải tiến hành GPMB khoảng 10ha đất thuộc các xã Đoàn Bái và xã Lương Phong hiện trạng là đất chưa giải phóng mặt bằng, chưa có quy hoạch chi tiết 1/500 chủ yếu là đất nông nghiệp. Đây là khối lượng giải phóng mặt bằng tương đối lớn, liên quan đến nhiều hộ dân nên đòi hỏi các cấp chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Việc thu hồi mặt bằng để phục vụ xây dựng công trình được thực hiện trên cơ sở lập phương án và tổ chức hỗ trợ, bồi thường theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đất đai và hoàn toàn có tính khả thi.

### 3.2.3. Thẩm định hiệu quả dự án

a) Những đóng góp của dự án đối với phát triển kinh tế - xã hội:

Dự án: Cải tạo, nâng cấp QL37 đoạn Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng-Chuyển giao (BT) khi được đầu tư sẽ mang lại những hiệu quả tích cực đối với kinh tế, xã hội của địa phương, được thể hiện ở các mặt:

- Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch; góp phần tăng cường năng lực, chất lượng mạng lưới giao thông chung của tỉnh;

- Tạo đòn bẩy thúc đẩy quy hoạch phát triển các khu đô thị; khu cụm công nghiệp, dịch vụ hai bên tuyến đường; thu hút nguồn lực địa phương (lao động, thiết bị máy móc, vật liệu xây dựng,...) góp phần phát triển kinh tế; cải thiện chất lượng đời sống người dân trong khu vực;

- Góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc huy động tổng hòa các nguồn lực đầu tư trong xã hội để đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương;

- Cải thiện đời sống xã hội tại khu vực, khi dự án hoàn thành sẽ thu hút đông đảo người dân đến với huyện, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh doanh dịch vụ quanh khu vực dự án. Về phía người dân sau khi bị thu hồi đất sẽ có cơ hội để chuyển đổi nghề nghiệp mang lại thu nhập cao hơn, thu nhập ổn định hơn so với làm nông nghiệp.

#### b) Tác động của dự án đối với môi trường, xã hội

Việc thực hiện dự án sẽ có những tác động nhất định tới môi trường trong khu vực, trong đó ảnh hưởng lớn tới môi trường không khí và tiếng ồn. Nguồn phát thải ô nhiễm phần lớn từ hoạt động thi công xây lắp, hoạt động của thiết bị máy móc, phát thải khí, khói bụi. Những tác động này mang tính chất tạm thời và sẽ chấm dứt khi dự án được hoàn thành. Tuy nhiên Nhà đầu tư khi lập dự án cần phải đưa ra các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế để hạn chế những tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Về mặt xã hội: Quá trình tiến khai dự án sẽ gây xáo trộn tới một bộ phận dân cư hiện đang sinh sống gần khu vực dự án, đặc biệt là những hộ thuộc diện giải tỏa, di dời để xây dựng công trình. Bên cạnh đó, việc tập trung một số lượng lớn thiết bị, máy móc, công nhân trong khoảng thời gian thi công công trình sẽ gây sức ép lớn lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước tại địa phương. Để giảm thiểu tác động này, ngoài việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công bằng quyền và lợi ích của người dân thì quá trình thực hiện dự án Nhà đầu tư cùng các cấp chính quyền địa phương cần tăng cường vận động, tuyên truyền để nhân dân cảm thông, chia sẻ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện dự án, đồng thời cần có biện pháp bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, sử dụng phương tiện đúng tải trọng phục vụ của công trình để hạn chế hư hỏng kết cấu hạ tầng khu vực dự án.

#### c) Những tác động tới kiến trúc cảnh quan:

Dự án xây dựng sẽ tiến hành phá dỡ một số các công trình kiến trúc của nhân dân có tác động tới kiến trúc cảnh quan khu vực. Tuy nhiên qua khảo sát cho thấy phần lớn các công trình kiến trúc trong khu vực dân cư phải phá dỡ đều ở dạng đơn giản, ít kiên cố, ít mang nét kiến trúc đặc trưng vùng miền do đó việc giải tỏa mặt bằng cho dự án có tính khả thi.

### 3.2.4. Thẩm định tính khả thi của dự án

#### a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật:

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật: UBND huyện Hiệp Hòa đề xuất quy mô, giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục của dự án về cơ bản đáp ứng được yêu cầu sử dụng, phù hợp với các quy hoạch xây dựng có liên quan, đáp ứng được yêu cầu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án có giải pháp kết cấu công trình đảm bảo được tính khả thi về công nghệ thi công đang phổ biến trên thị trường, có khả năng sử dụng nguồn nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương và các khu vực lân cận. Phương án kỹ thuật của dự án Nhà



đầu tư đề xuất là những giải pháp phổ biến cho các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đã và đang được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh, do vậy những vấn đề rủi ro về mặt kỹ thuật của dự án cũng sẽ được dự phòng trước và có biện pháp chủ động xử lý khi xảy ra sự cố.

- Thiết kế sơ bộ của dự án: Trong quá trình chuẩn bị dự án, UBND huyện Hiệp Hòa thường xuyên tranh thủ ý kiến của các cơ quan quản lý về xây dựng để đề xuất thiết kế cơ sở cho dự án sát với yêu cầu thực tiễn. Những nội dung tồn tại của thiết kế sơ bộ dự án theo ý kiến của cơ quan thẩm định cơ bản đã được UBND huyện Hiệp Hòa tiếp thu và chỉnh sửa.

b) Tính khả thi về mặt tài chính:

Phương án tài chính của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án cơ bản đáp ứng được nội dung yêu cầu theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 và Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính. Tổng mức đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở suất đầu tư năm 2017 do Bộ Xây dựng công bố, tham khảo suất đầu tư của một số dự án có quy mô tương tự đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh cơ bản phù hợp với quy mô, nội dung đầu tư của dự án; các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư được tính toán đầy đủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Nguồn vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn phù hợp với quy định tại Điều 10, Nghị định 63/2018/NĐ-CP. Phương án huy động vốn, kế hoạch vay, trả nợ vay, điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động .... phù hợp với tiến độ và điều kiện thực tế của dự án.

Về phương án thu hồi vốn đầu tư: Phương án tài chính của dự án đã đề xuất được quỹ đất có giá trị tương đương để thực hiện thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất được tính toán, xác định sơ bộ trên cơ sở pháp luật về đất đai và các quy định của UBND tỉnh, sau khi cân đối với giá trị công trình BT vẫn còn dư một khoản dự kiến nộp vào ngân sách Nhà nước.

c) Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư:

Hồ sơ đề xuất dự án đề xuất các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư phù hợp với quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

*3.2.5. Thẩm định sự phù hợp của loại hợp đồng dự án*

a) Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng được lựa chọn:

Nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) đối với công trình là đường giao thông (đường tỉnh), đường trong khu đô thị và hạ tầng tiêu thoát nước của khu đô thị trong bối cảnh nguồn lực chủ yếu từ quỹ đất đô thị là hoàn toàn phù hợp với điều kiện đầu tư trên địa bàn tỉnh, đồng thời đây cũng là hình thức hợp đồng có lợi thế hơn so với các hình thức đầu tư khác.

Về thời gian thực hiện dự án: UBND huyện Hiệp Hòa đề xuất thời gian thực hiện dự án 2018-2021 là phù hợp với quy mô của dự án nhóm B.

b) Tính hợp lý trong việc giải quyết rủi ro, vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện dự án:

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã đề cập và sơ bộ nhận diện được một số các yếu tố rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện dự án mà bên cần quan tâm giải quyết để dự án được hoàn thành theo đúng tiến độ, đạt mục tiêu, chất lượng và hiệu quả đầu tư. Đây mới là những đề xuất rủi ro sơ bộ được nhận diện trong bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, vấn đề này sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đề xuất cụ thể khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, đàm phán và ký kết hợp đồng dự án.

### 3.2.6. Kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án

Đề xuất dự án do UBND huyện Hiệp Hòa đề xuất thời gian thực hiện dự án từ 2018-2021 với kế hoạch triển khai các công việc chủ yếu của dự án phù hợp với các quy định của Nhà nước, phù hợp với khối lượng công việc của dự án và khả năng nguồn lực đề xuất cho dự án. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã phác thảo sơ bộ được cơ chế giám sát và quản lý dự án phù hợp với các quy định của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ.

## IV. Kết luận

Từ những nội dung phân tích ở trên, căn cứ vào Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được UBND huyện Hiệp Hòa hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án: Cải tạo, nâng cấp QL37 đoạn Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng-Chuyển giao (BT) phù hợp với quy định của pháp luật, đủ điều kiện để xem xét, phê duyệt và công bố dự án.

## V. Kiến nghị

Để có cơ sở công bố dự án và thực hiện các bước tiếp theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp QL37 đoạn Km83+300 - Km88+100 và Km90+000 - Km91+400, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng-Chuyển giao (BT).

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó CT UBND tỉnh Lại Thanh Sơn (b/c);
- VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Hiệp Hòa;
- Lưu VT, ĐTTĐ&GSDT;
- \* **Bản điện tử:**
- Lãnh đạo sở;
- Phòng THQH, HTKTĐN; KTN.

**GIÁM ĐỐC**



**Trịnh Hữu Thắng**

Số: 352 /BC - SKHĐT

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2018

## BÁO CÁO

**Thẩm định Báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên), tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT)**

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 49/2014/HQ13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;
- Căn cứ Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015;
- Căn cứ Nghị định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015;
- Căn cứ Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015;
- Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định về đầu tư theo hình thức đối tác công tư số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018;
- Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BKHĐT ngày 01/3/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn sơ bộ dự án, lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- Căn cứ Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/03/2016 của Bộ Tài Chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2016/TT-BTC; Thông tư 30/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 75/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2016/TT-BTC;
- Căn cứ Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định 318/QĐ-UBND ngày 18/07/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định 224/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (tỷ lệ 1/5000);

- Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Quy hoạch chung thị trấn Nhã Nam và vùng phụ cận huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

- Căn cứ các kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư dự án tại các thông báo: Số 326/TB-TU ngày 04/4/2018, số 363-TB/TU ngày 13/6/2018; kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư dự án theo Thông báo số 375-TB/TU ngày 29/6/2018;

Trên cơ sở ý kiến tham gia thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp kết quả thẩm định và yêu cầu UBND huyện Tân Yên hoàn chỉnh lại hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

Căn cứ theo Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi UBND huyện Tân Yên gửi kèm theo Tờ trình số 1076/TTr- UBND ngày 15/6/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi với nội dung như sau:

## **I. Khái quát về nội dung dự án**

1.1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên), tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT).

1.2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án: UBND tỉnh Bắc Giang.

1.3. Đơn vị được giao chuẩn bị Báo cáo NCKT dự án: UBND huyện Tân Yên.

1.4. Địa điểm, quy mô, diện tích sử dụng đất:

1.4.1. Địa điểm: Các huyện Tân Yên, Yên Thế tỉnh Bắc Giang.

1.4.2. Nội dung, quy mô đầu tư:

a) Nội dung đầu tư:

Nghiên cứu cải tạo, nâng cấp ĐT294 với tổng chiều dài tuyến 15,3km; điểm đầu tuyến giao với ĐT292 tại ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế; điểm cuối tuyến tại

Km15+267, hết địa phận tỉnh Bắc Giang, thuộc xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên (tiếp giáp với huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên). Tuyến ĐT294 đi qua địa phận xã Tân Sỏi, huyện Yên Thế và các xã: Tân Trung, Nhã Nam, thị trấn Nhã Nam, Quang Tiến, Đại Hóa, Phúc Sơn, huyện Tân Yên. Phạm vi đầu tư trong dự án có chiều dài 13,2/15,3km (trừ đoạn tuyến dài 2,1km đi qua thị trấn Nhã Nam giữ nguyên do mới được cải tạo, nâng cấp bằng nguồn vốn bảo trì đường bộ năm 2017). Các hạng mục đầu tư gồm: Nền, mặt đường, công trình thoát nước, cầu và ATGT trên tuyến.

b) Quy mô đầu tư:

\* Quy mô tuyến: Đầu tư tuyến ĐT.294 đạt tiêu chuẩn chung đường cấp III đồng bằng (TCVN4054-2005), quy mô mặt cắt ngang tuyến như sau: Chiều rộng nền đường  $B_n=12,0m$ ; chiều rộng mặt đường  $B_m=2 \times 3,5=7m$ ; chiều rộng lề đường  $B_l=2 \times 2,5=5m$  (trong đó gia cố mỗi bên 2m, kết cấu tương tự mặt đường).

Trên những đoạn qua khu đông dân cư xây dựng theo mặt cắt đường đô thị, phạm vi xây dựng đến hết phần rãnh dọc xây hai bên, cụ thể:

- Những đoạn có dân cư hai bên: Chiều rộng nền  $B_n=15,0m$ ; chiều rộng mặt đường  $B_m=12m$  (bao gồm cả rãnh biên); chiều rộng bố trí hệ thống bó vỉa, rãnh dọc mỗi bên rộng 1,5m.

- Những đoạn có dân cư một bên: Chiều rộng nền  $B_n=13,5m$ ; chiều rộng mặt đường  $B_m=11,5m$  (bao gồm cả rãnh biên một phía); chiều rộng bố trí hệ thống bó vỉa, rãnh dọc phía có dân cư rộng 1,5m; chiều rộng lề đất phía không có dân cư 0,5m.

\* Kết cấu áo đường: Xây dựng mặt đường cấp cao A1, kết cấu bê tông nhựa đặt trên lớp móng cấp phối đá dăm, tải trọng trục thiết kế 10T, cường độ chung của kết cấu áo đường  $E_{yc} \geq 140Mpa$ .

\* Công trình tập trung trên tuyến: Trên tuyến xây dựng 06 cầu BTCT, tải trọng thiết kế HL93, cụ thể:

- Cầu Đen 2, cầu Đen 3, cầu Trắng, cầu Trấn: Xây dựng mới thay thế các cầu cũ xuống cấp, tải trọng nhỏ không đáp ứng được yêu cầu khai thác; chiều rộng toàn cầu  $B_c=12m$ .

- Cầu Đen 1 và cầu Lữ Vân: Xây dựng mở rộng cầu hiện cũ (còn tốt) đảm bảo chiều rộng toàn cầu  $B_c=12m$ .

1.4.3. Nhu cầu sử dụng đất, nguồn tài nguyên:

Phần diện tích đất để xây dựng công trình BT chủ yếu là đất thuộc phạm vi đường cũ, đất nông nghiệp. Tổng diện tích sử dụng đất xây dựng công trình là khoảng 29ha, trong đó đất đường cũ là 13ha, đất nông nghiệp là 11ha và các loại đất khác.

1.5. Loại hợp đồng của dự án: Xây dựng – Chuyển giao (BT).

1.6. Sơ bộ phương án tài chính của:

a) Tổng vốn đầu tư/Tổng mức đầu tư: **280.500.000.000 đồng.**

(Hai trăm tám mươi tỷ, năm trăm triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 176.765.000.000 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng: 30.412.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 3.693.000.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 12.005.000.000 đồng;
- Chi phí khác: 22.590.000.000 đồng;
- Dự phòng: 35.019.000.000 đồng.
- b) Giá trị dự án BT: 245.465.000.000 đồng.

c) Nguồn vốn bố trí thực hiện dự án:

Nhà đầu tư huy động toàn bộ số vốn 280.500.000.000 đồng để thực hiện dự án, Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án.

Dự kiến nguồn vốn huy động thực hiện dự án như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (20%): 56.100.000.000 đồng;
- Vốn vay thương mại (80%): 224.400.000.000 đồng.

d) Phương án huy động vốn:

\* Huy động vốn chủ sở hữu:

- Tổng số: 56.100.000.000 đồng;

- Phương án huy động: Nhà đầu tư sử dụng phần vốn chủ sở hữu của mình để bố trí thực hiện dự án. Nhà đầu tư phải gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu theo cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của nguồn vốn chủ sở hữu bố trí cho dự án.

- Tiến độ giải ngân: Dự kiến sẽ bố trí phần vốn chủ sở hữu để triển khai thực hiện trước và giải ngân hết trong năm đầu thực hiện dự án.

\* Huy động nguồn vốn vay thương mại:

- Tổng số: 224.400.000.000 đồng.

- Thời gian vay: Phần vốn vay thương mại dự kiến sẽ được huy động theo tiến độ thực hiện hợp đồng dự án trong 03 năm. Thời gian vay từng cho từng khoản cụ thể sẽ được xác định theo nhu cầu vay hàng tháng, quý và sẽ xem xét thời điểm cắt lãi vay khi thanh toán dự án BT.

- Nhu cầu vốn vay theo từng năm là: 10%; 35% và 35% (tính theo tổng mức đầu tư dự án).

- Lãi suất vay: Lãi suất vay dự kiến đề xuất theo mức tối đa được quy định Điều 1, Thông tư số 75/2017/TT-BTC và khoản 1, Điều 1, Thông tư số 30/2018/TT-BTC. Mức lãi vay áp dụng để tính toán chi phí lãi vay trong phương án tài chính là 6,42%.

- Đồng tiền vay: Việt Nam đồng.

- Điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động: Nhà đầu tư phải có cam kết hoặc văn bản thỏa thuận giữa tổ chức cho vay với Nhà đầu tư.

- Tiến độ giải ngân: Khoản vay thương mại dự kiến giải ngân tương ứng với tiến độ thực hiện dự án, tỷ lệ giải ngân theo từng năm là: 10%; 35%; và 35%.

- Phương án trả nợ vốn vay huy động: Các khoản vay thương mại sẽ được

Nhà đầu tư hoàn trả theo kế hoạch thanh toán dự án BT và kế hoạch kinh doanh của dự án khác. Khi khối lượng dự án BT được Nhà nước thanh toán bằng giá trị quỹ đất thì các khoản vay trước đó (tương ứng với giá trị dự án thanh toán) sẽ được cắt lãi, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm bố trí kinh phí để trả nợ vay.

đ) Phần nhà nước tham gia trong dự án: Là giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao.

e) Phương án thanh toán dự án và thu hồi vốn đầu tư:

\* Phương án thu hồi vốn đầu tư:

Nhà nước dự kiến sử dụng quỹ đất có diện tích khoảng 23 ha (hiện trạng là đất chưa GPMB) thuộc hai khu dân cư: Đồng Lờ, thị trấn Cao Thượng (11ha); Chuôm Nho, thị trấn Nhã Nam (12ha) giao cho nhà đầu tư để thực hiện dự án khác (dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu dân cư); trong đó sử dụng diện tích đất phân lô bán nền 9ha để thanh toán dự án BT cho nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật. Giá trị quỹ đất tính toán sơ bộ hiện tại đủ để cân đối thực hiện dự án BT.

\* Phương án thanh toán dự án:

Việc thanh toán dự án sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao tại thời điểm nhà nước ban hành quyết định giao đất cho nhà đầu tư. Nhà nước sử dụng khoảng 9,14 ha đất phân lô bán nền thuộc khu đất giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án để thanh toán dự án BT:

- Giá trị quỹ đất thanh toán dự án BT tính sơ bộ: 283.010.000.000 đồng;
- Giá trị công trình BT: 245.465.000.000 đồng;
- Khoản chênh lệch dự kiến nộp ngân sách nhà nước: 37.545.000.000 đồng.

Kế hoạch thanh toán dự án BT: Dự kiến thanh toán dự án làm 02 đợt vào đầu các năm thứ nhất và năm thứ 2 của dự án mỗi đợt 50% giá trị.

1.7. Thời gian thực hiện dự án: 2018-2021.

1.8. Ưu đãi và đảm bảo đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.9. Các nội dung khác: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

## **II. Tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị**

- Sở Xây dựng (Công văn số 1221/SXD-PTĐT&HTKT ngày 22/6/2018).
- Sở GTVT (Công văn số 2056/SGTVT-QLCL ngày 25/6/2018).
- Sở Tài chính (Công văn số 1060/STC-QLGCS ngày 25/6/2018).
- Sở Tài Nguyên và Môi trường (Công văn số 1469/TNMT-KHTC ngày 22/6/2018).

Trên cơ sở thực hiện các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, ý kiến tham gia thẩm định của các đơn vị, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu Nhà đầu tư hoàn thiện cơ bản nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án. Một số vấn đề liên quan đến quy hoạch chi tiết của dự án khác, tính phù hợp của giải pháp kỹ thuật,... sẽ tiếp tục nghiên cứu chi tiết trong bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

### **III. Tổng hợp kết quả thẩm định**

#### **3.1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ**

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên), tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) do UBND huyện Tân Yên trình thẩm định, phê duyệt đầy đủ theo nội dung quy định tại Khoản 3, Điều 18, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

#### **3.2. Thẩm định về nội dung của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi**

##### *3.2.1. Sự cần thiết đầu tư dự án*

Nằm trong quy hoạch mạng lưới đường giao thông của tỉnh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, giữ vai trò quan trọng trong mạng lưới giao thông của huyện Tân Yên, ĐT294 cùng với ĐT292 là trục giao thông kết nối ngang giữa QL1 và QL37; kết nối khu vực Tây Bắc của tỉnh Bắc Giang với tỉnh Thái Nguyên thông qua QL37; kết nối các xã Tân Trung, Nhã Nam, Quang Tiến, Đại Hóa ... với thị trấn Nhã Nam. Khi tuyến đường cải tạo, nâng cấp sẽ đảm bảo năng lực sẽ mở rộng phát triển quỹ đất hai bên tuyến, tạo cơ hội để địa phương phát triển công nghiệp, đô thị và dịch vụ. Từ những lý do trên cho thấy việc triển khai đầu tư nâng cấp ĐT294 là rất cần thiết và mang tính cấp thiết, cần được thực hiện sớm để từng bước thực hiện quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Bắc Giang, để huyện Tân Yên hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành mục tiêu mở rộng phát triển đô thị thị trấn Nhã Nam theo kế hoạch.

Nội dung đầu tư của dự án hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Khoản 1, Điều 4, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 4/5/2018; phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015; phù hợp với Quy hoạch giao thông của huyện Tân Yên giai đoạn 2007-2020 và định hướng đến năm 2035 được UBND huyện Tân Yên phê duyệt tại Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 20/02/2007 và một số quy hoạch khác có liên quan.

Trước nhu cầu rất lớn về nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư công còn hạn hẹp và có xu hướng thuyên giảm thì việc mở rộng phương thức đầu tư mới nhằm huy động nguồn lực của toàn xã hội đầu tư vào kết cấu hạ tầng của đất nước là hướng đi mới và cần thiết. Một trong những hướng đi mới trong việc huy động nguồn lực này là sự thiết lập mối quan hệ đối tác công - tư dưới nhiều hình thức hợp đồng khác nhau, trong đó sử dụng nguồn lực đất đai như một đòn bẩy



đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương.

Trong điều kiện nguồn lực thanh toán của địa phương chủ yếu từ quỹ đất đô thị thì việc UBND huyện Tân Yên đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) là giải pháp hiệu quả, có tính khả thi cao so với các hình thức hợp đồng PPP khác. Việc đầu tư dự án theo hình thức hợp đồng BT dưới hình thức giao đất (chưa có hạ tầng) cho nhà đầu tư để thanh toán dự án BT còn góp phần thúc đẩy đô thị hóa tại khu vực giao đất thông qua việc thực hiện dự án khác.

### 3.2.2. *Thẩm định các yếu tố cơ bản của dự án*

#### a) Mục tiêu của dự án:

Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến DT294 nhằm nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường hiện tại; từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị theo quy hoạch, kế hoạch phát triển của tỉnh; tăng cường tính kết nối khu vực, kết nối không gian đô thị giữa khu vực các xã phía Đông Bắc và Tây Bắc của huyện Tân Yên với khu vực thị trấn Nhã Nam; tạo điều kiện đi lại thuận lợi và an toàn cho người dân, thúc đẩy lưu thông hàng hóa phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị của khu vực. Qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của khu vực và của tỉnh.

#### b) Quy mô, công suất của dự án:

UBND huyện Tân Yên đề xuất quy mô các hạng mục của dự án phù hợp với Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Ngoài ra, quy mô của dự án còn phù hợp với nhu cầu vận tải và yêu cầu phát triển đô thị của tỉnh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, phù hợp với khả năng nguồn lực từ quỹ đất đô thị và nhu cầu thị trường bất động sản trong thời gian tới. Việc lựa chọn quy mô và giải pháp xây dựng công trình phù hợp với điều kiện cung ứng nguyên vật liệu của địa phương và vùng lân cận, phù hợp với công nghệ thi công phổ biến trên thị trường.

#### c) Địa điểm thực hiện dự án:

Nhìn chung địa điểm xây dựng các hạng mục công trình có đặc điểm tự nhiên cơ bản thuận lợi cho hoạt động xây dựng. Khu vực địa hình tương đối bằng phẳng, phần lớn là ruộng canh tác, các điều kiện chung về địa chất, thủy văn không có nhiều bất lợi đối với xây dựng và khai thác công trình. Hiện nay tuy chưa có số liệu khảo sát nhưng dựa trên đặc điểm điểm của một số dự án đang triển khai trong khu vực, tại vị trí xây dựng hạng mục công trình có thể gặp nền đất yếu cục bộ ở một số đoạn nên cần có biện pháp gia cố để đảm bảo yêu cầu chịu lực và ổn định công trình.

#### d) Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

Để phục vụ xây dựng dự án, ngoài phần diện tích thuộc phạm vi công trình đường cũ cần phải tiến hành GPMB đất nông nghiệp là 11ha. Đây là khối lượng giải phóng mặt bằng tuy không lớn nhưng liên quan đến nhiều hộ dân nên đòi hỏi

các cấp chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Việc thu hồi mặt bằng để phục vụ xây dựng công trình được thực hiện trên cơ sở lập phương án và tổ chức hỗ trợ, bồi thường theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đất đai và hoàn toàn có tính khả thi.

### 3.2.3. *Thẩm định hiệu quả dự án*

a) Những đóng góp của dự án đối với phát triển kinh tế - xã hội:

Dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên), tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) khi được đầu tư sẽ mang lại những hiệu quả tích cực đối với kinh tế, xã hội của địa phương, được thể hiện ở các mặt:

- Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch; góp phần tăng cường năng lực, chất lượng mạng lưới giao thông chung của tỉnh;

- Tạo đòn bẩy thúc đẩy quy hoạch phát triển các khu đô thị; khu cụm công nghiệp, dịch vụ hai bên tuyến đường; thu hút nguồn lực địa phương (lao động, thiết bị máy móc, vật liệu xây dựng,...) góp phần phát triển kinh tế; cải thiện chất lượng đời sống người dân trong khu vực;

- Góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc huy động tổng hòa các nguồn lực đầu tư trong xã hội để đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương;

b) Tác động của dự án đối với môi trường, xã hội

Việc thực hiện dự án sẽ có những tác động nhất định tới môi trường trong khu vực, trong đó ảnh hưởng lớn tới môi trường không khí và tiếng ồn. Nguồn phát thải ô nhiễm phần lớn từ hoạt động thi công xây lắp, hoạt động của thiết bị máy móc, phát thải khí, khói bụi. Những tác động này mang tính chất tạm thời và sẽ chấm dứt khi dự án được hoàn thành. Tuy nhiên Nhà đầu tư khi lập dự án cần phải đưa ra các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế để hạn chế những tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Về mặt xã hội: Quá trình tiến khai dự án sẽ gây xáo trộn tới một bộ phận dân cư hiện đang sinh sống gần khu vực dự án, đặc biệt là những hộ thuộc diện giải tỏa, di dời để xây dựng công trình. Bên cạnh đó, việc tập trung một số lượng lớn thiết bị, máy móc, công nhân trong khoảng thời gian thi công công trình sẽ gây sức ép lớn lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước tại địa phương. Để giảm thiểu tác động này, ngoài việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công bằng quyền và lợi ích của người dân thì quá trình thực hiện dự án Nhà đầu tư cùng các cấp chính quyền địa phương cần tăng cường vận động, tuyên truyền để nhân dân cảm thông, chia sẻ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện dự án, đồng thời cần có biện pháp bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, sử dụng phương tiện đúng tải trọng phục vụ của công trình để hạn chế hư hỏng kết cấu hạ tầng khu vực dự án.

c) Những tác động tới kiến trúc cảnh quan:

Dự án xây dựng sẽ tiến hành phá dỡ một số các công trình kiến trúc của nhân dân có tác động tới kiến trúc cảnh quan khu vực. Tuy nhiên qua khảo sát cho thấy phần lớn các công trình kiến trúc trong khu vực dân cư phải phá dỡ đều ở dạng đơn giản, ít kiên cố, ít mang nét kiến trúc đặc trưng vùng miền do đó việc giải tỏa mặt bằng cho dự án có tính khả thi.

#### 3.2.4. *Thẩm định tính khả thi của dự án*

##### a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật:

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật: UBND huyện Tân Yên đề xuất quy mô, giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục của dự án về cơ bản đáp ứng được yêu cầu sử dụng, phù hợp với các quy hoạch xây dựng có liên quan, đáp ứng được yêu cầu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án có giải pháp kết cấu công trình đảm bảo được tính khả thi về công nghệ thi công đang phổ biến trên thị trường, có khả năng sử dụng nguồn nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương và các khu vực lân cận. Phương án kỹ thuật của dự là những giải pháp phổ biến cho các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đã và đang được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh, do vậy những vấn đề rủi ro về mặt kỹ thuật của dự án cũng sẽ được dự phòng trước và có biện pháp chủ động xử lý khi xảy ra sự cố.

- Thiết kế sơ bộ của dự án: Trong quá trình chuẩn bị dự án, UBND huyện Tân Yên thường xuyên tranh thủ ý kiến của các cơ quan quản lý về xây dựng để đề xuất thiết kế cơ sở cho dự án sát với yêu cầu thực tiễn. Những nội dung tồn tại của thiết kế sơ bộ dự án theo ý kiến của cơ quan thẩm định cơ bản đã được UBND huyện Tân Yên tiếp thu và chỉnh sửa.

##### b) Tính khả thi về mặt tài chính:

Phương án tài chính của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án cơ bản đáp ứng được nội dung yêu cầu theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 và Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính. Tổng mức đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở khối lượng sơ bộ của dự án và đơn giá xây dựng tổng hợp trên địa bàn tỉnh, tham khảo suất đầu tư năm 2017 do Bộ Xây dựng công bố và suất đầu tư của một số dự án có quy mô tương tự đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh cơ bản phù hợp với quy mô, nội dung đầu tư của dự án; các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư được tính toán đầy đủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Nguồn vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn phù hợp với quy định tại Điều 10, Nghị định 63/2018/NĐ-CP. Phương án huy động vốn, kế hoạch vay, trả nợ vay, điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động .... phù hợp với tiến độ và điều kiện thực tế của dự án.

Về phương án thu hồi vốn đầu tư: Phương án tài chính của dự án đã đề xuất được quỹ đất có giá trị tương đương để thực hiện thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất được tính toán, xác định sơ bộ trên cơ sở pháp luật về đất đai và các quy định của UBND tỉnh, sau khi cân đối với giá trị công trình BT vẫn còn dư một khoản dự kiến nộp vào ngân sách Nhà nước.

##### c) Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư:

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đề xuất các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư phù hợp với quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### *3.2.5. Thẩm định sự phù hợp của loại hợp đồng dự án*

a) Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng được lựa chọn:

UBND huyện Tân Yên đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) đối với công trình là đường giao thông là hoàn toàn phù hợp với điều kiện đầu tư trên địa bàn tỉnh, đồng thời đây cũng là hình thức hợp đồng có lợi thế hơn so với các hình thức đầu tư khác.

Về thời gian thực hiện dự án: Thời gian thực hiện dự án từ 2018-2021 là phù hợp với quy mô của dự án nhóm B, phù hợp với yêu cầu của tỉnh đưa công trình vào khai thác sử dụng.

b) Tính hợp lý trong việc phân chia trách nhiệm của các bên trong quá trình triển khai dự án và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro:

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án của UBND huyện Tân Yên lập đã đề cập và nhận diện được một số nhóm các yếu tố rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện dự án, qua đó dự án đã đề xuất giải pháp phân chia rủi ro giữa Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Nhà đầu tư trên nguyên tắc hợp tác công – tư bình đẳng, đảm bảo giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư để dự án được hoàn thành theo đúng tiến độ, đạt mục tiêu và hiệu quả đầu tư. Nhìn chung, đây mới là những đề xuất rủi ro sơ bộ được UBND huyện Tân Yên nhận diện, trong bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và đàm phán hợp đồng dự án cần tiếp tục nghiên cứu để có giải pháp phân chia trách nhiệm hợp lý.

### *3.2.6. Kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án*

Thời gian thực hiện dự án trong 2018-2021 phù hợp với các quy định của Nhà nước, phù hợp với khối lượng công việc của dự án và khả năng nguồn lực đề xuất cho dự án. Báo cáo NCKT đã phác thảo sơ bộ được cơ chế giám sát và quản lý dự án phù hợp với các quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP.

## **IV. Kết luận**

Qua nội dung phân tích ở trên, căn cứ vào Báo cáo NCKT đã được UBND huyện Tân Yên hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã Phúc Sơn, huyện Tân Yên), tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) gửi kèm theo Tờ trình số 1076/TTr- UBND ngày 15/6/2018 là cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật, đủ điều kiện để xem xét, phê duyệt và công bố dự án.

## **V. Kiến nghị**

Để có cơ sở công bố dự án và thực hiện các bước tiếp theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐT294 (đoạn ngã ba Tân Sỏi, huyện Yên Thế đến xã

Phúc Sơn, huyện Tân Yên), tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT).

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo UBND tỉnh xem xét./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó CT UBND tỉnh Lại Thanh Sơn (b/c);
- VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Tân Yên;
- Lưu VT, ĐTTĐ&GSĐT.

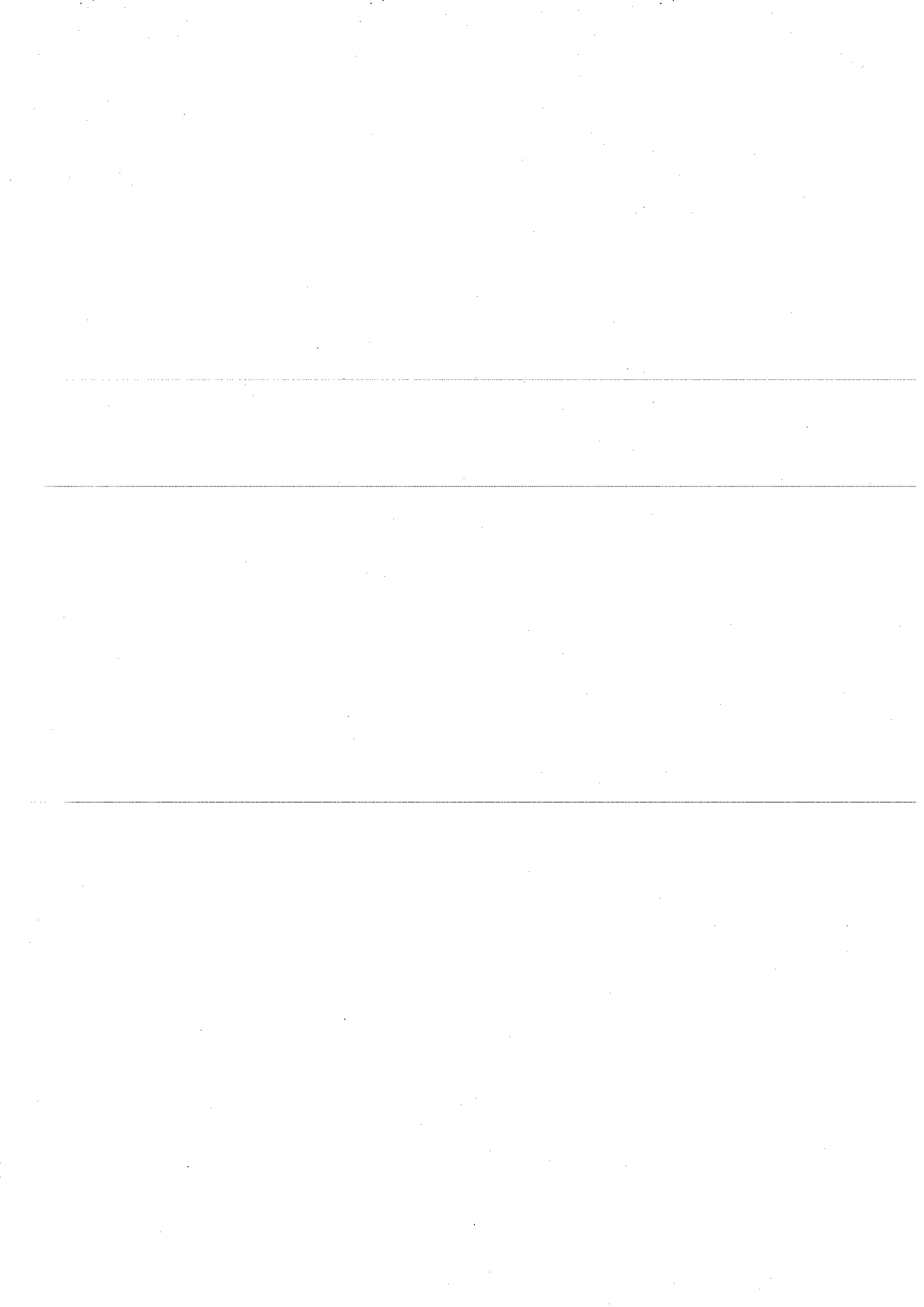
**\* Bản điện tử:**

- Lãnh đạo sở;
- Phòng THQH, HTKTĐN; KTN.

**GIÁM ĐỐC**



**Trịnh Hữu Thắng**



Số: 353/BC - SKHĐT

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2018

## BÁO CÁO

**Thẩm định Báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi dự án: Xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).**

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 49/2014/HQ13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;
- Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/03/2016 của Bộ Tài Chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2016/TT-BTC; Thông tư 30/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 75/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2016/TT-BTC;
- Căn cứ Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định 318/QĐ-UBND ngày 18/07/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quỹ hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quỹ hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (giai đoạn 2016 - 2020);

- Căn cứ Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy số 326-TB/TU ngày 04/4/2018 tại phiên họp giao ban ngày 02/4/2018; số 363-TB/TU ngày 12/6/2018 tại phiên họp giao ban ngày 11/6/2018; Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 375-TB/TU ngày 6/6/2018;

Trên cơ sở ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị Ban QLDA các công trình giao thông hoàn chỉnh lại hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

Căn cứ Tờ trình số: 14 /TTr-BQLDA ngày 11/6/2018 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án với nội dung như sau:

## **I. Khái quát về nội dung dự án**

1.1. Tên dự án: Xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

1.2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án: UBND tỉnh Bắc Giang.

1.3. Đơn vị được giao lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi: Ban QLDAĐTXD các công trình giao thông tỉnh Bắc Giang.

1.4. Địa điểm, quy mô, diện tích sử dụng đất:



1.4.1. Địa điểm: Huyện Yên Dũng và huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4.2. Nội dung, quy mô đầu tư:

a) *Nội dung đầu tư*: Đầu tư xây dựng mới đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung với tổng chiều dài tuyến 5,8Km. Tuyến đường được thiết kế phù hợp với quy hoạch chung thành phố Bắc Giang, quy hoạch KCN Song Khê – Nội Hoàng, quy hoạch KCN Vân Trung và quy hoạch QL37. Điểm đầu tuyến giao với QL17, cách vị trí nút giao QL17 với cao tốc Hà Nội – Bắc Giang khoảng 1,7km; điểm cuối tuyến kết nối với QL37 kéo dài tại KCN Vân Trung, cách vị trí nút giao QL37 với cao tốc Hà Nội – Bắc Giang khoảng 0,7km.

b. *Quy mô đầu tư*: Đầu tư xây dựng mới tuyến đường với quy mô đường cấp III đồng bằng, bề rộng nền đường 12m, bề rộng mặt đường 11m (bao gồm cả gia cố lề). Mặt đường được thiết kế theo tiêu chuẩn cấp cao A1 (22TCN 211-06), mặt đường bê tông nhựa đặt trên móng cấp phối đá dăm đảm bảo Eyc  $\geq$  140Mpa.

Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục: Nền, mặt đường, các công trình thoát nước dọc, thoát nước ngang, các hạng mục ATGT.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng đất, nguồn tài nguyên: Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi để xây dựng công trình BT khoảng 16,8ha, trong đó chủ yếu đất nông nghiệp và đất ao hồ; đoạn đầu tuyến gần khu dân cư dài khoảng 300m.

1.5. Loại hợp đồng của dự án: Xây dựng – Chuyển giao (BT).

1.6. Sơ bộ phương án tài chính :

a) Dự kiến tổng mức đầu tư: 218.162.000.000.000 đồng

*(Hai trăm mười tám tỷ, một trăm sáu hai triệu đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	128.840.000.000 đồng;
- Chi phí giải phóng mặt bằng:	40.485.000.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	3.345.000.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	7.101.000.000 đồng;
- Chi phí khác (gồm cả lãi vay):	15.216.000.000 đồng;
- Dự phòng:	23.175.000.000 đồng.

b) Giá trị công trình BT: 194.987.000.000 đồng.

c) Nguồn vốn thực hiện dự án:

Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này.

Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (20%):	43.632.000.000 đồng;
- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (80%):	174.530.000.000 đồng.

d) Phương án huy động vốn:

\* Huy động vốn chủ sở hữu:

- Tổng số: 43.632.000.000 đồng;

- Phương án huy động: Nhà đầu tư sử dụng phần vốn chủ sở hữu của mình để bố trí thực hiện dự án. Nhà đầu tư phải gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu theo cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của nguồn vốn chủ sở hữu bố trí cho dự án.

- Tiến độ giải ngân: Dự kiến sẽ bố trí phần vốn chủ sở hữu tham gia thực hiện dự án để triển khai trước và giải ngân hết trong năm đầu thực hiện dự án.

\* Huy động nguồn vốn vay thương mại:

- Tổng số: 174.530.000.000 đồng.

- Thời gian vay: Phần vốn vay thương mại dự kiến sẽ được huy động theo tiến độ thực hiện hợp đồng dự án (02 năm). Thời gian vay từng cho từng khoản cụ thể sẽ được xác định theo số liệu hàng tháng, quý và xem xét thời điểm cắt lãi vay khi thanh toán khối lượng dự án.

- Nhu cầu vốn vay theo từng năm là: Năm thứ nhất 50% và năm thứ hai 50%.

- Lãi suất vay: Lãi suất vay dự kiến đề xuất theo mức tối đa được quy định Điều 1, Thông tư số 75/2017/TT-BTC và khoản 1, Điều 1, Thông tư số 30/2018/TT-BTC. Mức lãi vay áp dụng để tính toán chi phí lãi vay trong phương án tài chính là 6,42%.

- Đồng tiền vay: Việt Nam đồng.

- Điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động: Nhà đầu tư phải có cam kết hoặc văn bản thỏa thuận giữa tổ chức cho vay với Nhà đầu tư.

- Tiến độ giải ngân: Khoản vay thương mại dự kiến giải ngân tương ứng với tiến độ thực hiện hợp đồng dự án, tỷ lệ giải ngân theo từng năm mỗi năm 50% giá trị.

- Phương án trả nợ vốn vay huy động: Các khoản vay thương mại sẽ được Nhà đầu tư hoàn trả theo kế hoạch thanh toán dự án BT và kế hoạch kinh doanh của dự án khác. Khi khối lượng dự án BT được Nhà nước thanh toán bằng giá trị quỹ đất thì các khoản vay trước đó (tương ứng với giá trị dự án thanh toán) sẽ cắt lãi, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm bố trí kinh phí để trả nợ vay.

đ) Phần nhà nước tham gia trong dự án: Là giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao.

e) Phương án thanh toán dự án và thu hồi vốn đầu tư:

\* Phương án thu hồi vốn đầu tư:

Để thu hồi vốn và lợi nhuận đầu tư dự án BT, dự kiến sử dụng 16,8ha đất nằm phía bên phải đường dẫn lên cầu Đồng Sơn thuộc xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (đã phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và đang lập quy hoạch chi tiết 1/500, hiện trạng đất chưa GPMB) để giao cho Nhà đầu tư thực hiện dự án khác (dự án hạ tầng khu đô thị mới), trong đó sử dụng quỹ đất phân lô bán nền có diện tích khoảng 5,9ha giao cho nhà đầu tư để thanh toán dự án BT. Nhà đầu tư sẽ kinh doanh trên quỹ đất thanh toán trên để thu hồi vốn đầu tư. Việc thanh toán dự án BT bằng quỹ đất thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

\* Phương án thanh toán dự án:

Việc thanh toán dự án sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Chuyên giao (BT) tại thời điểm nhà nước ban hành quyết định giao đất cho nhà đầu tư. Nhà nước sử dụng khoảng 5,9ha đất phân lô bán nền để thanh toán dự án BT:

- Giá trị quỹ đất thanh toán dự án BT tính sơ bộ: 215.477.000.000 đồng;
- Giá trị dự án BT: 194.987.000.000 đồng;
- Khoản chênh lệch nộp lại ngân sách nhà nước: 20.490.000.000 đồng.

Kế hoạch thanh toán dự án BT dự kiến thanh toán làm 02 đợt vào cuối các năm thứ nhất và năm thứ hai của dự án, mỗi năm 50% giá trị.

1.7. Thời gian thực hiện dự án: 2018-2021.

1.8. Ưu đãi và đảm bảo đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.9. Các nội dung khác: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

## **II. Tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan**

Sở Xây dựng: Công văn số 1221/SXD-PTĐT&HTKT ngày 22/6/2018. Sở GTVT (Công văn số 2506/SGTVT-QLCL ngày 25/6/2018). Sở Tài chính (Công văn số 1060/STC-QLGCS ngày 25/6/2018). Sở Tài Nguyên và Môi trường (Công văn số 1469/TNMT-KHTC ngày 22/6/2018).

Trên cơ sở thực hiện các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông hoàn thiện cơ bản các nội dung theo ý kiến thẩm định của các đơn vị.

## **III. Tổng hợp kết quả thẩm định**

### **3.1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ**

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án: Xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyên giao (BT) do Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông

thẩm định, phê duyệt đầy đủ theo yêu cầu quy định tại khoản 2, Điều 18, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

### **3.2. Thẩm định về nội dung của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi**

#### *3.2.1. Sự cần thiết đầu tư dự án*

Hiện nay, tỉnh Bắc Giang đang đầu tư xây dựng dự án Xây dựng cầu Đồng Sơn và đường lên cầu kết nối hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị theo quy hoạch và định hướng phát triển thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn 2016-2020 và kết nối được QL31 với QL17, qua ĐT 299, ĐT 293. Tuy nhiên công trình chưa tạo nên sự kết nối, liên thông giữa hệ thống giao thông hiện có và các khu, cụm công nghiệp của khu vực với QL37 và chưa khai thác được tiềm năng của KCN Song Khê – Nội Hoàng, KCN Vân Trung. Để đảm bảo tính kết nối liên tục giữa các khu, cụm công nghiệp hai bên tuyến QL1A; kết nối liên tục giữa QL31, QL17 và QL37; đảm bảo từng bước hoàn thiện hạ tầng giao thông theo quy hoạch chung thành phố Bắc Giang; tạo điều kiện thuận lợi và an toàn cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa của người dân; tạo điều kiện thông thoáng, thu hút đầu tư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và tạo đường phòng thủ, củng cố quốc phòng an ninh khu vực thì việc đầu tư xây dựng tuyến đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung là thực sự cần thiết

Các hạng mục đầu tư của dự án hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018; phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015.

Trước nhu cầu rất lớn về nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư công còn hạn hẹp và có xu hướng thuyên giảm thì việc mở rộng phương thức đầu tư mới nhằm huy động nguồn lực của toàn xã hội đầu tư vào kết cấu hạ tầng của đất nước là hướng đi mới và cần thiết. Một trong những hướng đi mới trong việc huy động nguồn lực này là sự thiết lập mối quan hệ đối tác công - tư dưới nhiều hình thức hợp đồng khác nhau, trong đó sử dụng nguồn lực đất đai như một đòn bẩy đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Trong điều kiện nguồn lực thanh toán của địa phương chủ yếu từ quỹ đất đô thị thì việc Nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) là giải pháp hiệu quả, có tính khả thi cao so với các hình thức hợp đồng PPP khác. Việc đầu tư dự án theo hình thức hợp đồng BT dưới hình thức giao đất (chưa có hạ tầng) cho nhà đầu tư để thanh toán dự án BT còn góp phần thúc đẩy đô thị hóa tại khu vực giao đất thông qua việc thực hiện dự án khác.

#### *3.2.2. Thẩm định các yếu tố cơ bản của dự án*

##### a) Mục tiêu của dự án:

Đầu tư xây dựng đoạn đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung nhằm hoàn chỉnh tuyến vành đai kết nối Đình Trám - Đồng Sơn - QL31 theo quy hoạch được duyệt, giúp tiếp nhận và phân luồng các dòng phương tiện từ QL31, ĐT293, QL17 và QL37 qua thành phố Bắc Giang; nâng cao hiệu quả đầu tư,

khai thác của các công trình hiện có, nhất là công trình cầu Đồng Sơn và đường lên cầu đang triển khai thực hiện; tạo điều kiện thuận lợi và an toàn cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa của người dân, các doanh nghiệp trong khu vực qua đó thúc đẩy phát triển các KCN Song Khê - Nội Hoàng, KCN Vân Trung, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của tỉnh, đồng thời tạo tuyến phòng thủ, củng cố quốc phòng an ninh khu vực.

b) Quy mô, công suất của dự án:

Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông đề xuất quy mô các hạng mục của dự án phù hợp với Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Ngoài ra, quy mô của dự án còn phù hợp với nhu cầu vận tải và yêu cầu phát triển đô thị của tỉnh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, phù hợp với khả năng nguồn lực từ quỹ đất đô thị và nhu cầu thị trường bất động sản trong thời gian tới. Việc lựa chọn quy mô và giải pháp xây dựng công trình phù hợp với điều kiện cung ứng nguyên vật liệu của địa phương và vùng lân cận, phù hợp với công nghệ thi công phổ biến trên thị trường.

c) Địa điểm thực hiện dự án:

Nhìn chung địa điểm xây dựng các hạng mục công trình có đặc điểm tự nhiên cơ bản thuận lợi cho hoạt động xây dựng, điều kiện địa chất tương đối ổn định không gây bất lợi lớn cho việc xây dựng công trình.

d) Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

Để phục vụ xây dựng dự án phải tiến hành GPMB khoảng 12,1ha. Đây là khối lượng giải phóng mặt bằng tương đối lớn, liên quan đến nhiều hộ dân nên đòi hỏi các cấp chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Việc thu hồi mặt bằng để phục vụ xây dựng công trình được thực hiện trên cơ sở lập phương án và tổ chức hỗ trợ, bồi thường theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đất đai và hoàn toàn có tính khả thi.

3.2.3. Thẩm định hiệu quả dự án

a) Những đóng góp của dự án đối với phát triển kinh tế - xã hội:

Dự án: Xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) khi được đầu tư sẽ mang lại những hiệu quả tích cực đối với kinh tế, xã hội của địa phương, được thể hiện ở các mặt:

- Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch; góp phần tăng cường năng lực, chất lượng mạng lưới giao thông chung của tỉnh;

- Tạo đòn bẩy thúc đẩy quy hoạch phát triển các khu đô thị; khu cụm công nghiệp, dịch vụ hai bên tuyến đường; thu hút nguồn lực địa phương (lao động, thiết bị máy móc, vật liệu xây dựng,...) góp phần phát triển kinh tế; cải thiện chất lượng đời sống người dân trong khu vực;

- Góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc huy động tổng hòa các nguồn lực đầu tư trong xã hội để đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương;

- Cải thiện đời sống xã hội tại khu vực, khi dự án hoàn thành sẽ thu hút đông đảo người dân đến với huyện, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh doanh dịch vụ quanh khu vực dự án. Về phía người dân sau khi bị thu hồi đất sẽ có cơ hội để chuyển đổi nghề nghiệp mang lại thu nhập cao hơn, thu nhập ổn định hơn so với làm nông nghiệp.

#### b) Tác động của dự án đối với môi trường, xã hội

Việc thực hiện dự án sẽ có những tác động nhất định tới môi trường trong khu vực, trong đó ảnh hưởng lớn tới môi trường không khí và tiếng ồn. Nguồn phát thải ô nhiễm phần lớn từ hoạt động thi công xây lắp, hoạt động của thiết bị máy móc, phát thải khí, khói bụi. Những tác động này mang tính chất tạm thời và sẽ chấm dứt khi dự án được hoàn thành. Tuy nhiên Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông khi lập dự án cần phải đưa ra các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế để hạn chế những tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Về mặt xã hội: Quá trình tiến khai dự án sẽ gây xáo trộn tới một bộ phận dân cư hiện đang sinh sống gần khu vực dự án, đặc biệt là những hộ thuộc diện giải tỏa, di dời để xây dựng công trình. Bên cạnh đó, việc tập trung một số lượng lớn thiết bị, máy móc, công nhân trong khoảng thời gian thi công công trình sẽ gây sức ép lớn lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước tại địa phương. Để giảm thiểu tác động này, ngoài việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công bằng quyền và lợi ích của người dân thì quá trình thực hiện dự án các cấp chính quyền địa phương cần tăng cường vận động, tuyên truyền để nhân dân cảm thông, chia sẻ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện dự án, đồng thời cần có biện pháp bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, sử dụng phương tiện đúng tải trọng phục vụ của công trình để hạn chế hư hỏng kết cấu hạ tầng khu vực dự án.

#### c) Những tác động tới kiến trúc cảnh quan:

Dự án xây dựng sẽ tiến hành phá dỡ một số các công trình kiến trúc của nhân dân có tác động tới kiến trúc cảnh quan khu vực. Tuy nhiên qua khảo sát cho thấy phần lớn các công trình kiến trúc trong khu vực dân cư phải phá dỡ đều ở dạng đơn giản, ít kiên cố, ít mang nét kiến trúc đặc trưng vùng miền do đó việc giải tỏa mặt bằng cho dự án có tính khả thi.

#### 3.2.4. Thẩm định tính khả thi của dự án

##### a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật:

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật: Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông đề xuất quy mô, giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục của dự án về cơ bản đáp ứng được yêu cầu sử dụng, phù hợp với các quy hoạch xây dựng có liên quan, đáp ứng được yêu cầu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án có giải pháp kết cấu công trình đảm bảo được

tính khả thi về công nghệ thi công đang phổ biến trên thị trường, có khả năng sử dụng nguồn nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương và các khu vực lân cận. Phương án kỹ thuật của dự án Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông đề xuất là những giải pháp phổ biến cho các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đã và đang được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh, do vậy những vấn đề rủi ro về mặt kỹ thuật của dự án cũng sẽ được dự phòng trước và có biện pháp chủ động xử lý khi xảy ra sự cố.

- Thiết kế sơ bộ của dự án: Trong quá trình chuẩn bị dự án, Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông thường xuyên tranh thủ ý kiến của các cơ quan quản lý về xây dựng để đề xuất thiết kế sơ bộ cho dự án sát với yêu cầu thực tiễn. Những nội dung tồn tại của thiết kế sơ bộ dự án theo ý kiến của cơ quan thẩm định cơ bản đã được Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tiếp thu và chỉnh sửa.

#### b) Tính khả thi về mặt tài chính:

Phương án tài chính của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án cơ bản đáp ứng được nội dung yêu cầu theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 và Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính. Tổng mức đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở suất đầu tư năm 2017 do Bộ Xây dựng công bố, tham khảo suất đầu tư của một số dự án có quy mô tương tự đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh cơ bản phù hợp với quy mô, nội dung đầu tư của dự án; các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư được tính toán đầy đủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Nguồn vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn phù hợp với quy định tại Điều 10, Nghị định 63/2018/NĐ-CP. Phương án huy động vốn, kế hoạch vay, trả nợ vay, điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động .... phù hợp với tiến độ và điều kiện thực tế của dự án.

Về phương án thu hồi vốn đầu tư: Phương án tài chính của dự án đã đề xuất được quỹ đất có giá trị tương đương để thực hiện thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất được tính toán, xác định sơ bộ trên cơ sở pháp luật về đất đai và các quy định của UBND tỉnh, sau khi cân đối với giá trị công trình BT vẫn còn dư một khoản dự kiến nộp vào ngân sách Nhà nước.

#### c) Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư:

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đề xuất các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư phù hợp với quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### 3.2.5. Thẩm định sự phù hợp của loại hợp đồng dự án

##### a) Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng được lựa chọn:

Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) đối với công trình là đường giao thông (đường tỉnh) trong bối cảnh nguồn lực chủ yếu từ quỹ đất đô thị là hoàn toàn phù hợp với điều kiện đầu tư trên địa bàn tỉnh, đồng thời đây cũng là hình thức hợp đồng có lợi thế hơn so với các hình thức đầu tư khác.

Về thời gian thực hiện dự án: Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông đề xuất thực hiện dự án từ 2018-2021 là phù hợp với quy mô của dự án nhóm B.

b) Tính hợp lý trong việc giải quyết rủi ro, vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện dự án:

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã đề cập và sơ bộ nhận diện được một số các yếu tố rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện dự án mà bên cần quan tâm giải quyết để dự án được hoàn thành theo đúng tiến độ, đạt mục tiêu, chất lượng và hiệu quả đầu tư. Đây mới là những đề xuất rủi ro sơ bộ được nhận diện trong bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, vấn đề này sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đề xuất cụ thể khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, đàm phán và ký kết hợp đồng dự án.

### 3.2.6. Kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông đề xuất thực hiện dự án trong 03 năm (2018-2021) với kế hoạch triển khai các công việc chủ yếu của dự án phù hợp với các quy định của Nhà nước, phù hợp với khối lượng công việc của dự án và khả năng nguồn lực đề xuất cho dự án. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã phác thảo sơ bộ được cơ chế giám sát và quản lý dự án phù hợp với các quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP.

## IV. Kết luận

Qua nội dung phân tích ở trên, căn cứ vào Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án: Xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyên giao (BT) là phù hợp với với quy định của pháp luật, đủ điều kiện để xem xét, phê duyệt và công bố dự án.

## V. Kiến nghị

Để có cơ sở công bố dự án và thực hiện các bước tiếp theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyên giao (BT).

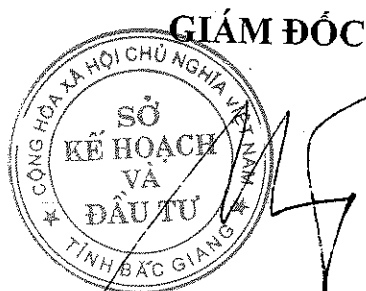
Sở Kế hoạch và Đầu tư báo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó CT UBND tỉnh Lại Thanh Sơn (b/c);
- VP UBND tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông;
- Lưu VT, ĐTTĐ&GSĐT;

### \* Bàn điện tử:

- Lãnh đạo sở;
- Phòng THQH, HTKTĐN; KTN.



**Trịnh Hữu Thắng**



Số: 354/BC - SKHĐT

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2018

## BÁO CÁO

**Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án: Nâng cấp, cải tạo ĐT292 trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).**

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 49/2014/HQ13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;
- Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/03/2016 của Bộ Tài Chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2016/TT-BTC; Thông tư 30/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 75/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2016/TT-BTC;
- Căn cứ Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định 318/QĐ-UBND ngày 18/07/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (giai đoạn 2016 - 2020);

- Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Lạng Giang;

- Căn cứ Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 22/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung thị trấn Kép và vùng phụ cận huyện Lạng Giang đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 của UBND huyện Lạng Giang về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Lạng Giang giai đoạn 2017 - 2025 và định hướng đến năm 2035;

- Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND huyện Lạng Giang về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Mầu xã Thái Đào, huyện Lạng Giang;

- Căn cứ Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy số 326-TB/TU ngày 04/4/2018 tại phiên họp giao ban ngày 02/4/2018; số 363-TB/TU ngày 12/6/2018 tại phiên họp giao ban ngày 11/6/2018; Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 375-TB/TU ngày 29/6/2018;

Trên cơ sở ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu UBND huyện hoàn chỉnh lại hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

Căn cứ theo Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 15/6/2018 của UBND huyện Lạng Giang và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án với nội dung như sau:

### **I. Khái quát về nội dung dự án**

1.1. Tên dự án: Nâng cấp, cải tạo ĐT292 trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

1.2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án: UBND tỉnh Bắc Giang.

1.3. Đơn vị được giao lập Báo cáo NCTKT: UBND huyện Lạng Giang.

1.4. Địa điểm, quy mô, diện tích sử dụng đất:

1.4.1. Địa điểm: Các xã Tân Thịnh, Nghĩa Hòa, An Hòa và Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang.

1.4.2. Nội dung và quy mô đầu tư:

a) Nội dung đầu tư: Đầu tư dự án với điểm đầu giao với QL1 tại Km99+100, thuộc địa phận xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang; điểm cuối Km8+311 tại đầu phía Nam cầu Bó Hạ thuộc xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang; Chiều dài tuyến khoảng 8,3km.

b) Quy mô đầu tư: Đầu tư tuyến đường theo quy mô chung đường cấp III đồng bằng (TCVN4054-2005), quy mô đầu tư như sau:

- Những đoạn qua khu đông dân cư hai bên đường: Đầu tư theo quy mô bề rộng nền đường  $B_n = 15,0m$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 12m$  (bao gồm cả lề gia cố hai bên  $B_{lgc} = 2 \times 2,5 = 5,0m$ ); hệ thống rãnh dọc, bó vỉa  $B_h = 2 \times 1,5 = 3,0m$ .

- Những đoạn qua khu dân cư tập trung một bên đường: Đầu tư theo quy mô bề rộng nền đường  $B_n = 13,5m$ ; Bề rộng mặt đường  $B_m = 11,5m$  (bao gồm cả lề gia cố hai bên  $B_{lgc} = 2 + 2,5 = 4,5m$ ); hệ thống rãnh dọc, bó vỉa  $B_h = 1 \times 1,5 = 1,5m$  (phía có dân cư); bề rộng lề đất  $B_l = 1 \times 0,5 = 0,5m$  (phía không có dân cư);

- Những đoạn ngoài khu dân cư: Xây dựng theo quy mô đường cấp III đồng bằng với: Bề rộng nền đường  $B_n = 12,0m$ ; bề rộng mặt đường  $B_m = 11,0m$  (bao gồm cả lề gia cố hai bên  $B_{lgc} = 2 \times 2,0 = 4,0m$ ); lề đất  $B_l = 2 \times 0,5 = 1,0m$ .

- Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Công trình cầu trên tuyến: Xây dựng 02 cầu trên tuyến gồm: Cầu Đồng qua kênh Giữa tại Km2+205, chiều dài cầu  $L_c = 30m$ , chiều rộng cầu  $B_c = 12m$ ; Cầu Tây tại Km7+750, chiều dài 8,4m, chiều rộng cầu  $B_c = 12m$ . Kết cấu các cầu BTCT vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93.

#### 1.4.4. Nhu cầu sử dụng đất, nguồn tài nguyên:

Công trình BT được đầu tư trên khu vực hiện trạng là đất thuộc hành lang đường cũ, đất canh tác, đất ao hồ, vườn và một phần đất thổ cư trên các đoạn chạy qua khu vực dân cư thuộc địa phận huyện Lạng Giang. Tổng diện tích đất dự kiến để xây dựng công trình khoảng 12ha, trong đó diện tích đất phải thu hồi để xây dựng công trình BT khoảng 1,1ha (gồm 0,5ha đất nông nghiệp và 0,6ha đất thổ cư và các loại đất khác).

#### 1.5. Loại hợp đồng của dự án: Xây dựng – Chuyển giao (BT).

#### 1.6. Sơ bộ phương án tài chính:

a) Tổng vốn đầu tư 180.400.000.000 đồng

(Một trăm tám mươi tỷ, bốn trăm triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 99.600.000.000 đồng;
  - Chi phí giải phóng mặt bằng: 37.700.000.000 đồng;
  - Chi phí quản lý dự án: 1.700.000.000 đồng;
  - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 5.000.000.000 đồng;
  - Chi phí khác: 8.200.000.000 đồng;
  - Lãi vay: 5.400.000.000 đồng;
  - Dự phòng: 22.800.000.000 đồng.
- b) Giá trị dự án BT: 157.600.000.000 đồng.

#### c) Nguồn vốn thực hiện dự án:

Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này.

Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (20%): 36.080.000.000 đồng;
- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (80%): 144.320.000.000 đồng.

#### d) Phương án huy động vốn:

\* *Huy động vốn chủ sở hữu:*

- Tổng số: 36.080.000.000 đồng;

- Phương án huy động: Nhà đầu tư sử dụng phần vốn chủ sở hữu của mình để bố trí thực hiện dự án. Nhà đầu tư phải gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu theo cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của nguồn vốn chủ sở hữu bố trí cho dự án.

- Tiến độ giải ngân: Dự kiến sẽ bố trí phần vốn chủ sở hữu tham gia thực hiện dự án để triển khai trước và giải ngân hết trong năm đầu thực hiện dự án.

\* *Huy động nguồn vốn vay thương mại:*

- Tổng số: 144.320.000.000 đồng.

- Thời gian vay: Phần vốn vay thương mại dự kiến sẽ được huy động theo tiến độ thực hiện hợp đồng dự án dự kiến 02 năm. Thời gian vay từng cho từng khoản cụ thể sẽ được xác định theo số liệu hàng tháng, quý và xem xét thời điểm cắt lãi vay khi thanh toán khối lượng dự án.

- Nhu cầu vay theo từng năm là: 30% và 50% (tính theo tổng vốn đầu tư);

- Lãi suất vay: Lãi suất vay dự kiến đề xuất theo mức tối đa được quy định Điều 1, Thông tư số 75/2017/TT-BTC và khoản 1, Điều 1, Thông tư số 30/2018/TT-BTC. Mức lãi vay áp dụng để tính toán chi phí lãi vay trong phương án tài chính là 6,42%.

- Đồng tiền vay: Việt Nam đồng.

- Điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động: Nhà đầu tư phải có cam kết hoặc văn bản thỏa thuận giữa tổ chức cho vay với Nhà đầu tư.

- Tiến độ giải ngân: Khoản vay thương mại dự kiến giải ngân tương ứng với tiến độ thực hiện hợp đồng dự án, tỷ lệ giải ngân theo từng năm là 30% và 50%.

- Phương án trả nợ vốn vay huy động: Các khoản vay thương mại sẽ được Nhà đầu tư hoàn trả bên cho vay theo kế hoạch thanh toán dự án BT và kế hoạch kinh doanh dự án khác. Khi khối lượng dự án BT được Nhà nước thanh toán bằng giá trị quỹ đất thì các khoản vay trước đó (tương ứng với giá trị dự án thanh toán) sẽ cắt lãi, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm bố trí kinh phí để trả nợ vay.

đ) Phần nhà nước tham gia trong dự án: Là giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao.

e) Phương án thanh toán dự án và thu hồi vốn đầu tư:

\* *Phương án thu hồi vốn đầu tư:*

Nhà nước dự kiến dùng quỹ đất có diện tích 11,3ha (hiện trạng là đất chưa giải phóng mặt bằng) thuộc quy hoạch KDC thôn Mầu - xã Thái Đào giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác, trong đó sử dụng 4,7ha đất ở (đất phân lô bán nền) để thanh toán dự án BT, nhà đầu tư sẽ kinh doanh trên quỹ đất thanh toán trên để thu hồi vốn đầu tư.

\* *Phương án thanh toán dự án:*

Việc thanh toán dự án sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) tại thời điểm nhà nước ban hành quyết định giao đất cho nhà đầu tư. Nhà nước sử dụng 4,7ha đất

phân lô bán nền thuộc khu đất giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác để thanh toán dự án BT:

- Giá trị quỹ đất thanh toán dự án BT: 185.500.000.000 đồng;
- Giá trị công trình BT: 157.600.000.000 đồng;
- Khoản chênh lệch nộp lại ngân sách nhà nước 27.900.000.000 đồng.

Kế hoạch thanh toán dự án BT dự kiến 02 đợt vào cuối các năm thứ nhất và cuối năm thứ hai mỗi đợt 50% giá trị.

1.7. Thời gian thực hiện dự án: 2018-2021.

1.8. Ưu đãi và đảm bảo đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.9. Các nội dung khác: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

## **II. Tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan**

Sở Xây dựng (Công văn số 1221/SXD-PTHT&HTKT ngày 22/6/2018); Sở GTVT (Công văn số 2506/SGTVT-QLCL ngày 25/6/2018); Sở Tài chính (Công văn số 1060/STC-QLGCS 25/6/2018); Sở Tài Nguyên và Môi trường (Công văn số 1469/TNMT-KHTC ngày 22/6/2018).

Trên cơ sở thực hiện các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu UBND huyện Lạng Giang hoàn thiện cơ bản các nội dung theo ý kiến thẩm định của các đơn vị.

## **III. Tổng hợp kết quả thẩm định**

### **3.1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ**

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án: Nâng cấp, cải tạo ĐT292 trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) do UBND huyện Lạng Giang trình thẩm định, phê duyệt đầy đủ theo yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

### **3.2. Thẩm định về nội dung của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi**

#### *3.2.1. Sự cần thiết đầu tư dự án*

Giữ vai trò quan trọng trong mạng lưới giao thông của huyện Lạng Giang và khu vực phía Tây Bắc tỉnh Bắc Giang theo quy hoạch, ĐT292 kết nối huyện Yên Thế Tân Yên với QL1 và cao tốc Hà Nội - Bắc Giang Lạng Sơn (thông qua nút giao QL37), kết nối các xã phía Tây Bắc huyện Lạng Giang với thị trấn Kép, khi được nâng cấp đảm bảo năng lực sẽ tạo nên cơ hội mở rộng không gian đô thị cho thị trấn Kép, thúc đẩy phát triển các cụm công nghiệp, đô thị và dân cư cho thị trấn.

Từ những lý do trên cho thấy việc triển khai đầu tư nâng cấp ĐT292 là rất cần thiết và mang tính cấp thiết, cần được thực hiện sớm tạo tiền đề để huyện Lạng Giang hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, hoàn thành mục tiêu mở rộng phát triển đô thị thị trấn Kép theo kế hoạch, từng bước thực hiện quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Bắc Giang.

Nội dung đầu tư của dự án hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4 Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 4/5/2018; phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015; phù hợp với Quy hoạch giao thông của huyện Lạng Giang giai đoạn 2017-2025 và định hướng đến năm 2035 được UBND huyện Lạng Giang phê duyệt tại Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 22/9/2017 và một số quy hoạch khác có liên quan.

Trước nhu cầu rất lớn về nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư công còn hạn hẹp và có xu hướng giảm dần thì việc mở rộng phương thức đầu tư mới nhằm huy động nguồn lực của toàn xã hội đầu tư vào kết cấu hạ tầng của đất nước là hướng đi mới và cần thiết. Một trong những hướng đi mới trong việc huy động nguồn lực này là sự thiết lập mối quan hệ đối tác công - tư dưới nhiều hình thức hợp đồng khác nhau, trong đó sử dụng nguồn lực đất đai như một đòn bẩy đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Trong điều kiện nguồn lực thanh toán của địa phương chủ yếu từ quỹ đất đô thị thì việc thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) là giải pháp hiệu quả, có tính khả thi cao so với các hình thức hợp đồng PPP khác. Việc đầu tư dự án theo hình thức hợp đồng BT dưới hình thức giao đất (chưa có hạ tầng) cho nhà đầu tư để thanh toán dự án BT còn góp phần thúc đẩy đô thị hóa tại khu vực giao đất thông qua việc thực hiện dự án khác.

Các hạng mục đầu tư của dự án hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018; phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015; phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Lạng Giang giai đoạn 2017 - 2025 và định hướng đến năm 2035.

Trước nhu cầu rất lớn về nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư công còn hạn hẹp và có xu hướng giảm dần thì việc mở rộng phương thức đầu tư mới nhằm huy động nguồn lực của toàn xã hội đầu tư vào kết cấu hạ tầng của đất

nước là hướng đi mới và cần thiết. Một trong những hướng đi mới trong việc huy động nguồn lực này là sự thiết lập mối quan hệ đối tác công - tư dưới nhiều hình thức hợp đồng khác nhau, trong đó sử dụng nguồn lực đất đai như một đòn bẩy đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Trong điều kiện nguồn lực thanh toán của địa phương chủ yếu từ quỹ đất đô thị thì việc UBND huyện Lạng Giang đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) là giải pháp hiệu quả, có tính khả thi cao so với các hình thức hợp đồng PPP khác. Việc đầu tư dự án theo hình thức hợp đồng BT dưới hình thức giao đất (chưa có hạ tầng) cho nhà đầu tư để thanh toán dự án BT còn góp phần thúc đẩy đô thị hóa tại khu vực giao đất thông qua việc thực hiện dự án khác.

### 3.2.2. Thẩm định các yếu tố cơ bản của dự án

#### a) Mục tiêu của dự án:

##### \* Mục tiêu quát:

Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo ĐT292 đoạn qua địa bàn huyện Lạng Giang nhằm nâng cao năng lực khai thác của tuyến đường hiện tại, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị khu vực; giúp tăng cường tính kết nối giao thông khu vực các huyện Tân Yên, Yên Thế và các xã phía Tây Bắc của huyện Lạng Giang với khu vực thị trấn Kép, tuyến QL1 và cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn,...; khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông, nguy cơ mất an toàn giao thông trên tuyến, tạo điều kiện đi lại thuận lợi và an toàn cho người dân, thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, đô thị của khu vực. Qua đó đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của khu vực và của tỉnh.

##### \* Mục tiêu cụ thể:

- Triển khai thực hiện và cụ thể hóa quy hoạch phát triển GTVT của huyện Lạng Giang, quy hoạch phát triển GTVT của tỉnh Bắc Giang đã được phê duyệt;

- Tạo cơ sở hạ tầng cần thiết để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện Lạng Giang theo Quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế xã hội huyện Lạng Giang giai đoạn 2007 - 2020 theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của UBND tỉnh Bắc Giang, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng của thị trấn Kép và vùng phụ cận theo định hướng quy hoạch thị trấn Kép. Tạo tiền đề để thu hút nguồn vốn đầu tư phát triển công nghiệp và đô thị theo đồ án Quy hoạch được duyệt.

- Tạo tuyến đường cấp cao, đáp ứng nhu cầu vận tải, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp, đô thị khu vực phía Tây thị trấn Kép;



- Tạo cơ sở hạ tầng để thu hút đầu tư và phát triển, mở rộng các cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, Tân Quang Thịnh; khu đô thị và logistic Thôn Lèo, khu dân cư xã Nghĩa Hòa và các khu chức năng khác trên địa bàn;

- Thu hút các nguồn lực xã hội để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch trong điều kiện nguồn ngân sách còn khó khăn, phù hợp với chủ trương của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang tại Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016.

b) Quy mô, công suất của dự án:

UBND huyện Lạng Giang đề xuất quy mô các hạng mục của dự án phù hợp với Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; phù hợp với định hướng quy hoạch chung huyện Lạng Giang đến năm 2030, tầm nhìn 2050; phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Mầu xã Thái Đào, huyện Lạng Giang.

Ngoài ra, quy mô của dự án còn phù hợp với nhu cầu vận tải và yêu cầu phát triển đô thị của tỉnh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, phù hợp với khả năng nguồn lực từ quỹ đất đô thị và nhu cầu thị trường bất động sản trong thời gian tới. Việc lựa chọn quy mô và giải pháp xây dựng công trình phù hợp với điều kiện cung ứng nguyên vật liệu của địa phương và vùng lân cận, phù hợp với công nghệ thi công phổ biến trên thị trường.

c) Địa điểm thực hiện dự án:

Nhìn chung địa điểm xây dựng công trình có đặc điểm tự nhiên cơ bản thuận lợi cho hoạt động xây dựng.

d) Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

Để phục vụ xây dựng dự án phải tiến hành GPMB khoảng 1,1ha (gồm 0,5ha đất nông nghiệp và 0,6ha đất thổ cư và các loại đất khác). Khối lượng giải phóng mặt bằng không lớn nên việc thu hồi mặt bằng để phục vụ xây dựng công trình sẽ được triển khai thuận lợi.

### 3.2.3. *Thẩm định hiệu quả dự án*

a) Những đóng góp của dự án đối với phát triển kinh tế - xã hội:

Dự án Nâng cấp, cải tạo ĐT292 trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) khi được đầu tư sẽ mang lại những hiệu quả tích cực đối với kinh tế, xã hội của địa phương, được thể hiện ở các mặt:

- Cụ thể hóa quy hoạch quy hoạch GTVT tỉnh Bắc Giang, định hướng quy hoạch và đô thị của huyện Lạng Giang.

- Từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng thiết yếu cho huyện Lạng Giang nói chung và khu vực phía Tây Bắc tỉnh Bắc Giang nói chung.

- Xây dựng tuyến đường trục đô thị hiện đại, đồng bộ nhằm gia tăng khối lượng mật dịch với các vùng lân cận.

- Cải thiện bộ mặt đô thị, làm tiền đề tạo cơ sở hạ tầng để xây dựng hoàn chỉnh các khu vực đã được quy hoạch quanh vùng nghiên cứu.

- Huy động tối đa và xã hội hóa nguồn vốn đầu tư, giảm bớt gánh nặng nguồn vốn xây dựng cơ bản cho huyện Lạng Giang.

- Tạo đòn bẩy thúc đẩy phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp dịch vụ hai bên tuyến đường;

- Thu hút nguồn lực địa phương (lao động, thiết bị máy móc, vật liệu xây dựng ...) góp phần phát triển kinh tế;

- Cải thiện chất lượng đời sống người dân trong khu vực trực tiếp sử dụng công trình;

- Góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển theo chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước trong việc huy động tổng hòa các nguồn lực đầu tư trong xã hội để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

#### b) Tác động của dự án đối với môi trường, xã hội

Việc thực hiện dự án sẽ có những tác động nhất định tới môi trường trong khu vực, trong đó ảnh hưởng lớn tới môi trường không khí và tiếng ồn. Nguồn phát thải ô nhiễm phần lớn từ hoạt động thi công xây lắp, hoạt động của thiết bị máy móc, phát thải khí, khói bụi. Những tác động này mang tính chất tạm thời và sẽ chấm dứt khi dự án được hoàn thành. Tuy nhiên UBND huyện Lạng Giang khi lập dự án cần phải đưa ra các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế để hạn chế những tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Về mặt xã hội: Quá trình triển khai dự án sẽ gây xáo trộn tới một bộ phận dân cư hiện đang sinh sống gần khu vực dự án, đặc biệt là những hộ thuộc diện giải tỏa, di dời để xây dựng công trình. Bên cạnh đó, việc tập trung một số lượng lớn thiết bị, máy móc, công nhân trong khoảng thời gian thi công công trình sẽ gây sức ép lớn lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước tại địa phương. Để giảm thiểu tác động này, ngoài việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công bằng quyền và lợi ích của người dân thì quá trình thực hiện dự án các cấp chính quyền địa phương cần tăng cường vận động, tuyên truyền để nhân dân cảm thông, chia sẻ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện dự án, đồng thời cần có biện pháp bảo vệ môi trường

nghiêm ngặt, sử dụng phương tiện đúng tải trọng phục vụ của công trình để hạn chế hư hỏng kết cấu hạ tầng khu vực dự án.

c) Những tác động tới kiến trúc cảnh quan:

Dự án xây dựng chủ yếu trên phần đất thuộc hành lang đường cũ nên sự tác động đến kiến trúc cảnh quan khu vực không đáng kể, do đó việc giải tỏa mặt bằng cho dự án sẽ thuận lợi.

3.2.4. *Thẩm định tính khả thi của dự án*

a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật:

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật: UBND huyện Lạng Giang đề xuất quy mô, giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục của dự án về cơ bản đáp ứng được yêu cầu sử dụng, phù hợp với các quy hoạch xây dựng có liên quan, đáp ứng được yêu cầu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án có giải pháp kết cấu công trình đảm bảo được tính khả thi về công nghệ thi công đang phổ biến trên thị trường, có khả năng sử dụng nguồn nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương và các khu vực lân cận. Phương án kỹ thuật của dự án UBND huyện Lạng Giang đề xuất là những giải pháp phổ biến cho các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đã và đang được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh, do vậy những vấn đề rủi ro về mặt kỹ thuật của dự án cũng sẽ được dự phòng trước và có biện pháp chủ động xử lý khi xảy ra sự cố.

- Thiết kế sơ bộ của dự án: Trong quá trình chuẩn bị dự án, UBND huyện Lạng Giang thường xuyên tranh thủ ý kiến của các cơ quan quản lý về xây dựng để đề xuất thiết kế cơ sở cho dự án sát với yêu cầu thực tiễn. Những nội dung tồn tại của thiết kế sơ bộ dự án theo ý kiến của cơ quan thẩm định cơ bản đã được UBND huyện Lạng Giang tiếp thu và chỉnh sửa.

b) Tính khả thi về mặt tài chính:

Phương án tài chính của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án cơ bản đáp ứng được nội dung yêu cầu theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 và Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính. Tổng mức đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở suất đầu tư năm 2017 do Bộ Xây dựng công bố, tham khảo suất đầu tư của một số dự án có quy mô tương tự đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh cơ bản phù hợp với quy mô, nội dung đầu tư của dự án; các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư được tính toán đầy đủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Nguồn vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn phù hợp với quy định tại Nghị định 63/2018/NĐ-CP. Phương án huy động vốn, kế hoạch vay, trả nợ vay, điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động phù hợp với tiến độ và điều kiện thực tế của dự án.

Về phương án thu hồi vốn đầu tư: Phương án tài chính của dự án đã đề xuất được quỹ đất có giá trị tương đương để thực hiện thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất được tính toán, xác định sơ bộ trên cơ sở pháp luật về đất đai và các quy định của UBND tỉnh, sau khi cân đối với giá trị công trình BT vẫn còn dư một khoản dự kiến nộp vào ngân sách Nhà nước.

c) Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư:

Hồ sơ đề xuất dự án đề xuất các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư phù hợp với quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### *3.2.5. Thẩm định sự phù hợp của loại hợp đồng dự án*

a) Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng được lựa chọn:

UBND huyện Lạng Giang đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) đối với công trình là đường giao thông (đường tỉnh) trong bối cảnh nguồn lực chủ yếu từ quỹ đất đô thị là hoàn toàn phù hợp với điều kiện đầu tư trên địa bàn tỉnh, đồng thời đây cũng là hình thức hợp đồng có lợi thế hơn so với các hình thức đầu tư khác.

Về thời gian thực hiện hợp đồng dự án: Nhà đầu tư thực hiện dự án trong 2 năm (2019-2021, không kể thời gian chuẩn bị dự án) là phù hợp với quy mô của dự án nhóm B, phù hợp với yêu cầu của tỉnh đưa công trình vào khai thác sử dụng và xây dựng đô thị huyện Lạng Giang.

b) Tính hợp lý trong việc giải quyết rủi ro, vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện dự án:

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã đề cập và sơ bộ nhận diện được một số các yếu tố rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện dự án mà bên cần quan tâm giải quyết để dự án được hoàn thành theo đúng tiến độ, đạt mục tiêu, chất lượng và hiệu quả đầu tư. Đây mới là những đề xuất rủi ro sơ bộ được nhận diện trong bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, vấn đề này sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đề xuất cụ thể khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, đàm phán và ký kết hợp đồng dự án.

### *3.2.6. Kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án*

Thời gian thực hiện dự án trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án 2018-2021 phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với khối lượng công việc của dự án và khả năng nguồn lực đề xuất cho dự án. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã phác thảo sơ bộ được cơ chế giám sát và quản lý dự án phù hợp với các quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP.

#### IV. Kết luận

Từ những nội dung phân tích ở trên, căn cứ vào Báo cáo NCKT dự án đã được UBND huyện Lạng Giang hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá hồ sơ Báo cáo NCKT dự án: Nâng cấp, cải tạo ĐT292 trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) là phù hợp với các quy định của pháp luật, đủ điều kiện để xem xét, phê duyệt và công bố dự án.

#### V. Kiến nghị

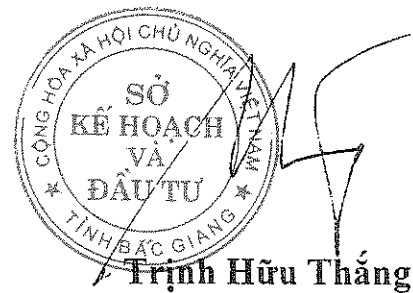
Để có cơ sở công bố dự án và thực hiện các bước tiếp theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, cải tạo ĐT292 trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

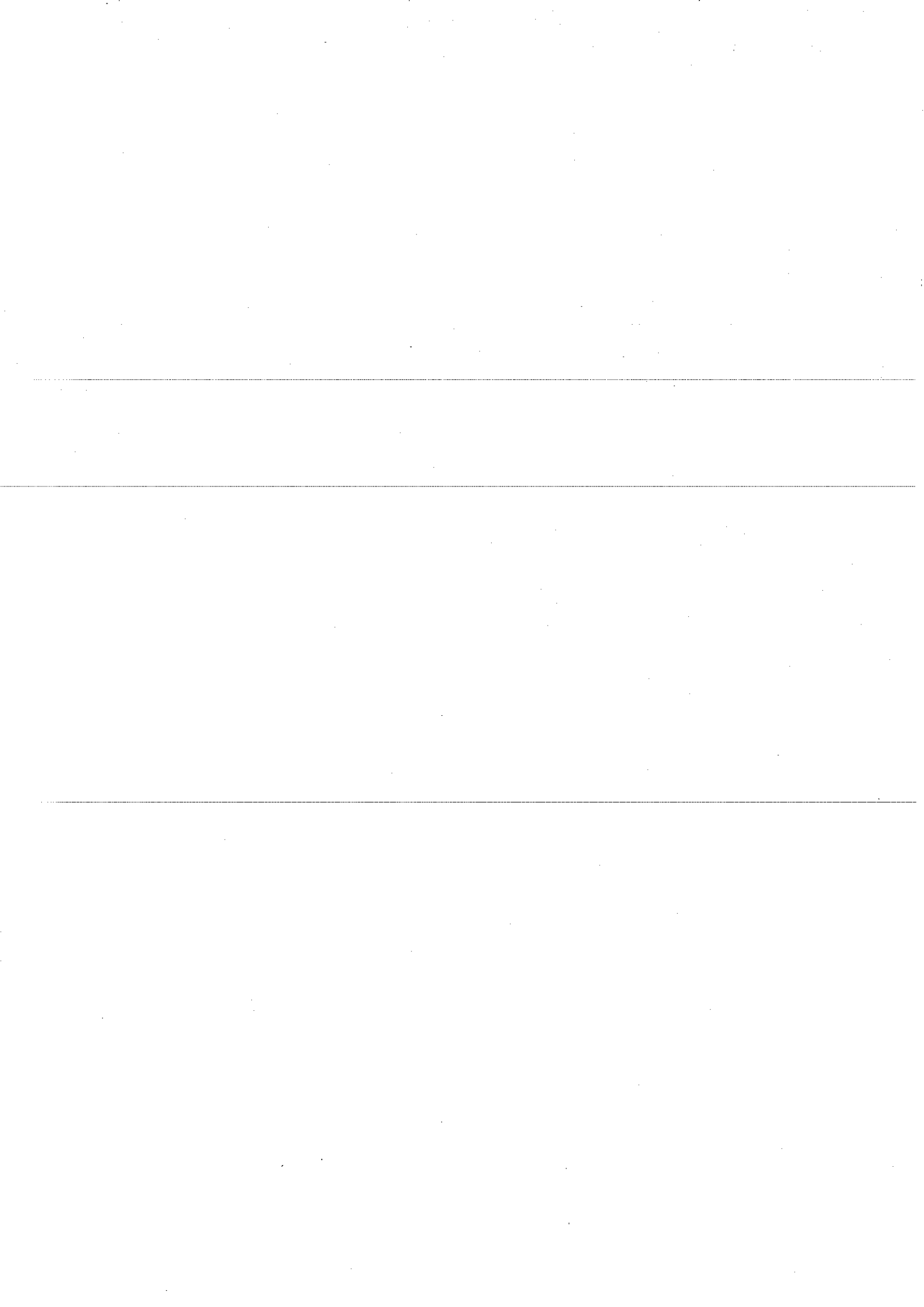
Sở Kế hoạch và Đầu tư báo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

#### *Nơi nhận:*

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó CT UBND tỉnh Lại Thanh Sơn (b/c);
- VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Lạng Giang;
- Lưu VT, ĐTTĐ&GSDT;
- \* *Bản điện tử:*
- Lãnh đạo sở;
- Phòng THQH, HTKTĐN; KTN.

**GIÁM ĐỐC**





Số: 355/BC - SKHĐT

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2018

## BÁO CÁO

**Thẩm định Báo cáo Nghiên cứu tiền khả thi dự án: Xây dựng đường nội  
ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo  
hình thức hợp đồng Xây dựng- Chuyển giao (BT).**

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 49/2014/HQ13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;
- Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/03/2016 của Bộ Tài Chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2016/TT-BTC; Thông tư 30/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 75/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2016/TT-BTC;
- Căn cứ Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Quyết định 318/QĐ-UBND ngày 18/07/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v sửa

đôi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (giai đoạn 2016 - 2020);

- Căn cứ Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy số 326-TB/TU ngày 04/4/2018 tại phiên họp giao ban ngày 02/4/2018; số 363-TB/TU ngày 12/6/2018 tại phiên họp giao ban ngày 11/6/2018; Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 375-TB/TU ngày 29/6/2018;

Trên cơ sở ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu UBND huyện Hiệp Hoà hoàn chỉnh lại hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

Căn cứ Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 15/6/2018 của UBND huyện Hiệp Hoà và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án với nội dung như sau:

## **I. Khái quát về nội dung dự án**

1.1. Tên dự án: Xây dựng đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng- Chuyển giao (BT).

1.2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án: UBND tỉnh Bắc Giang.

1.3. Đơn vị được giao lập Báo cáo NCKT: UBND huyện Hiệp Hoà

1.4. Địa điểm, quy mô, diện tích sử dụng đất:

1.4.1. Địa điểm: Thuộc địa bàn các xã Hợp Thịnh, Mai Trung, Xuân Cầm, Hương lâm; huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

1.4.2. Nội dung, quy mô đầu tư:

a. Nội dung đầu tư: Đầu tư tuyến đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội với chiều dài tuyến khoảng 7,6km; điểm đầu giao với ĐT296, cách cầu Vát 1km về phía thị trấn Thắng; điểm cuối tuyến giao với đường vành đai IV Hà Nội. Đây là tuyến đường xây dựng mới, chạy qua địa bàn các xã: Mai Trung, Xuân



Cầm và Hợp Thịnh huyện Hiệp Hòa. Các hạng mục đầu tư gồm: Nền, mặt đường, công trình thoát nước, cầu và ATGT trên tuyến.

b. Quy mô đầu tư:

Dự kiến đầu tư tuyến đường theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng (TCVN4054-2005) với quy mô mặt cắt ngang tuyến như sau: Chiều rộng nền đường  $B_n=9m$ ; chiều rộng mặt đường  $B_m=8m$  (cả lề gia cố); chiều rộng lề đất mỗi bên  $0,5m$ ; kết cấu mặt đường bê tông nhựa, đặt trên móng cấp phối đá dăm.

Trên tuyến dự kiến xây dựng 03 công trình cầu (cầu trung và nhỏ); kết cấu cầu BTCT, BTCT dự ứng lực vĩnh cửu; tải trọng thiết kế cầu HL93, chiều rộng cầu  $B_c=9m$ , tải trọng thiết kế HL93.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng đất, nguồn tài nguyên:

Tổng diện tích đất dự kiến để xây dựng công trình BT khoảng 12ha (trong đó có khoảng 10ha đất lúa; 1ha đất đường cũ và một phần đất ao hồ, thổ cư).

1.5. Loại hợp đồng của dự án: Xây dựng – Chuyển giao (BT).

1.6. Phương án tài chính sơ bộ:

a) Dự kiến tổng mức đầu tư/ Tổng vốn đầu tư: **203.000.000.000** đồng.

*(Hai trăm linh ba tỷ đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 117.000.000.000 đồng;
  - Chi phí giải phóng mặt bằng: 42.000.000.000 đồng;
  - Chi phí quản lý dự án: 3.000.000.000 đồng;
  - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 6.000.000.000 đồng;
  - Chi phí khác (gồm cả lãi vay): 14.000.000.000 đồng;
  - Dự phòng: 21.000.000.000 đồng.
- b) Giá trị dự án BT: **182.000.000.000** đồng.

c) Nguồn vốn thực hiện dự án:

Nhà đầu tư huy động toàn bộ số vốn 203.000.000.000 đồng để thực hiện dự án, Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án.

Dự kiến nguồn vốn huy động thực hiện dự án như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (20%): 40.600.000.000 đồng;
- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (80%): 162.400.000.000 đồng.

d) Phương án huy động vốn:

\* Huy động vốn chủ sở hữu:

- Tổng số: 40.600.000.000 đồng.

- Phương án huy động: Nhà đầu tư sử dụng phần vốn chủ sở hữu của mình để bố trí thực hiện dự án. Nhà đầu tư phải gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu theo cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của nguồn vốn chủ sở hữu bố trí cho dự án.

- Tiến độ giải ngân: Dự kiến sẽ bố trí phần vốn chủ sở hữu tham gia thực hiện dự án để triển khai trước và giải ngân hết trong năm đầu thực hiện dự án.

\* Huy động nguồn vốn vay thương mại:

- Tổng số: 162.400.000.000 đồng.

- Thời gian vay: Phần vốn vay thương mại dự kiến sẽ được huy động theo tiến độ thực hiện hợp đồng dự án trong 02 năm. Thời gian vay từng cho từng khoản cụ thể sẽ được xác định theo nhu cầu vay hàng tháng, quý và sẽ xem xét thời điểm cắt lãi vay khi thanh toán dự án BT.

- Nhu cầu vốn vay theo từng năm là: 30%, 50% (tính theo tổng mức đầu tư)

- Lãi suất vay: Lãi suất vay dự kiến đề xuất theo mức tối đa được quy định Điều 1, Thông tư số 75/2017/TT-BTC và khoản 1, Điều 1, Thông tư số 30/2018/TT-BTC. Mức lãi vay áp dụng để tính toán chi phí lãi vay trong phương án tài chính là 6,42%.

- Đồng tiền vay: Việt Nam đồng.

- Điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động: Nhà đầu tư phải có cam kết hoặc văn bản thỏa thuận giữa tổ chức cho vay với Nhà đầu tư.

- Tiến độ giải ngân: Khoản vay thương mại dự kiến giải ngân tương ứng với tiến độ thực hiện dự án, tỷ lệ giải ngân theo từng năm là: 30% và 50%.

- Phương án trả nợ vốn vay huy động: Các khoản vay thương mại sẽ được Nhà đầu tư hoàn trả theo kế hoạch thanh toán dự án BT và kế hoạch kinh doanh của dự án khác. Khi khối lượng dự án BT được Nhà nước thanh toán bằng giá trị quỹ đất thì các khoản vay trước đó (tương ứng với giá trị dự án thanh toán) sẽ được cắt lãi, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm bố trí kinh phí để trả nợ vay.

đ) Phần nhà nước tham gia trong dự án: Là giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyên giao.

e) Phương án thanh toán dự án và thu hồi vốn đầu tư:

\* Phương án thu hồi vốn đầu tư:

Nhà nước dự kiến sử dụng khoảng 30ha (hiện trạng là đất chưa GPMB) thuộc xã Mai Trung và xã Xuân Cẩm, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang để giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác (dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu dân cư), trong đó sử dụng quỹ đất đất phân lô, bán nền có diện tích 12ha để thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán dự án BT qua tính toán sơ bộ là 240.000.000.000 đồng, hiện tại đủ cân đối chi phí đầu tư dự án BT.

\* Phương án thanh toán dự án:

Việc thanh toán dự án sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Chuyên giao (BT) tại thời điểm nhà nước ban hành quyết định giao đất cho nhà đầu tư. Nhà nước sử dụng khoảng 12ha đất phân lô bán nền thuộc khu đất giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác để thanh toán dự án BT:

- Giá trị quỹ đất thanh toán dự án BT tính sơ bộ: 240.000.000.000 đồng;
- Giá trị dự án BT: 182.000.000.000 đồng;
- Dự kiến khoản chênh lệch nộp ngân sách nhà nước: 58.000.000.000 đồng.

Kế hoạch thanh toán dự án BT dự kiến thanh toán làm 02 đợt vào đầu các năm thứ nhất và thứ hai của dự án, mỗi năm 50% giá trị.

1.7. Thời gian thực hiện dự án: 2018 –2021.

1.8. Ưu đãi và đảm bảo đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.9. Các nội dung khác: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

## **II. Tổng hợp ý kiến tham gia thẩm định của các đơn vị**

- Sở Xây dựng (Công văn số 1221/SXD-PTĐT&HTKT ngày 22/6/2018)
- Sở GTVT (Công văn số 2506/SGTVT-QLCL ngày 25/6/2018)
- Sở Tài chính (Công văn số 1060/STC-QLGCS ngày 23/6/2018)
- Sở Tài Nguyên và Môi trường (Công văn số 1469/TNMT-KHTC ngày 22/6/2018)

Trên cơ sở thực hiện các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu UBND huyện Hiệp Hoà hoàn thiện cơ bản các nội dung theo ý kiến thẩm định của các đơn vị.

## **III. Tổng hợp kết quả thẩm định**

### **3.1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ**

Hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án: Xây dựng đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng- Chuyển giao (BT) do UBND huyện Hiệp Hoà trình thẩm định, phê duyệt đầy đủ theo yêu cầu quy định tại khoản 3, Điều 18, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

### **3.2. Thẩm định về nội dung của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi**

#### **3.2.1. Sự cần thiết đầu tư dự án**

Đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội nhằm kết nối Các cụm công nghiệp Hợp Thịnh, Hà Thịnh và Việt Nhật nói riêng cũng như kết nối trực tiếp giao thông phía Tây Nam và Đông Nam nói chung cần phải được đặt ra. Bên cạnh đó, các xã phía Tây Nam huyện Hiệp Hoà có mật độ dân cư tập trung đông đúc, làng nghề xã Mai Trung đang được thi công san nền và đường nội bộ; tuy nhiên hiện tại chỉ có các tuyến đường giao thông trục xã, trục thôn kết nối các xã với nhau; tuyến ngắn, không liên tục, không vào cấp, mặt đường đất hoặc BTXM rộng 2-3m đã xuống cấp, rất khó khăn cho việc giao thông, giao lưu phát triển kinh tế của khu vực và làng nghề.

Hệ thống giao thông hiện tại của huyện Hiệp Hoà là các trục đường hướng tâm (QL37, ĐT295, ĐT296, ĐT288), thiếu các kết nối theo chiều ngang; tuyến nghiên cứu không có trong quy hoạch phát triển giao thông của tỉnh, tuy nhiên đã

được định hướng trong quy hoạch đô thị Hiệp Hoà đến năm 2035. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng tuyến kết nối ngang để hoàn thiện hệ thống giao thông của huyện như là một tuyến đường vành đai. Đường vành đai IV Hà Nội và cầu Xuân Cẩm – Bắc Phú (trên đường Vành đai IV) đã được khởi công xây dựng sẽ nhanh chóng đưa vào sử dụng, đây là công trình trọng điểm của tỉnh và của huyện. Vì vậy, một tuyến kết nối ngang với đường Vành đai IV có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc kết nối giữa hệ thống giao thông đối nội và đối ngoại của đô thị Hiệp Hoà trong tương lai, từng bước xây dựng đô thị Hiệp Hoà trở thành đô thị công nghiệp; là trung tâm điều phối, phát triển khu vực phía Tây của tỉnh Bắc Giang. Đồng thời, tạo quỹ đất mới phát triển công nghiệp, dịch vụ góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phi nông nghiệp.

Các hạng mục đầu tư của dự án hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018; phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015.

Trước nhu cầu rất lớn về nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư công còn hạn hẹp và có xu hướng thuyên giảm thì việc mở rộng phương thức đầu tư mới nhằm huy động nguồn lực của toàn xã hội đầu tư vào kết cấu hạ tầng của đất nước là hướng đi mới và cần thiết. Một trong những hướng đi mới trong việc huy động nguồn lực này là sự thiết lập mối quan hệ đối tác công - tư dưới nhiều hình thức hợp đồng khác nhau, trong đó sử dụng nguồn lực đất đai như một đòn bẩy đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Việc đầu tư dự án theo hình thức hợp đồng BT dưới hình thức giao đất (chưa có hạ tầng) cho nhà đầu tư để thanh toán dự án BT còn góp phần thúc đẩy đô thị hóa tại khu vực giao đất thông qua việc thực hiện dự án khác.

### *3.2.2. Thẩm định các yếu tố cơ bản của dự án*

#### a) Mục tiêu của dự án:

Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT296 với đường vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hoà nhằm tạo trục giao thông kết nối ngang, tăng cường khả năng kết nối với các trục giao thông chính trong khu vực (đường Vành đai IV Hà Nội, QL37, ĐT296, ĐT295), giúp cho việc đi lại trong khu vực, cũng như kết nối với các tỉnh lân cận (Hà Nội, Bắc Ninh, Thái Nguyên) được thuận tiện, dễ dàng hơn, Tuyến đường hình thành sẽ giúp thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển các Cụm công nghiệp hiện có (Hà Thịnh, Hợp Thịnh và Việt Nhật), làng nghề truyền thống Mai Trung; đồng thời mở ra quỹ đất phát triển thêm các cụm công nghiệp, làng nghề, khu dịch vụ và khu dân cư mới dọc tuyến đường. Qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của tỉnh.

#### b) Quy mô, công suất của dự án:

UBND huyện Hiệp Hoà đề xuất quy mô các hạng mục của dự án phù hợp với Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Ngoài ra, quy mô của dự án còn phù hợp với nhu cầu vận tải và yêu cầu phát triển

đô thị của tỉnh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, phù hợp với khả năng nguồn lực từ quỹ đất đô thị và nhu cầu thị trường bất động sản trong thời gian tới. Việc lựa chọn quy mô và giải pháp xây dựng công trình phù hợp với điều kiện cung ứng nguyên vật liệu của địa phương và vùng lân cận, phù hợp với công nghệ thi công phổ biến trên thị trường.

c) Địa điểm thực hiện dự án:

Nhìn chung địa điểm xây dựng các hạng mục công trình có đặc điểm tự nhiên cơ bản thuận lợi cho hoạt động xây dựng, điều kiện địa chất tương đối ổn định không gây bất lợi lớn cho việc xây dựng công trình.

d) Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

Để phục vụ xây dựng dự án phải tiến hành GPMB khoảng 12 ha đất (trong đó có 10 ha đất lúa; 01ha đất giao thông và một phần diện tích đất ao hồ, thổ cư). Đây là khối lượng giải phóng mặt bằng tuy không lớn nhưng liên quan đến nhiều hộ dân nên đòi hỏi các cấp chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Việc thu hồi mặt bằng để phục vụ xây dựng công trình được thực hiện trên cơ sở lập phương án và tổ chức hỗ trợ, bồi thường theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đất đai và hoàn toàn có tính khả thi.

Việc giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng dự án cho UBND huyện Hiệp Hoà thực hiện, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả của dự án.

3.2.3. *Thẩm định hiệu quả dự án*

a) Những đóng góp của dự án đối với phát triển kinh tế - xã hội:

Dự án: Xây dựng đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng- Chuyển giao (BT) khi được đầu tư sẽ mang lại những hiệu quả tích cực đối với kinh tế, xã hội của địa phương, được thể hiện ở các mặt:

- Từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch; góp phần tăng cường năng lực, chất lượng mạng lưới giao thông chung của tỉnh;

- Tạo đòn bẩy thúc đẩy quy hoạch phát triển các khu đô thị; khu cụm công nghiệp, dịch vụ hai bên tuyến đường; thu hút nguồn lực địa phương (lao động, thiết bị máy móc, vật liệu xây dựng,...) góp phần phát triển kinh tế; cải thiện chất lượng đời sống người dân trong khu vực;

- Góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước trong việc huy động tổng hòa các nguồn lực đầu tư trong xã hội để đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương;

- Cải thiện đời sống xã hội tại khu vực, khi dự án hoàn thành sẽ thu hút đông đảo người dân đến với huyện, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh doanh dịch vụ quanh khu vực dự án. Về phía người dân sau khi bị thu hồi đất sẽ có cơ hội để chuyển đổi nghề nghiệp mang lại thu nhập cao hơn, thu nhập ổn định hơn so với làm nông nghiệp.

b) Tác động của dự án đối với môi trường, xã hội

Việc thực hiện dự án sẽ có những tác động nhất định tới môi trường trong khu vực, trong đó ảnh hưởng lớn tới môi trường không khí và tiếng ồn. Nguồn phát thải ô nhiễm phần lớn từ hoạt động thi công xây lắp, hoạt động của thiết bị máy móc, phát thải khí, khói bụi. Những tác động này mang tính chất tạm thời và sẽ chấm dứt khi dự án được hoàn thành. Tuy nhiên Nhà đầu tư khi lập dự án cần phải đưa ra các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế để hạn chế những tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Về mặt xã hội: Quá trình tiến khai dự án sẽ gây xáo trộn tới một bộ phận dân cư hiện đang sinh sống gần khu vực dự án, đặc biệt là những hộ thuộc diện giải tỏa, di dời để xây dựng công trình. Bên cạnh đó, việc tập trung một số lượng lớn thiết bị, máy móc, công nhân trong khoảng thời gian thi công công trình sẽ gây sức ép lớn lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước tại địa phương. Để giảm thiểu tác động này, ngoài việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công bằng quyền và lợi ích của người dân thì quá trình thực hiện dự án Nhà đầu tư cùng các cấp chính quyền địa phương cần tăng cường vận động, tuyên truyền để nhân dân cảm thông, chia sẻ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện dự án, đồng thời cần có biện pháp bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, sử dụng phương tiện đúng tải trọng phục vụ của công trình để hạn chế hư hỏng kết cấu hạ tầng khu vực dự án.

#### c) Những tác động tới kiến trúc cảnh quan:

Dự án xây dựng có thể sẽ phải tiến hành tháo dỡ một số các công trình kiến trúc của nhân dân có tác động tới kiến trúc cảnh quan khu vực. Tuy nhiên qua khảo sát cho thấy phần lớn các công trình kiến trúc trong khu vực dân cư phải phá dỡ đều ở dạng đơn giản, ít kiên cố, ít mang nét kiến trúc đặc trưng vùng miền do đó việc giải tỏa mặt bằng cho dự án có tính khả thi.

### 3.2.4. *Thẩm định tính khả thi của dự án*

#### a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật:

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật: UBND huyện Hiệp Hoà đề xuất quy mô, giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục của dự án về cơ bản đáp ứng được yêu cầu sử dụng, phù hợp với các quy hoạch xây dựng có liên quan, đáp ứng được yêu cầu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án có giải pháp kết cấu công trình đảm bảo được tính khả thi về công nghệ thi công đang phổ biến trên thị trường, có khả năng sử dụng nguồn nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương và các khu vực lân cận. Phương án kỹ thuật của dự án UBND huyện Hiệp Hoà đề xuất là những giải pháp phổ biến cho các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đã và đang được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh, do vậy những vấn đề rủi ro về mặt kỹ thuật của dự án cũng sẽ được dự phòng trước và có biện pháp chủ động xử lý khi xảy ra sự cố.

- Thiết kế sơ bộ của dự án: Trong quá trình chuẩn bị dự án, UBND huyện Hiệp Hoà và đơn vị tư vấn thường xuyên tham vấn ý kiến của các cơ quan quản lý về xây dựng để đề xuất giải pháp thiết kế sơ bộ dự án sát với yêu cầu thực tiễn. Những nội dung tồn tại của thiết kế sơ bộ dự án theo ý kiến của các cơ quan nhà nước cơ bản đã được UBND huyện Hiệp Hoà tiếp thu và chỉnh sửa.

b) Tính khả thi về mặt tài chính:

Phương án tài chính trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án cơ bản đáp ứng được nội dung yêu cầu theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 và Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính. Tổng mức đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở suất đầu tư năm 2017 do Bộ Xây dựng công bố, tham khảo suất đầu tư của một số dự án có quy mô tương tự đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh cơ bản phù hợp với quy mô, nội dung đầu tư của dự án; các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư được tính toán đầy đủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Nguồn vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn phù hợp với quy định tại Điều 10, Nghị định 63/2018/NĐ-CP. Phương án huy động vốn, kế hoạch vay, trả nợ vay, điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động... phù hợp với tiến độ và điều kiện thực tế của dự án.

Về phương án thu hồi vốn đầu tư: Dự án đã đề xuất được quỹ đất có giá trị tương đương để thực hiện thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất được tính toán, xác định sơ bộ trên cơ sở pháp luật về đất đai và các quy định của UBND tỉnh, sau khi cân đối với giá trị dự án BT vẫn còn dư một khoản dự kiến nộp vào ngân sách Nhà nước.

c) Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư:

Hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đề xuất các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư phù hợp với quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### *3.2.5. Thẩm định sự phù hợp của loại hợp đồng dự án*

a) Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng được lựa chọn:

UBND huyện Hiệp Hoà đề xuất thực hiện dự án theo hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) đối với lĩnh vực công trình giao thông trong bối cảnh nguồn lực chủ yếu từ quỹ đất đô thị là hoàn toàn phù hợp với điều kiện đầu tư trên địa bàn tỉnh, đồng thời đây cũng là hình thức hợp đồng có lợi thế hơn so với các hình thức đầu tư khác đảm bảo cho dự án có tính khả thi.

Về thời gian thực hiện dự án: UBND huyện Hiệp Hoà đề xuất thời gian thực hiện dự án 2018-2021 là phù hợp với quy mô của dự án nhóm B.

b) Tính hợp lý trong việc giải quyết rủi ro, vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện dự án:

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã đề cập và sơ bộ nhận diện được một số các yếu tố rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện dự án mà bên cần quan tâm giải quyết để dự án được hoàn thành theo đúng tiến độ, đạt mục tiêu, chất lượng và hiệu quả đầu tư. Đây mới là những đề xuất rủi ro sơ bộ được nhận diện trong bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, vấn đề này sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đề xuất cụ thể khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, đàm phán và ký kết hợp đồng dự án.

### *3.2.6. Kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án*

Thời gian thực hiện dự án trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án 2018-2021 phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với khối lượng công việc của

dự án và khả năng nguồn lực đề xuất cho dự án. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã phác thảo sơ bộ được cơ chế giám sát và quản lý dự án phù hợp với các quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP.

#### **IV. Kết luận**

Từ những nội dung phân tích ở trên, căn cứ vào Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được UBND huyện Hiệp Hoà hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án: Xây dựng đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng- Chuyển giao (BT) phù hợp với quy định của pháp luật, đủ điều kiện để xem xét, phê duyệt và công bố dự án.

#### **V. Kiến nghị**

Để có cơ sở công bố dự án và thực hiện các bước tiếp theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng đường nối ĐT296 với đường Vành đai IV Hà Nội, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng- Chuyển giao (BT).

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó CT UBND tỉnh Lại Thanh Sơn (b/c);
- VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Hiệp Hoà;
- Lưu VT, ĐTTĐ&GSĐT;

#### **\* Bản điện tử:**

- Lãnh đạo sở;
- Phòng THQH, HTKTĐN; KTN.

**GIÁM ĐỐC**



**Trịnh Hữu Thắng**



Số: 556/BC - SKHĐT

Bắc Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2018

## BÁO CÁO

**Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án: Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)**

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 49/2014/HQ13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014;
- Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;
- Căn cứ Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/03/2016 của Bộ Tài Chính quy định một số nội dung về quản lý tài chính đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2016/TT-BTC; Thông tư 30/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 75/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 55/2016/TT-BTC;
- Căn cứ Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định 318/QĐ-UBND ngày 18/07/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về đẩy mạnh phát triển đô thị tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết số 113-NQ/TU ngày 22/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (giai đoạn 2016 - 2020);

- Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư dọc hai bên tuyến Đường tỉnh 295B, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/500);

- Căn cứ Quyết định số 1391/QĐ-BXD ngày 09/10/2006 của Bộ xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Quang Châu, tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 17/04/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000;

- Căn cứ Quyết định số 285/ QĐ-UBND ngày 03/03/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang - Tỷ lệ 1/500;

- Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch chung thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030-tỷ lệ 1/5000;

- Căn cứ Thông báo kết luận số 363-TB/TU ngày 12/6/2018 của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên giao ban ngày 11/6/2018 về Chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư xây dựng theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyên giao (BT); Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 375-TB/TU ngày 29/6/2018;

Trên cơ sở ý kiến thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và

Đầu tư đã yêu cầu UBND huyện Hiệp Hoà hoàn chỉnh lại hồ sơ báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

Căn cứ theo Tờ trình số 16/TTr-BQLDA ngày 13/6/2018 của Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án với nội dung như sau:

### **I. Khái quát về nội dung dự án**

1.1. Tên dự án: Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

1.2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng dự án: UBND tỉnh Bắc Giang.

1.3. Đơn vị lập Báo cáo NCTKT: Ban QLDA ĐTXD các CT Giao thông tỉnh Bắc Giang.

1.4. Địa điểm, quy mô, diện tích sử dụng đất:

1.4.1. Địa điểm: Xã Quang Châu và thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4.2. Nội dung và Quy mô đầu tư:

a) *Nội dung đầu tư:* Đầu tư xây dựng mới cầu vượt qua QL1 kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, cụ thể như sau:

- Đầu tư xây dựng cầu vượt BTCT bề rộng cầu  $B=(0,5+12+0,5)=13\text{m}$  qua QL1 (km 129+200) kết nối tuyến vành đai IV với đường vào khu công nghiệp Quang Châu có chiều dài cầu  $L=245\text{m}$  (tính đến đuôi mố); Điểm đầu: km0+00 đường vào khu công nghiệp Quang Châu (km0+258), thuộc xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc giang; Điểm cuối Km 0+567,8 vượt về tuyến Vành đai IV thuộc thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng đường gom từ nút giao Sen Hồ đến cầu Như Nguyệt có chiều dài khoảng  $L = 4,7\text{km}$ ; điểm đầu Km0+00 nút giao Sen Hồ- Trúc Tay (Km126+900-lý trình đường gom QL1); Điểm cuối Km4+708 điểm vượt nối lên cầu Như Nguyệt (Km131+608-lý trình đường gom QL1).

b) *Quy mô đầu tư:*

\* Cầu vượt qua QL1 (Km 129+200-lý trình cao tốc QL1):

- Thiết kế cầu vượt BTCT DUL bề rộng cầu  $B=(0,5+12+0,5)=13\text{m}$ , kết cấu BTCT DUL; Tải trọng thiết kế HL93, người  $3 \times 10^{-3}\text{Mpa}$ ; Tĩnh không dưới cầu từ mặt đường xe chạy QL1 đến đáy dầm  $H_{tk} \geq 5.0\text{m}$ . Tĩnh không từ mặt đường gom chạy song song hai bên QL1 đến đáy dầm đảm bảo  $H_{tk} \geq 4.75\text{m}$ .

- Chiều dài cầu  $L=245\text{m}$ ; Sơ đồ 6 nhịp dự kiến  $39+4 \times 40+39\text{m}$ , kết cấu nhịp dầm dầm super T cắt khác. Hai đầu cầu thiết kế tường chắn, gờ chắn bằng BTCT,

chiều dài tường chắn, gờ chắn phía khu công nghiệp dài  $L=112\text{m}$ , phía đường vành đai IV dài  $L=107,6\text{m}$ . Kết cấu móng trụ cầu bằng BTCT, móng cọc khoan nhồi.

- Đường hai đầu cầu:

+ Phía đường vành đai IV: Thiết kế hệ thống đường gom với bề rộng lòng đường  $7,5\text{m}$  chạy dọc hai bên phạm vi tường chắn cầu sau đó vuốt nối vào đường gom QL1.

+ Phía đường vào khu công nghiệp Quang Châu: Tận dụng kết cấu mặt đường cũ, thiết kế tăng cường và mở rộng đường gom với  $B_n=9,5\text{m}$ ,  $B_m=7,5\text{m}$ ,  $B_h=2,0\text{m}$  chạy song song tường chắn đầu cầu và kết nối với đường gom QL1; Quy mô mặt cắt ngang trước móng  $B_n=13+2\times 7,5+2\times 2=32\text{m}$ .

+ Trong giai đoạn này chưa đầu tư đầu nối đường Vành đai IV, đường khu công nghiệp Quang Châu vào QL1.

\* Phần đường:

- Thiết kế quy mô mặt cắt ngang đường gom với  $B_{\text{nền}}=11,5\text{m}$ ,  $B_{\text{mặt}}=10,5\text{m}$ ,  $B_{\text{tê}}=2\times 0,5\text{m}$ .

- Đoạn vuốt nối từ đường gom bên phải lên tuyến chính QL1 được đầu tư với  $B_n=8,0\text{m}$ ,  $B_m=7,0\text{m}$  để đảm bảo an toàn cho các phương tiện khi nhập làn QL1.

- Các hạng mục dự kiến đầu tư gồm: Nền, mặt đường; hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang, hệ thống an toàn giao thông.

#### 1.4.4. Nhu cầu sử dụng đất, nguồn tài nguyên:

Công trình BT được đầu tư trên khu vực hiện trạng là đất thuộc hành lang đường cũ, đất canh tác, đất ao hồ, vườn và một phần đất thổ cư thuộc địa phận huyện Việt Yên. Diện tích đất xây dựng công trình khoảng  $9\text{ha}$ , trong đó đất phải thu hồi để xây dựng công trình BT khoảng  $5\text{ha}$  (gồm đất nông nghiệp, đất thổ cư và các loại đất khác).

1.5. Loại hợp đồng dự án: Xây dựng – Chuyên giao (BT).

1.6. Sơ bộ phương án tài chính:

a) Tổng vốn đầu tư **312.000.000.000 đồng**

*(Ba trăm mười hai tỷ đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	211.000.000.000 đồng
- Chi phí GPMB:	9.000.000.000 đồng
- Chi phí QLDA:	4.000.000.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	11.000.000.000 đồng
- Chi phí khác:	30.000.000.000 đồng
- Chi phí lãi vay:	7.000.000.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	40.000.000.000 đồng

b) Giá trị dự án BT: **272.000.000.000 đồng.**

c) Nguồn vốn thực hiện dự án:

Nhà đầu tư dùng vốn chủ sở hữu và vốn vay thương mại huy động để đầu tư toàn bộ dự án. Nhà nước không góp vốn, hỗ trợ vốn để thực hiện dự án này.

Dự kiến cơ cấu nguồn vốn như sau:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư (20%): 62.400.000.000 đồng;
- Vốn vay thương mại dự kiến huy động (80%): 249.600.000.000 đồng.

d) Phương án huy động vốn:

\* *Huy động vốn chủ sở hữu:*

- Tổng số: 62.400.000.000 đồng;
- Phương án huy động: Nhà đầu tư sử dụng phần vốn chủ sở hữu của mình để bố trí thực hiện dự án. Nhà đầu tư phải gửi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu theo cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của nguồn vốn chủ sở hữu bố trí cho dự án.

- Tiến độ giải ngân: Dự kiến sẽ bố trí phần vốn chủ sở hữu tham gia thực hiện dự án để triển khai trước và giải ngân hết trong năm đầu thực hiện dự án.

\* *Huy động nguồn vốn vay thương mại:*

- Tổng số: 249.600.000.000 đồng.
- Thời gian vay: Phần vốn vay thương mại dự kiến sẽ được huy động theo tiến độ thực hiện hợp đồng dự án 03 năm. Thời gian vay từng cho từng khoản cụ thể sẽ được xác định theo số liệu hàng tháng, quý và xem xét thời điểm cắt lãi vay khi thanh toán khối lượng dự án.

- Nhu cầu vay theo từng năm dự kiến: 10%, 35% và 35% (tính theo tổng vốn đầu tư);

- Lãi suất vay: Lãi suất vay dự kiến đề xuất theo mức tối đa được quy định Điều 1, Thông tư số 75/2017/TT-BTC và khoản 1, Điều 1, Thông tư số 30/2018/TT-BTC. Mức lãi vay áp dụng để tính toán chi phí lãi vay trong phương án tài chính là 6,42%.

- Đồng tiền vay: Việt Nam đồng.

- Điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động: Nhà đầu tư phải có cam kết hoặc văn bản thỏa thuận giữa tổ chức cho vay với Nhà đầu tư.

- Tiến độ giải ngân: Khoản vay thương mại dự kiến giải ngân tương ứng với tiến độ thực hiện hợp đồng dự án, tỷ lệ giải ngân theo từng năm: Năm thứ nhất: 10%; năm thứ 2: 35% và năm thứ 3 là 35% (tính theo tổng vốn đầu tư).

- Phương án trả nợ vốn vay huy động: Các khoản vay thương mại sẽ được Nhà đầu tư hoàn trả theo kế hoạch thanh toán dự án BT và kế hoạch kinh doanh của dự án khác. Khi khối lượng dự án BT được Nhà nước thanh toán bằng giá trị quỹ đất thì các khoản vay trước đó (tương ứng với giá trị dự án thanh toán) sẽ được cắt lãi, Nhà đầu tư phải có trách nhiệm bố trí kinh phí để trả nợ vay.

đ) Phần nhà nước tham gia trong dự án: Là giá trị quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản

công để thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao.

e) Phương án thanh toán dự án và thu hồi vốn đầu tư:

*\* Phương án thu hồi vốn đầu tư:*

Nhà nước dự kiến dùng quỹ đất có diện tích khoảng 11ha (hiện trạng là đất chưa giải phóng mặt bằng) thuộc khu dân cư số 08, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500) giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác, trong đó sử dụng khoảng 3,4ha đất ở (đất phân lô bán nền) để thanh toán dự án BT, nhà đầu tư sẽ kinh doanh trên quỹ đất thanh toán trên để thu hồi vốn đầu tư.

*\* Phương án thanh toán dự án:*

Việc thanh toán dự án sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) tại thời điểm nhà nước ban hành quyết định giao đất cho nhà đầu tư. Nhà nước sử dụng 3,4ha đất ở (phân lô bán nền) thuộc khu đất giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án khác để thanh toán dự án BT:

- Giá trị quỹ đất thanh toán dự án BT tính sơ bộ: 313.000.000.000 đồng;
- Giá trị dự án BT: 272.000.000.000 đồng;
- Khoản chênh lệch nộp ngân sách nhà nước 41.000.000.000 đồng.

Kế hoạch thanh toán dự án BT dự kiến 02 đợt vào cuối các năm thứ nhất và năm thứ hai của dự án, giá trị thanh toán mỗi đợt 50% .

1.7. Thời gian thực hiện hợp đồng dự án: 2018-2021.

1.8. Ưu đãi và đảm bảo đầu tư

Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

1.9. Các nội dung khác: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.

## **II. Tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan**

Sở Xây dựng (Công văn số 1221/SXD-PTHT&HTKT ngày 22/6/2018); Sở GTVT (Công văn số 2506/SGTVT-QLCL ngày 25/6/2018); Sở Tài chính (Công văn số 1060/STC-QLGCS 25/6/2018); Sở Tài Nguyên và Môi trường (Công văn số 1469/TNMT-KHTC ngày 22/6/2018).

Trên cơ sở thực hiện các kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã yêu cầu Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông hoàn thiện cơ bản các nội dung theo ý kiến thẩm định của các đơn vị.

## **III. Tổng hợp kết quả thẩm định**

### **3.1. Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ**

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án: Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) do Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông trình thẩm định, phê duyệt cơ bản đầy đủ theo yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

### **3.2. Thẩm định về nội dung của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi**

#### **3.2.1. Sự cần thiết đầu tư dự án**

Việt Yên là một huyện có nhiều tiềm năng phát triển, nguồn lao động dồi dào, các cụm công nghiệp, nhà máy nằm tập trung. Hiện tại, khu vực dọc cao tốc Hà Nội-Bắc Giang đi qua huyện đã phát triển nhiều khu công nghiệp (Quang Châu, Vân Trung, Đình Trám, Việt Hàn..); các xã Hoàng Ninh, Nénh, Quang Châu, Vân Trung có mật độ dân cư tập trung lớn. Dự án đường Vành đai IV (Hà Nội) địa phận tỉnh Bắc Giang đã cơ bản hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, đang triển khai thi công tuyến chính; Theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, vị trí giao cắt giữa đường Vành đai IV và cao tốc Hà Nội-Bắc Giang sẽ thiết kế giao cắt lập thể.

Để đảm bảo tính đồng bộ, giảm tải lưu lượng xe lưu thông qua cầu vượt QL37; trong tương lai đường vành đai IV, cầu vượt QL1 sẽ là tuyến đường huyết mạch của tỉnh Bắc Giang, đảm bảo lưu thông hàng hóa thuận lợi giữa các khu công nghiệp Quang Châu, Châu Minh - Mai Đình (tỉnh Bắc Giang), Đình Trám, Vân Trung với khu công nghệ cao thuộc Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên; đẩy nhanh quá trình xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng giao thông, tạo điều kiện thông thoáng, thu hút đầu tư, đảm bảo điều kiện đi lại của người dân được thuận lợi, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng thì cần thiết phải đầu tư xây dựng cầu vượt kết nối tuyến vành đai IV (Hà Nội) với đường vào khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1.

Các hạng mục đầu tư tư của dự án hoàn toàn phù hợp với lĩnh vực đầu tư quy định tại Điều 4, Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018; phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 28/7/2015; phù hợp với quy hoạch chung thị trấn Nénh được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 18/12/2012 của UBND về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tỷ lệ 1/5000 và Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Quang Châu được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 17/04/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, tỷ lệ 1/2000.

Trước nhu cầu rất lớn về nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong bối cảnh nguồn vốn đầu tư công còn hạn hẹp và có xu hướng thuyên giảm thì việc mở rộng phương thức đầu tư mới nhằm huy động nguồn lực của toàn xã hội đầu tư vào kết cấu hạ tầng của đất nước là hướng đi mới và cần thiết. Một trong những hướng đi mới trong việc huy động nguồn lực này là sự thiết lập mối quan hệ đối tác công - tư dưới nhiều hình thức hợp đồng khác nhau, trong đó sử dụng nguồn lực đất đai như một đòn bẩy đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng để đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Trong điều kiện nguồn lực thanh toán của địa phương chủ yếu từ quỹ đất đô thị thì việc Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) là giải pháp hiệu quả, có tính khả thi cao so với các hình thức hợp đồng PPP khác. Việc đầu tư dự án theo hình thức hợp đồng BT dưới hình thức giao đất (chưa có hạ tầng) cho nhà đầu tư để thanh toán dự án BT còn góp phần thúc đẩy đô thị hóa tại khu vực giao đất thông qua việc thực hiện dự án khác.

### *3.2.2. Thẩm định các yếu tố cơ bản của dự án*

#### a) Mục tiêu của dự án:

Đầu tư xây dựng cầu vượt QL1 kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1 nhằm từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch và định hướng phát triển của tỉnh; tăng cường kết nối 2 bên đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, giảm tải áp lực giao thông tại nút giao QL37, đồng thời nâng cao hiệu quả đầu tư tuyến đường vành đai IV đang được đầu tư. Công trình hoàn thành sẽ giúp các KCN lớn của tỉnh (như KCN Quang Châu, Vân Trung, Đình Trám...) kết nối thuận tiện với các khu công nghệ cao thuộc thành phố Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên, cũng như kết nối với cao tốc Hà Nội – Thái Nguyên; tạo điều kiện đi lại thuận tiện, thông thoáng, thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp, dịch vụ, đô thị khu vực dự án và dọc tuyến vành đai IV. Qua đó tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh và khu vực.

#### b) Quy mô, công suất của dự án:

Quy mô các hạng mục của dự án phù hợp với Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030; phù hợp với Quy hoạch chung huyện Việt Yên đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

Ngoài ra, quy mô của dự án còn phù hợp với nhu cầu vận tải và yêu cầu phát triển đô thị của tỉnh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai, phù hợp với khả năng nguồn lực từ quỹ đất đô thị và nhu cầu thị trường bất động sản trong thời gian tới. Việc lựa chọn quy mô và giải pháp xây dựng công trình phù hợp với điều kiện cung ứng nguyên vật liệu của địa phương và vùng lân cận, phù hợp với công nghệ thi công phổ biến trên thị trường.



c) Địa điểm thực hiện dự án:

Nhìn chung địa điểm xây dựng công trình có đặc điểm tự nhiên cơ bản thuận lợi cho hoạt động xây dựng.

d) Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

Để phục vụ xây dựng dự án phải tiến hành GPMB khoảng 5ha (gồm đất nông nghiệp, đất thổ cư và các loại đất khác). Đây là khối lượng giải phóng mặt bằng tuy không lớn liên quan đến nhiều hộ dân nên đòi hỏi các cấp chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Việc thu hồi mặt bằng để phục vụ xây dựng công trình được thực hiện trên cơ sở lập phương án và tổ chức hỗ trợ, bồi thường theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đất đai và hoàn toàn có tính khả thi.

### 3.2.3. Thẩm định hiệu quả dự án

a) Những đóng góp của dự án đối với phát triển kinh tế - xã hội:

Dự án Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) khi được đầu tư sẽ mang lại những hiệu quả tích cực đối với kinh tế, xã hội của địa phương, được thể hiện ở các mặt:

- Cụ thể hóa quy hoạch quy hoạch GTVT tỉnh Bắc Giang, định hướng quy hoạch và đô thị của huyện Việt Yên.

- Từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng thiết yếu cho huyện Việt Yên nói chung và khu vực phía Tây Bắc tỉnh Bắc Giang nói chung.

- Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1 nhằm cải thiện bộ mặt đô thị, làm tiền đề tạo cơ sở hạ tầng để xây dựng hoàn chỉnh các khu vực đã được quy hoạch quanh vùng nghiên cứu.

- Huy động tối đa và xã hội hóa nguồn vốn đầu tư, giảm bớt gánh nặng nguồn vốn xây dựng cơ bản cho huyện Việt Yên.

- Tạo đòn bẩy thúc đẩy phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp dịch vụ khi đầu tư dự án;

- Góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển theo chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước trong việc huy động tổng hòa các nguồn lực đầu tư trong xã hội để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương.

b) Tác động của dự án đối với môi trường, xã hội

Việc thực hiện dự án sẽ có những tác động nhất định tới môi trường trong khu vực, trong đó ảnh hưởng lớn tới môi trường không khí và tiếng ồn. Nguồn phát thải ô nhiễm phần lớn từ hoạt động thi công xây lắp, hoạt động của thiết bị máy móc, phát thải khí, khói bụi. Những tác động này mang tính chất tạm thời và

sẽ chậm dứt khi dự án được hoàn thành. Tuy nhiên Ban QLDA ĐTXD các CTGT khi lập dự án cần phải đưa ra các giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế để hạn chế những tác động xấu đến môi trường xung quanh.

Về mặt xã hội: Quá trình tiến khai dự án sẽ gây xáo trộn tới một bộ phận dân cư hiện đang sinh sống gần khu vực dự án, đặc biệt là những hộ thuộc diện giải tỏa, di dời để xây dựng công trình. Bên cạnh đó, việc tập trung một số lượng lớn thiết bị, máy móc, công nhân trong khoảng thời gian thi công công trình sẽ gây sức ép lớn lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước tại địa phương. Để giảm thiểu tác động này, ngoài việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ thỏa đáng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công bằng quyền và lợi ích của người dân thì quá trình thực hiện dự án Nhà đầu tư cùng các cấp chính quyền địa phương cần tăng cường vận động, tuyên truyền để nhân dân cảm thông, chia sẻ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện dự án, đồng thời cần có biện pháp bảo vệ môi trường nghiêm ngặt, sử dụng phương tiện đúng tải trọng phục vụ của công trình để hạn chế hư hỏng kết cấu hạ tầng khu vực dự án.

c) Những tác động tới kiến trúc cảnh quan:

Dự án xây dựng cơ sở thể phải tiến hành tháo dỡ một số các công trình kiến trúc của nhân dân có tác động tới kiến trúc cảnh quan khu vực. Tuy nhiên qua khảo sát cho thấy phần lớn các công trình kiến trúc trong khu vực dân cư phải phá dỡ đều ở dạng đơn giản, ít kiên cố, ít mang nét kiến trúc đặc trưng vùng miền do đó việc giải tỏa mặt bằng cho dự án có tính khả thi.

3.2.4. Thẩm định tính khả thi của dự án

a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật:

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật: Quy mô, giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục của dự án về cơ bản đáp ứng được yêu cầu sử dụng, phù hợp với các quy hoạch xây dựng có liên quan, đáp ứng được yêu cầu theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án có giải pháp kết cấu công trình đảm bảo được tính khả thi về công nghệ thi công đang phổ biến trên thị trường, có khả năng sử dụng nguồn nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương và các khu vực lân cận. Phương án kỹ thuật của dự án là những giải pháp phổ biến cho các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đã và đang được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh, do vậy những vấn đề rủi ro về mặt kỹ thuật của dự án cũng sẽ được dự phòng trước và có biện pháp chủ động xử lý khi xảy ra sự cố.

- Thiết kế sơ bộ của dự án: Trong quá trình chuẩn bị dự án, Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông thường xuyên tham vấn ý kiến của các cơ quan quản lý về xây dựng để đề xuất thiết kế cơ sở cho dự án sát với yêu cầu thực tiễn. Những nội dung tồn tại của thiết kế sơ bộ dự án theo ý kiến của cơ quan thẩm định cơ bản đã được Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tiếp thu và chỉnh.

b) Tính khả thi về mặt tài chính:

Phương án tài chính của Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án cơ bản đáp ứng được nội dung yêu cầu theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 55/2016/TT-BTC ngày 23/3/2016 và Thông tư số 75/2017/TT-BTC ngày 21/7/2017 của Bộ Tài chính. Tổng mức đầu tư của dự án được xác định trên cơ sở suất đầu tư năm 2017 do Bộ Xây dựng công bố, tham khảo suất đầu tư của một số dự án có quy mô tương tự đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh cơ bản phù hợp với quy mô, nội dung đầu tư của dự án; các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư được tính toán đầy đủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước. Nguồn vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn phù hợp với quy định tại Nghị định 63/2018/NĐ-CP. Phương án huy động vốn, kế hoạch vay, trả nợ vay, điều kiện đảm bảo nguồn vốn huy động phù hợp với tiến độ và điều kiện thực tế của dự án.

Về phương án thu hồi vốn đầu tư: Dự án đã đề xuất được quỹ đất có giá trị tương đương để thực hiện thanh toán dự án BT. Giá trị quỹ đất được tính toán, xác định sơ bộ trên cơ sở pháp luật về đất đai và các quy định của UBND tỉnh, sau khi cân đối với giá trị công trình BT vẫn còn dư một khoản dự kiến nộp vào ngân sách Nhà nước.

c) Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư:

Hồ sơ đề xuất dự án đề xuất các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư phù hợp với quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### *3.2.5. Thẩm định sự phù hợp của loại hợp đồng dự án*

a) Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng được lựa chọn: Việc đề xuất thực hiện dự án theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT) đối với công trình thuộc lĩnh vực giao thông trong bối cảnh nguồn lực chủ yếu từ quỹ đất đô thị là hoàn toàn phù hợp với điều kiện đầu tư trên địa bàn tỉnh, đồng thời đây cũng là hình thức hợp đồng có lợi thế hơn so với các hình thức đầu tư khác.

Về thời gian thực hiện dự án: Thời gian thực hiện dự án 2018-2021 là phù hợp với quy mô của dự án nhóm B, phù hợp với yêu cầu của tỉnh đưa công trình vào khai thác sử dụng và xây dựng đô thị huyện Việt Yên.

b) Tính hợp lý trong việc việc giải quyết rủi ro, vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện dự án:

Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã đề cập và sơ bộ nhận diện được một số các yếu tố rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện dự án mà bên cần quan tâm giải quyết để dự án được hoàn thành theo đúng tiến độ, đạt mục tiêu, chất lượng và hiệu quả đầu tư. Đây mới là những đề xuất rủi ro sơ bộ được nhận diện trong bước lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, vấn đề này sẽ tiếp tục được nghiên cứu, đề xuất cụ thể khi lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, đàm phán và ký kết hợp đồng dự án.

### *3.2.6. Kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án*

Thời gian thực hiện dự án trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án 2018-2021 phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với khối lượng công việc của dự án và khả năng nguồn lực đề xuất cho dự án. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đã phác thảo sơ bộ được cơ chế giám sát và quản lý dự án phù hợp với các quy định của Nghị định 63/2018/NĐ-CP.

#### **IV. Kết luận**

Từ những nội dung phân tích ở trên, căn cứ vào Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã được Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông hoàn chỉnh theo ý kiến thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư đánh giá hồ sơ Báo cáo NCKT dự án: Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) là phù hợp với các quy định của pháp luật, đủ điều kiện để xem xét, phê duyệt và công bố dự án.

#### **V. Kiến nghị**

Để có cơ sở công bố dự án và thực hiện các bước tiếp theo, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom QL1, tỉnh Bắc Giang theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT).

Sở Kế hoạch và Đầu tư báo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Phó CT UBND tỉnh Lại Thanh Sơn (b/c);
- VP UBND tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD các CTGT;
- Lưu VT, ĐTTĐ&GSĐT;
- \* **Bản điện tử:**
- Lãnh đạo sở;
- Phòng THQH, HTKTĐN; KTN.

**GIÁM ĐỐC**



**Trịnh Hữu Thắng**